

20

YEARS OF DEVELOPMENT

13

BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN



Mục Lục

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH NỔI BẬT	03
THÔNG ĐIỆP CỦA CHỦ TỊCH HĐQT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC	04
TỔNG QUAN VỀ VPBANK	06
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2013	17
BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN NĂM 2013	43
BÁO CÁO QUẢN TRỊ CÔNG TY	106
KẾ HOẠCH KINH DOANH 2014	122
MẠNG LƯỚI VPBANK	124

TẦM NHÌN

Đến năm

2017

VPBank trở thành

1

trong 5 ngân hàng TMCP hàng đầu Việt Nam
trong 3 ngân hàng TMCP bán lẻ hàng đầu Việt Nam

GIÁ TRỊ CỐT LÕI

KHÁCH HÀNG LÀ TRỌNG TÂM

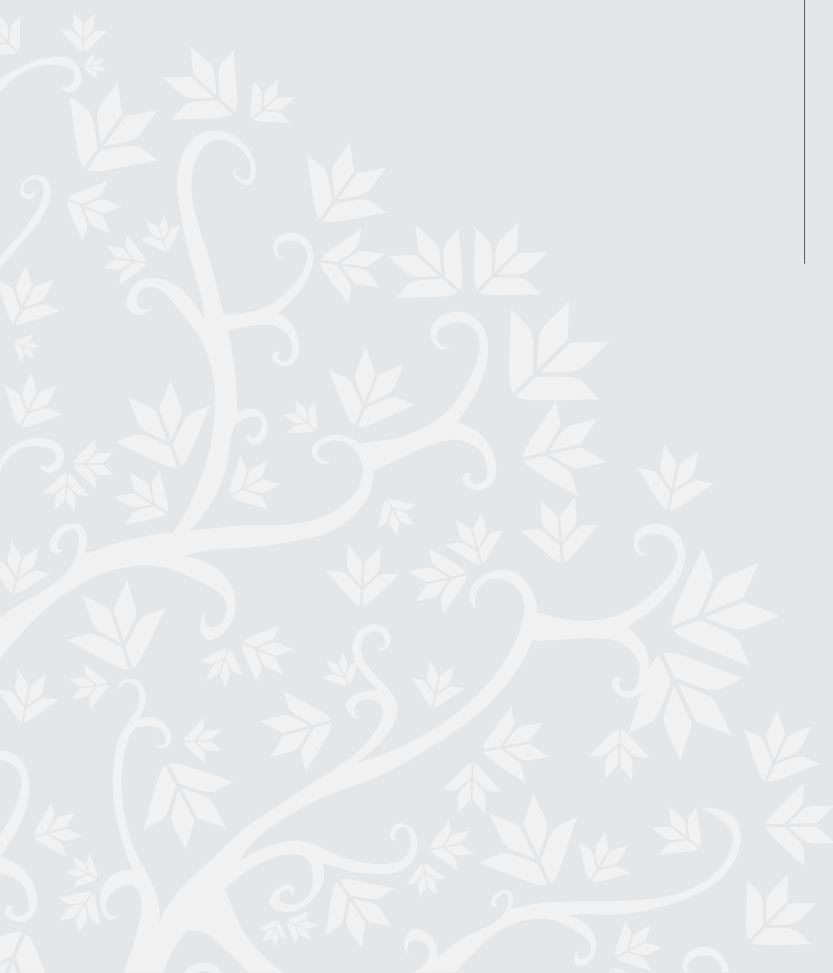
HIỆU QUẢ

THAM VỌNG

PHÁT TRIỂN CON NGƯỜI

TIN CẬY

TẠO SỰ KHÁC BIỆT



CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH NỔI BẬT

MỘT SỐ CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	Đơn vị tính	2011	2012	2013
Tổng tài sản	Tỷ đồng	82.818	102.673	121.264
Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	5.996	6.709	7.727
Huy động từ Khách hàng	Tỷ đồng	29.412	59.514	83.844
Cho vay khách hàng	Tỷ đồng	29.184	36.903	52.474
Thu nhập hoạt động thuần	Tỷ đồng	2.487	3.114	4.969
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	1.064	949	1.355

MỘT SỐ CHỈ TIÊU AN TOÀN VÀ HIỆU QUẢ	Đơn vị tính	2011	2012	2013
ROA	%	1,12	0,77	0,91
ROE	%	14	11	14
Hệ số an toàn CAR	%	11,9	12,5	12,5
LDR	%	134	76	77

LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ (tỷ đồng)



TỔNG TÀI SẢN (tỷ đồng)



HUY ĐỘNG KHÁCH HÀNG (tỷ đồng)



CHO VAY KHÁCH HÀNG (tỷ đồng)



CAGR: Tốc độ tăng trưởng hàng năm kép

THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HĐQT & TỔNG GIÁM ĐỐC



Năm 2013 là năm thứ hai Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank) thực hiện chiến lược ba gọng kim nhằm hiện thực hóa tầm nhìn trở thành một trong 5 Ngân hàng TMCP hàng đầu Việt Nam và một trong 3 Ngân hàng TMCP bán lẻ hàng đầu Việt Nam vào năm 2017.

Với tầm nhìn và chiến lược đó, các kế hoạch chuyển đổi của Ngân hàng thông qua hàng loạt dự án trọng điểm nhằm: (i) thúc đẩy tăng trưởng mạnh mẽ; (ii) xây dựng, củng cố tổ chức và các hệ thống nền tảng; (iii) tăng hiệu suất lao động; và (iv) giảm thiểu các chi phí rủi ro hoạt động, đã được triển khai quyết liệt và mạnh mẽ trong năm 2013.

Về kết quả tài chính, VPBank đã hoàn thành nhiều chỉ tiêu quan trọng, qua đó trở thành một trong những Ngân hàng TMCP có kết quả hoạt động kinh doanh khả quan trong năm 2013:

- ♦ Huy động khách hàng tăng 24,4 ngàn tỷ, tương đương tăng 41% so với năm 2012. Đây là tỷ lệ tăng trưởng tốt trong nhóm các Ngân hàng TMCP;
- ♦ Dự nợ cho vay tăng 15,6 ngàn tỷ, tương đương khoảng 42% với so với năm 2012. Đây cũng là chỉ số được đánh giá cao trong bối cảnh tăng trưởng tín dụng khó khăn của thị trường ngân hàng;
- ♦ Lợi nhuận trước thuế hợp nhất đạt 1.355 tỷ, tăng 43% và vượt kế hoạch đã được Đại Hội đồng Cổ đông thông qua.

Việc đạt được những kết quả đáng tự hào này trong bối cảnh nền kinh tế còn bộn bề khó khăn là nhờ Ngân hàng đã chuẩn bị một hệ thống nền tảng tốt ngay từ năm đầu tiên thực hiện chiến lược chuyển đổi. Riêng trong năm 2013, VPBank đã tập trung hoàn thiện các nhóm công việc quan trọng sau:

- ♦ **Hệ thống Vận hành:** triển khai tập trung hóa các mô hình vận hành, bao gồm nâng cao chất lượng và mở rộng hoạt động phê duyệt tín dụng tập trung; tập trung công tác định giá; nâng cấp trung tâm dịch vụ khách hàng doanh nghiệp; tách bạch nhiều hoạt động phụ trợ sang các công ty thành viên;

- ♦ **Hệ thống Quản trị Rủi ro:** ổn định bộ máy tổ chức mới; ban hành hàng loạt văn bản định hình chính sách quản trị rủi ro; xây dựng chiến lược quản trị rủi ro; triển khai hoạt động giám sát tín dụng; chú trọng quản trị rủi ro hoạt động; ban hành hệ thống đánh giá và nâng cao chất lượng các bộ chăm điểm khách hàng cá nhân và doanh nghiệp vừa và nhỏ;
- ♦ **Hệ thống Thu hồi nợ:** xây dựng và tổ chức thành công hệ thống thu hồi nợ tập trung, giải phóng các đơn vị kinh doanh khỏi chức năng thu hồi nợ để đẩy mạnh kinh doanh;
- ♦ **Hệ thống Công nghệ Thông tin (CNTT):** đã xây dựng chiến lược CNTT toàn ngân hàng, triển khai một loạt các dự án trọng điểm nhằm hỗ trợ cho việc phát triển kinh doanh và hệ thống;
- ♦ **Công tác Quản trị Tài chính:** đã tiến hành xây dựng kế hoạch, theo dõi đánh giá chi tiết đến từng khối, từng đơn vị kinh doanh và đến từng hoạt động kinh doanh cụ thể; thực hiện thành công việc tập trung hóa các công tác báo cáo; giám sát chặt chẽ chi tiêu nội bộ; thực hiện lập báo cáo tài chính theo chuẩn quốc tế IFRS; bước đầu chuẩn hóa công tác quản trị dữ liệu và xây dựng báo cáo tự động;
- ♦ Điểm đáng chú ý khác trong năm 2013 là các kế hoạch triển khai, kiện toàn cơ cấu tổ chức vẫn tiếp tục được chú trọng với việc thành lập mới các đơn vị kinh doanh như Khối Khách hàng Doanh nghiệp (CMB), các Trung tâm Khách hàng Doanh nghiệp Vừa và Nhỏ (SME)...; bước đầu khởi động và chuẩn bị cho kế hoạch tổ chức lại hệ thống bán hàng và dịch vụ theo hướng chuyên môn hóa vai trò bán sản phẩm, dịch vụ và vai trò chăm sóc khách hàng tại các chi nhánh; tối ưu hóa các sản phẩm dịch vụ để gia tăng tiện ích cho khách hàng, tạo nền tảng cho việc nhân rộng trong năm 2014.

Bước sang năm 2014, Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành VPBank sẽ tiếp tục triển khai các dự án chiến lược xuyên suốt

bốn yếu tố chuyển đổi của Ngân hàng, bao gồm các nội dung trọng tâm sau:

- ♦ Tiếp tục củng cố hệ thống nền tảng của ngân hàng trong giai đoạn nửa đầu năm 2014 bằng các dự án chiến lược về quản trị rủi ro, vận hành, nhân sự, công nghệ thông tin, v.v. Trong đó, đáng chú ý là các dự án: nâng cấp hệ thống phát hành và quản lý thẻ; tự động hóa các khối hỗ trợ (ERP); xây dựng và triển khai Trung tâm Phân tích Kinh doanh; hoàn thiện việc vận hành hệ thống thu hồi nợ tập trung mới; triển khai hệ thống E-banking mới; triển khai các hợp phần quan trọng của Chiến lược Quản trị Rủi ro; hoàn thiện chương trình đánh giá năng lực cán bộ toàn ngân hàng và triển khai bước một của chương trình nâng cao chất lượng nhân sự;
- ♦ Tận dụng các thành quả của hệ thống nền tảng đã được củng cố trong các năm 2012 - 2013 và giai đoạn nửa đầu 2014, Ngân hàng sẽ tập trung nguồn lực phát triển kinh doanh đột phá trong các khu vực kinh doanh chủ đạo trong 6 tháng cuối năm 2014: nhanh chóng mở rộng các chiến dịch bán hàng quy mô lớn, thúc đẩy hiệu quả bán hàng từ các dự án chuyên môn hóa vai trò bán hàng, chăm sóc khách hàng và phối hợp bán chéo sản phẩm giữa các kênh bán hàng truyền thống và các kênh thay thế mới, phát triển mạnh mẽ các sản phẩm dịch vụ tiện ích hiện đại.

Năm 2014 được coi là năm bản lề chuyển từ việc củng cố các hệ thống nền tảng sang mở đầu giai đoạn tăng trưởng và bứt phá trong chiến lược 5 năm của VPBank. Chúng tôi mong sẽ tiếp tục nhận được sự tin tưởng và ủng hộ hơn nữa của Quý khách hàng, Quý cổ đông, các nhà đầu tư và các đối tác. Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành cam kết sẽ nỗ lực để đạt được các kế hoạch đã đề ra, mang lại những giá trị gia tăng lớn cho cổ đông của VPBank.

Xin trân trọng cảm ơn.



Ngô Chí Dũng
Chủ tịch HĐQT



Nguyễn Đức Vinh
Tổng Giám đốc



TỔNG QUAN VỀ VPBANK

- 07 VPBank - 20 năm phát triển
- 09 Sơ đồ tổ chức
- 10 Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát
- 12 Thành viên Ban Điều hành

VPBANK

20

NĂM PHÁT TRIỂN

Năm 2013 đánh dấu một mốc quan trọng trong hành trình 20 năm thành lập và phát triển của VPBank (12/8/1993 – 12/8/2013): tiếp tục giữ đà phát triển nhanh và vững chắc trước những khó khăn của nền kinh tế và đã có những bứt phá đáng chú ý trên thị trường ngân hàng.

Chuyển đổi mạnh mẽ

Chương trình chuyển đổi toàn diện được VPBank khởi động từ năm 2010, cùng với việc đổi tên từ Ngân hàng TMCP Các Doanh Nghiệp Ngoài Quốc Doanh Việt Nam thành Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng. Trước đó, VPBank đã ghi dấu ấn trên thị trường nhờ định hướng đầu tư phát triển hạ tầng công nghệ: Ngân hàng giới thiệu thẻ chip đầu tiên tại Việt Nam, VPBank Platinum MasterCard vào năm 2007; một trong những ngân hàng đi đầu trên thị trường triển khai dịch vụ Ngân hàng điện tử vào năm 2009... Tuy nhiên, phải đến chương trình chuyển đổi toàn diện năm 2010 với sự tư vấn của công ty McKinsey, VPBank mới thực sự "lột xác" trên mọi phương diện. Một loạt các sáng kiến xây dựng nền tảng và phát triển kinh doanh đã được triển khai như: Sáng kiến Thúc đẩy Bán hàng (SSP), Sáng kiến Đề xuất Giá trị cho các Phân khúc Khách hàng, Sáng kiến Phát triển Mạng lưới, Sáng kiến Cơ cấu Tổ chức và Nhân sự, Sáng kiến Tăng cường Quản trị Rủi ro, Sáng kiến Tập trung hóa Phê duyệt Tín dụng.

Năm 2012, VPBank đã chủ động xây dựng chiến lược tăng trưởng tham vọng cho giai đoạn 2012 – 2017 trước những chuyển biến từ trong nội tại và sự thay đổi của môi trường bên ngoài, đặt mục tiêu trở thành một trong 5 ngân hàng TMCP hàng đầu Việt Nam và một trong 3 ngân hàng TMCP bán lẻ hàng đầu Việt Nam vào năm 2017.

Chiến lược "3 gọng kim" được VPBank quyết liệt triển khai nhằm tăng trưởng hữu cơ trong các phân khúc khách hàng

mục tiêu, đẩy mạnh xây dựng nền tảng và theo sát các cơ hội trên thị trường. Một loạt các sáng kiến mới đã được triển khai, bao gồm: Dự án Chiến lược Kênh Thay thế, Dự án Chiến lược Thu phí, Dự án Chiến lược SME, Dự án Chiến lược Quản trị Rủi ro, Dự án Chiến lược Công nghệ Thông tin, Dự án Thu hồi nợ, và gần đây nhất là Dự án Chuyển đổi Hệ thống Bán hàng và Kênh Phân phối.

Bứt phá ngoạn mục

Những nỗ lực chuyển đổi của VPBank đã mang lại kết quả đáng mừng. Sự tăng trưởng vượt bậc của VPBank thể hiện sinh động ở mức độ mở rộng mạng lưới các chi nhánh, điểm giao dịch trên toàn quốc cùng sự phát triển đa dạng của các kênh bán hàng và phân phối.

Sau 20 năm hoạt động, VPBank đã có trên 200 điểm giao dịch, trong đó có 63 Trung tâm SME hiện đại, chuyên nghiệp, gần 7.000 CBNV và cộng tác viên bán hàng. Vốn điều lệ của Ngân hàng đã tăng từ mức 210 tỷ đồng năm 2004 lên 5.770 tỷ đồng vào năm 2013. Tháng 2/2014, NHNN đã chấp thuận phương án tăng vốn điều lệ của VPBank lên mức 6.347 tỷ đồng. Năm 2011, VPBank lần đầu tiên đạt lợi nhuận trước thuế vượt mức 1.000 tỷ đồng. Năm 2012, tổng tài sản lần đầu tiên vượt mức 100.000 tỷ đồng. Năm 2013, lợi nhuận trước thuế tăng 43% so với năm 2012, lợi nhuận sau thuế lần đầu tiên vượt mức 1.000 tỷ đồng.

Nhờ các chương trình đề xuất giá trị và nghiên cứu nhận diện thương hiệu mới, hệ thống điểm giao dịch của VPBank đã được thay đổi hoàn toàn về diện mạo, mô hình và tiện nghi phục vụ.

Các sản phẩm, dịch vụ của VPBank luôn được cải tiến và kết hợp thêm nhiều tiện ích nhằm gia tăng quyền lợi cho khách hàng. Tất cả đã góp phần làm hài lòng khách hàng hiện tại và thu hút thêm khách hàng mới, mở rộng cơ sở khách hàng và nhanh chóng gia tăng lượng tiền gửi tại VPBank. Năm 2012, huy động vốn từ dân cư của VPBank tăng trưởng 102%, dẫn đầu thị trường. Năm 2013, cơ sở khách hàng của VPBank tăng gần 60% so với năm 2012.

Hệ thống nền tảng của VPBank cũng được củng cố ngày càng vững chắc. Ngân hàng dẫn đầu thị trường trong việc ứng dụng CNTT tiên tiến vào các sản phẩm, dịch vụ và hệ thống vận hành. Ngân hàng hiện sử dụng linh hoạt các công nghệ có xu hướng phát triển bền vững trong tương lai theo tiêu chuẩn quản trị quốc tế như ITIL, kiến trúc hướng dịch vụ SOA (Service Oriented Architecture), đạt chứng chỉ quốc tế về bảo mật dữ liệu thẻ (PCI DSS) và hoàn thiện chiến lược CNTT giai đoạn 2012 – 2017.

Cùng với việc xây dựng môi trường văn hóa doanh nghiệp vững mạnh, các hệ thống quản trị nhân sự cốt lõi đã được xây dựng và triển khai thành công tại VPBank. Ngân hàng đã chuẩn hóa hệ thống chức danh và định biên nhân sự, xây dựng bộ chuẩn KPIs, triển khai thành công hệ thống quản lý hiệu quả làm việc, đổi mới hệ thống lương thưởng và gần đây nhất là việc triển khai chương trình đánh giá và nâng cao năng lực theo chuẩn quốc tế đối với cán bộ toàn ngân hàng.

Một hệ thống quản trị rủi ro độc lập, tập trung và chuyên môn hóa đáp ứng chuẩn mực quốc tế và gắn kết với chiến lược kinh doanh của Ngân hàng đang dần được hình thành rõ nét. Ngân hàng đã nghiên cứu theo dõi chặt chẽ các rủi ro trọng yếu về tín dụng, hoạt động thanh khoản và thị trường nhằm đảm bảo duy trì mức độ vốn cần thiết, khởi động những dự án chiến lược để chuẩn bị tiền đề cho việc hiện thực hóa các chuẩn mực quốc tế, đặc biệt là Hiệp ước vốn Basel II. Song song với việc thực thi những thông lệ quốc tế tốt nhất về quản trị doanh nghiệp, VPBank cũng không ngừng hoàn thiện cơ cấu tổ chức theo chính sách quản trị công ty rõ ràng và minh bạch.

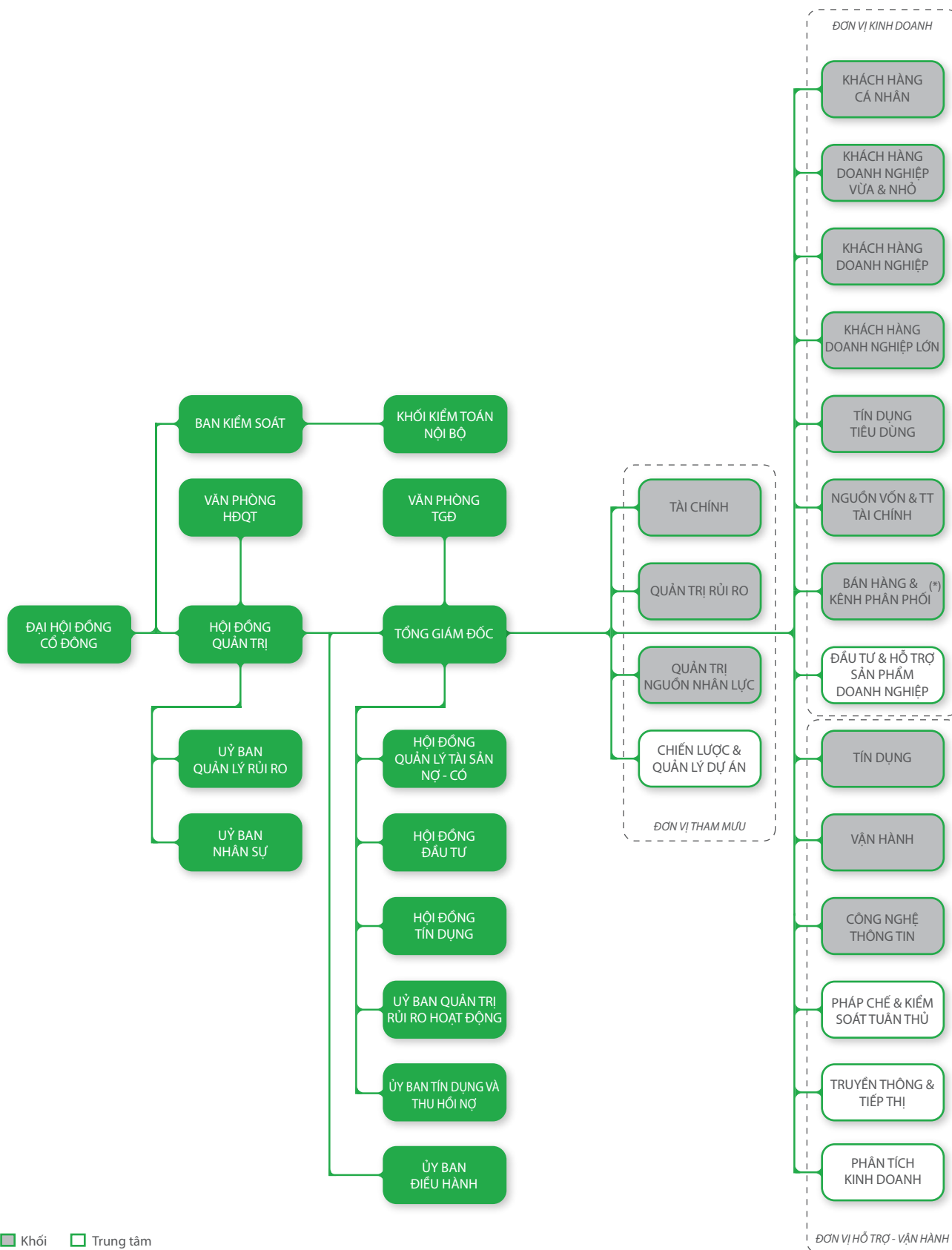
Với những nỗ lực không ngừng, thương hiệu của VPBank đã trở nên ngày càng vững mạnh và được khẳng định qua nhiều giải thưởng uy tín như: Ngân hàng Bán lẻ Sáng tạo nhất Việt Nam năm 2013 do tạp chí Global Banking & Finance Review trao tặng, Ngân hàng Thanh toán Xuất sắc nhất do Citibank, Bank of New York trao tặng, Ngân hàng có Chất lượng Dịch vụ được Hài lòng nhất, Thương hiệu Quốc gia 2012, Top 500 Doanh nghiệp Lớn nhất Việt Nam cùng nhiều giải thưởng khác.

VPBank sẽ kiên định và quyết liệt triển khai chiến lược tăng trưởng giai đoạn 2012-2017, song song với việc xây dựng các nền tảng phục vụ tăng trưởng để đạt được các mục tiêu tham vọng vào năm 2017.



Chủ tịch Ngô Chí Dũng và Tổng Giám đốc Nguyễn Đức Vinh nhận Bằng khen của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước tại Lễ kỷ niệm 20 năm thành lập VPBank tháng 8/2013

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC



(*) Từ 01/04/2014, Khối S&D sẽ được phân tách và nhập vào hai khối Khách hàng Cá nhân và Khách hàng Doanh nghiệp Vừa và Nhỏ

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ & BAN KIỂM SOÁT



1. Ông Ngô Chí Dũng

Chủ tịch HĐQT

Tốt nghiệp Đại học Thâm dò địa chất Matxcova năm 1992, năm 2002 ông Ngô Chí Dũng bảo vệ thành công luận án Tiến sỹ Kinh tế của Viện Nghiên cứu Chiến lược Chính trị Kinh tế thuộc Viện Hàn lâm Khoa học Liên bang Nga. Từ năm 1996 đến 2004, ông là cố đồng sáng lập và được bầu làm thành viên HĐQT Ngân hàng TMCP Quốc Tế (VIB). Từ năm 2005 đến 2010, ông Ngô Chí Dũng giữ cương vị Chủ tịch HĐQT của tập đoàn KBG (Liên bang Nga), Phó Chủ tịch HĐQT Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam (Techcombank). Ông tham gia HĐQT VPBank từ tháng 4/2010 và được bầu làm Chủ tịch HĐQT VPBank cho đến nay. Bên cạnh đó, ông còn là Chủ tịch Ủy ban Nhân sự, Hội đồng Đầu tư, Hội đồng Tín dụng cấp cao, Phó Chủ tịch Ủy ban Quản lý Rủi ro và là thành viên biểu quyết của Hội đồng Quản lý Tài sản Nợ - Có VPBank.

2. Ông Bùi Hải Quân

Phó Chủ tịch HĐQT

Sau khi tốt nghiệp Đại học Kinh tế Quốc dân Kiev (Ucraina) chuyên ngành Kinh tế, ông Bùi Hải Quân là thực tập sinh, cộng tác viên khoa học của trường từ năm 1991 đến năm 1993. Ông hiện nay là Giám đốc Công ty TNHH Thương mại Kỹ thuật Việt Hải, thành viên HĐQT Công ty CP Kỹ nghệ gỗ MDF Long Việt, Chủ tịch HĐQT Công ty CP Đầu tư Việt Hải. Từ tháng 4/2006, ông tham gia HĐQT VPBank và được bầu làm Phó Chủ tịch HĐQT từ tháng 12/2008. Ngoài ra, hiện nay ông cũng là thành viên của Ủy ban Nhân sự, Hội đồng Đầu tư, Hội đồng Quản lý Tài sản Nợ - Có VPBank, Phó Chủ tịch Hội đồng Tín dụng cấp cao, Chủ tịch Ủy ban Quản lý Rủi ro, Chủ tịch Hội đồng Thành viên Công ty Chứng khoán VPBank.

3. Ông Lô Bằng Giang

Phó Chủ tịch HĐQT

Ông Lô Bằng Giang tốt nghiệp Thạc sỹ Kinh tế của trường Đại học Tổng hợp Hàng không Quốc gia Kiev (Ucraina) năm 2002. Sau đó, ông hoàn thành học vị Cử nhân Tài chính Ngân hàng của trường Đại học Kinh tế, Thống kê và Thông tin Matxcova (MESI) (Liên bang Nga) vào năm 2010. Ông Lô Bằng Giang đã từng đảm nhiệm chức vụ Trưởng

BKS của Ngân hàng Delta Bank (Ucraina) và tham gia làm thành viên HĐQT Công ty CP Thủy sản Hùng Vương từ năm 2008 đến nay. Ông Lô Bằng Giang là Phó Chủ tịch HĐQT VPBank từ tháng 3/2010 đến nay. Bên cạnh đó, ông Giang cũng tham gia Ủy ban Nhân sự, Hội đồng Đầu tư, Hội đồng Quản lý Tài sản Nợ - Có VPBank, Ủy Ban Quản lý Rủi ro, Hội đồng Thành viên Công ty Chứng khoán VPBank và là Phó Chủ tịch Hội đồng Tín dụng cấp cao của VPBank.

4. Ông Phùng Khắc Kế

Thành viên HĐQT độc lập

Sau khi tốt nghiệp Đại học Kinh tế Kế hoạch Hà Nội và được giữ lại trường làm giảng viên trong 2 năm, ông Phùng Khắc Kế về công tác tại Ngân hàng Nhà nước từ tháng 9/1971. Từ năm 1983 đến 1987, ông là Nghiên cứu sinh về Lưu thông Tiền tệ và Tín dụng tại trường Đại học Kinh tế - Tài chính Lênin Grad (Liên Xô cũ). Từ tháng 6/1979, ông Phùng Khắc Kế từng trải qua các vị trí lãnh đạo tại Ngân hàng Nhà nước như Phó Trưởng phòng Vụ Phát hành - Kho quỹ và Vụ Kinh tế - Kế hoạch, Phó Chánh văn phòng, Vụ trưởng Vụ Tín dụng. Từ tháng 2/1998 đến tháng 4/2002, ông được bổ nhiệm làm Tổng Giám đốc Ngân hàng Công Thương Việt Nam. Từ tháng 5/2002 đến tháng 4/2008, ông Phùng Khắc Kế giữ cương vị Phó Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Từ tháng 4/2011, ông là thành viên độc lập HĐQT VPBank, và tham gia Ủy ban Quản lý Rủi ro VPBank ngay từ khi Ủy ban này được thành lập.

5. Ông Lương Phan Sơn

Thành viên HĐQT

Ông Lương Phan Sơn tốt nghiệp cử nhân Cơ khí của trường Đại học Bách Khoa Lvov (Liên Xô cũ). Từ năm 1988 đến năm 1993, ông công tác tại công ty Bechka, thành phố Lvov. Sau đó, ông về Việt Nam và đảm nhiệm vị trí Phó Tổng Giám đốc Công ty Tân Hoàng Minh từ năm 1994 đến năm 1997. Từ năm 1998 đến nay, ông là Phó Giám đốc kiêm Trưởng đại diện Công ty INVESTLINK tại Liên bang Nga. Ông Lương Phan Sơn là thành viên HĐQT của VPBank từ tháng 4/2012 đến tháng 10/2012 và từ tháng 4/2013 đến nay.



6. Ông Nguyễn Đức Vinh

Tổng Giám đốc, Thành viên HĐQT

Ông Nguyễn Đức Vinh tốt nghiệp Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh tại Pháp, Hoa Kỳ. Ông từng là Phó Tổng Giám đốc Hàng Hàng không Quốc gia Vietnam Airlines trước khi tham gia HĐQT và Ban Điều hành Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (Techcombank) với các vị trí như: Tổng Giám đốc, Ủy viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc, Phó Chủ tịch HĐQT. Từ tháng 7/2012 đến nay, ông Nguyễn Đức Vinh là Tổng Giám đốc VPBank. Từ tháng 4/2013, ông Nguyễn Đức Vinh được bầu làm thành viên HĐQT VPBank.

7. Bà Nguyễn Quỳnh Anh

Trưởng Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Quỳnh Anh tốt nghiệp Đại học Sư phạm Tổng hợp Lê-nin, Matxcova năm 1994 với hai chuyên ngành tiếng Nga và Văn học. Bà là Thạc sĩ Khoa học Giáo dục và Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh của Trường Quản lý Cao cấp Liên bang Nga. Bà từng là Phó Tổng Biên tập Báo "Nhân Hòa" - tờ báo của Ủy ban Báo chí Nga - từ năm 1995 đến 2003. Sau đó, bà đảm nhiệm vị trí Kế toán, Trưởng phòng Cung ứng vật tư, Giám đốc Tài chính của Tập đoàn BeePack (Liên bang Nga) từ năm 2003 đến 2008. Bà giữ chức vụ Tổng Giám đốc Công ty CP Đầu tư Liên Minh từ năm 2009 đến tháng 2/2010, là thành viên BKS Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam (Techcombank) từ năm 2008 đến tháng 3/2010 và Công ty Chứng khoán Euro Capital từ năm 2009 đến tháng 6/2010. Bà được bầu làm Trưởng Ban Kiểm soát của VPBank từ tháng 3/2010 đến nay, đồng thời cũng là thành viên chuyên trách của Ngân hàng. Tại Công ty Chứng khoán VPBank, bà là Trưởng Ban Kiểm soát từ tháng 9/2011.

8. Bà Trịnh Thị Thanh Hằng

Thành viên chuyên trách Ban Kiểm soát

Tốt nghiệp Cử nhân Công nghệ Thông tin trường Đại học Khoa học Tự nhiên - Đại học Quốc gia Hà Nội và Cử nhân Kinh tế chuyên ngành Tài chính Ngân hàng trường Đại học Kinh tế Quốc dân, bà Trịnh Thị Thanh Hằng từng giảng dạy tại trường THPT Hồng Bàng - Hà Nội từ năm 1998 đến 1999. Sau đó, bà công tác tại Ngân hàng TMCP Quân Đội. Bà giữ chức vụ Chuyên viên Công nghệ Thông tin từ năm 1999 đến 2008 và Chuyên viên Tài chính từ năm 2008 đến tháng 3/2010. Bà được bầu làm Thành viên chuyên trách BKS từ tháng 3/2010 đến nay và cũng được phân công làm Kiểm soát viên của Công ty TNHH Quản lý Tài sản AMC từ tháng 11/2010.

9. Bà Nguyễn Thị Mai Trinh

Thành viên Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Mai Trinh tốt nghiệp Cử nhân khoa Kinh tế trường Đại học Tổng hợp Địa chất Matxcova, Cử nhân Luật Sở hữu Trí tuệ trường Đại học Luật Sở hữu Trí tuệ Liên bang Nga và là Tiến sĩ Khoa học Kinh tế của Học viện Thăm dò Địa chất Quốc gia Matxcova (Liên bang Nga). Bà từng trải qua nhiều vị trí công tác ở Matxcova như Kế toán tại Công ty Dominanta Service từ năm 1995 đến tháng 9/1998 và tại Công ty King Lion từ tháng 10/1998 đến tháng 12/2002, Giám đốc Tài chính Công ty Beepack từ tháng 8/2004 đến tháng 10/2008, chuyên viên kế toán tài chính tại Matxcova của Công ty Interlogo Business Corp - BVI chuyên về đầu tư tài chính quốc tế - từ tháng 8/2005 đến tháng 12/2011. Bà giữ chức vụ Giám đốc Tài chính Tập đoàn KBG từ tháng 10/2008 đến tháng 12/2011. Từ tháng 3/2012, bà Nguyễn Thị Mai Trinh là thành viên BKS tại VPBank.

THÀNH VIÊN BAN ĐIỀU HÀNH



1. Ông Nguyễn Đức Vinh

Tổng Giám đốc, Thành viên HĐQT

Ông Nguyễn Đức Vinh tốt nghiệp Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh tại Pháp, Hoa Kỳ. Ông từng là Phó Tổng Giám đốc Hãng Hàng không Quốc gia Vietnam Airlines trước khi tham gia HĐQT và Ban Điều hành Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (Techcombank) với các vị trí như: Tổng Giám đốc, Ủy viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc, Phó Chủ tịch HĐQT. Từ tháng 7/2012 đến nay, ông Nguyễn Đức Vinh là Tổng Giám đốc VPBank. Từ tháng 4/2013, ông Nguyễn Đức Vinh được bầu làm thành viên HĐQT VPBank.

2. Bà Lưu Thị Thảo

Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc Khối Tài chính

Bà Lưu Thị Thảo tốt nghiệp chuyên ngành Kế toán Học viện Ngân hàng và là thành viên của Hiệp hội Kế toán Công chứng Anh Quốc (The ACCA UK) từ năm 2002. Bà từng làm việc tại Công ty TNHH Price-waterhouseCoopers Việt Nam, Công ty TNHH KPMG Việt Nam trước khi đảm nhiệm các vị trí Trưởng phòng Kiểm toán Nội bộ và Tuần thủ chi nhánh ngân hàng ABN AMRO Việt Nam, Giám đốc Tài chính Ngân hàng TNHH Một thành viên ANZ Việt Nam. Bà được bổ nhiệm làm Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối Tài chính của VPBank từ tháng 8/2011.

3. Ông Peterjan Van Nieuwenhuizen

Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc Khối Vận hành

Ông Peterjan Van Nieuwenhuizen tốt nghiệp Thạc sĩ Công nghệ thông tin tại Đại học Twente (Hà Lan) và có bằng nghiên cứu cao cấp về Toán học tại Đại học Cambridge (Anh). Ông có nhiều năm công tác tại Công ty tư vấn McKinsey ở các vị trí lãnh đạo cấp cao như Giám đốc Tài chính, Giám đốc Điều hành, Giám đốc và Quản lý dự án... ở nhiều quốc gia như Anh, Canada, Singapore, Indonesia, Nam Phi. Ông là Giám đốc Khối Vận hành VPBank từ tháng 10/2012. Từ tháng 11/2013, ông được bổ nhiệm làm Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối Vận hành, dẫn dắt chương trình chuyển đổi toàn diện tại VPBank.

4. Ông Kalidas Ghose

Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc Khối Tín dụng Tiêu dùng, Giám đốc Khối Khách hàng Cá nhân

Ông Kalidas Ghose tốt nghiệp Đại học Jadavpur (Ấn Độ) và có chứng chỉ sau đại học ngành Quản trị Kinh doanh, trường Kinh doanh và Nguồn Nhân lực XLRI (Ấn Độ). Ông từng đảm nhiệm nhiều vị trí quan trọng như Tổng Giám đốc CitiFinancial Ấn Độ, Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc CitiFinancial Corp (Philippines), Tổng Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên Tài chính Prudential Việt Nam, Tổng Giám đốc phụ trách Ngân hàng Bán lẻ và Quản lý Đầu tư Cá nhân khu vực Mekong của Ngân hàng ANZ Việt Nam. Ông gia nhập VPBank từ tháng 3/2011 và hiện đang giữ chức danh Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối Tín dụng Tiêu dùng và Khối Khách hàng Cá nhân.



5. Ông Vũ Minh Trường

Phó Tổng Giám đốc,
Giám đốc Khối Nguồn vốn và Thị trường Tài chính

Tốt nghiệp Cử nhân chuyên ngành Quản trị Kinh doanh Đại học West Berlin (Đức), ông Vũ Minh Trường từng là Trưởng phòng Ngân hàng Doanh nghiệp tại Ngân hàng HSBC, Giám đốc Kinh doanh Tiền tệ, Ngoại hối, Thị trường toàn cầu Việt Nam tại Ngân hàng Standard Chartered Bank Việt Nam, Giám đốc Thị trường toàn cầu Việt Nam và Giám đốc Thẻ chế khu vực Greater Mekong Ngân hàng ANZ Việt Nam. Từ tháng 7/2011 đến hết năm 2013, ông Vũ Minh Trường giữ cương vị Phó Tổng Giám đốc VPBank kiêm Giám đốc Khối Ngân hàng Bán buôn. Từ tháng 1/2014, ông là Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối Nguồn vốn và Thị trường Tài chính của VPBank.

6. Bà Lưu Thị Ánh Xuân

Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc Khối Khách hàng Doanh nghiệp

Bà Lưu Thị Ánh Xuân tốt nghiệp Thạc sỹ tại Đại học Henley Management College (Anh). Bà có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính ngân hàng ở các cương vị lãnh đạo cấp cao như Phó Chủ tịch, Giám đốc Tài trợ Thương mại tại Ngân hàng Deutsche Bank Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh, Giám đốc Quan hệ Khách hàng tại Ngân hàng ABN ARMO Chi nhánh Hà Nội, Phó Giám đốc Công ty Smartlinks, Phó Chủ tịch và Giám đốc Tài trợ Thương mại toàn quốc Ngân hàng Citibank, Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng Techcombank. Bà gia nhập VPBank từ tháng 8/2012 và hiện đang giữ chức danh Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối Khách hàng Doanh nghiệp.

7. Ông Nguyễn Thanh Bình

Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc Khối Tín dụng

Ông Nguyễn Thanh Bình tham gia công tác trong Quân đội Nhân dân Việt Nam từ năm 1985 đến 1988 trước khi lấy bằng Cử nhân Tài chính - Ngân hàng của trường Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội và hoàn thành khóa đào tạo sau đại học về Chính sách Công thuộc chương trình Fulbright Việt Nam. Gia nhập VPBank từ năm 1994, ông từng đảm nhiệm nhiều vị trí lãnh đạo tại Phòng Tín dụng Hội sở, Phòng Nghiên cứu và Phát triển, Phòng Tổng hợp và Quản lý Chi nhánh... trước khi được bổ nhiệm là Phó Tổng Giám đốc VPBank năm 2002. Hiện nay, ông là Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối Tín dụng.

8. Bà Nguyễn Thị Bích Thủy

Phó Tổng Giám đốc

Bà Nguyễn Thị Bích Thủy tốt nghiệp Cử nhân Kế toán trường Đại học Kinh tế Quốc dân năm 1994 và hoàn thành khóa học Thạc sỹ chuyên ngành Tài chính Ngân hàng tại trường Đại học Paris Dauphine & ESCP (Pháp). Bà từng là Phó Phòng Nguồn vốn tổng hợp Ngân hàng Châu Á Thái Bình Dương và Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng Habubank. Từ tháng 6/2010 đến tháng 12/2013, bà Nguyễn Thị Bích Thủy là Phó Tổng Giám đốc VPBank kiêm Giám đốc Khối Nguồn vốn và Đầu tư. Từ tháng 1/2014, bà giữ chức danh Phó Tổng Giám đốc VPBank.

THÀNH VIÊN BAN ĐIỀU HÀNH



9. Bà Dương Thị Thu Thủy

Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc Khối Bán hàng và Kênh phân phối

Bà Dương Thị Thu Thủy tốt nghiệp Cử nhân trường Cao cấp Nghiệp vụ Ngân hàng, Cử nhân Tài chính Ngân hàng trường Đại học Kinh tế Quốc dân, Cử nhân tiếng Anh trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội và Thạc sĩ Điều hành cao cấp trường Đại học Kinh tế Quốc dân. Từ năm 2002, bà gia nhập VPBank và trải qua nhiều cương vị lãnh đạo như: Trưởng phòng Phục vụ Khách hàng Doanh nghiệp Hội sở, Giám đốc VPBank Hà Nội, Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Sở Giao dịch, Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối Khách hàng cá nhân và Khách hàng Doanh nghiệp Vừa và Nhỏ. Bà giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối Bán hàng và Kênh phân phối (S&D*) của VPBank từ tháng 6/2012 đến nay.

10. Ông Phan Ngọc Hòa

Phó Tổng Giám đốc, Phó Giám đốc Khối Bán hàng và Kênh phân phối

Sau khi tốt nghiệp Cử nhân Tài chính trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh năm 1994, ông Phan Ngọc Hòa gia nhập VPBank. Ông từng đảm nhiệm các cương vị quản lý cấp cao tại VPBank Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh và VPBank Chi nhánh Sài Gòn trước khi được bổ nhiệm làm Phó Tổng Giám đốc VPBank vào năm 2010. Hiện nay, ông là Phó Tổng Giám đốc kiêm Phó Giám đốc Khối Bán hàng và Kênh phân phối.

11. Ông Wilhelmus Johannes Broekhuisen

Giám đốc Khối Quản trị Rủi ro

Ông Wilhelmus Johannes Broekhuisen tốt nghiệp ngành Luật tại Đại học Erasmus Rotterdam (Hà Lan) và có hơn 30 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực ngân hàng. Ông từng giữ các vị trí chủ chốt của Ngân hàng ING Bank từ năm 2002 đến năm 2010 như: Giám đốc Quản trị Rủi ro tại Rumani, Giám đốc Quản trị Rủi ro khu vực Cộng hòa Séc, Slovakia và Áo. Trước khi gia nhập VPBank, ông là Giám đốc Quản trị Rủi ro và là thành viên Ban Điều hành Ngân hàng Royal Bank of Scotland tại Rumani. Ông đảm nhận vị trí Giám đốc Khối Quản trị Rủi ro VPBank từ tháng 9 năm 2013.

12. Ông Fung Kai Jin

Giám đốc Khối Khách hàng Doanh nghiệp Vừa và Nhỏ

Tốt nghiệp Cử nhân Kinh tế tại Học viện Royal Melbourne Institute of Technology và Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh tại Đại học Curtin (Australia), ông Fung Kai Jin có kinh nghiệm làm việc lâu năm trong lĩnh vực ngân hàng tại Châu Á. Ông từng đảm nhiệm vị trí Phó Chủ tịch điều hành kiêm Giám đốc Khối Ngân hàng Thương mại trong 6 năm tại Ngân hàng Alliance (Malaysia). Trước đó, ông Fung Kai Jin đã trải qua những vị trí quản lý cấp cao khác như Giám đốc Thanh toán Quốc tế, Giám đốc Khách hàng Doanh nghiệp và Giám đốc Khối Khách hàng Doanh nghiệp Vừa và Nhỏ tại Ngân hàng Standard Chartered ở Malaysia. Ông gia nhập VPBank từ tháng 04/2013 với cương vị là Giám đốc Khối Khách hàng Doanh nghiệp Vừa và Nhỏ.

(*) Từ 01/04/2014, Khối S&D sẽ được phân tách và nhập vào hai khối Khách hàng Cá nhân và Khách hàng Doanh nghiệp Vừa và Nhỏ



13. Bà Phùng Thị Thu Hương

Giám đốc Khối Khách hàng Doanh nghiệp Lớn

Bà Phùng Thị Thu Hương tốt nghiệp Đại học Ngoại thương Hà Nội và có bằng Thạc sỹ Kinh tế Tài chính Ngân hàng của Đại học Paris Dauphine & ESCP (Pháp). Bà có hơn 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính ngân hàng ở các cương vị lãnh đạo cấp cao như Giám đốc Vận hành tại Ngân hàng Chinfon (Đài Loan), Giám đốc Quan hệ Khách hàng tại Ngân hàng Standard Chartered Bank chi nhánh Hà Nội, Giám đốc Tư vấn Tài chính tại Công ty Chứng khoán Quốc Tế Việt Nam, Giám đốc Khối Thị trường Tài chính tại Ngân hàng ANZ Việt Nam. Bà gia nhập VPBank từ tháng 7/2011 và giữ cương vị Giám đốc Khối Khách hàng Doanh nghiệp Lớn từ tháng 1/2014.

14. Bà Phạm Bạch Dương

Giám đốc Khối Quản trị Nguồn Nhân Lực

Bà Phạm Bạch Dương tốt nghiệp Cử nhân tiếng Anh tại trường Đại học Hà Nội năm 1984 và các khóa đào tạo Quản trị Nhân lực tại Học viện Công nghệ Châu Á và Học viện Quản trị Nguồn nhân Lực Australia năm 1995. Bà từng đảm nhiệm vị trí Giám đốc Nhân sự tại các công ty đa quốc gia lớn. Trước khi gia nhập VPBank, bà làm việc tại Ngân hàng TNHH Một thành viên Standard Chartered (Việt Nam) với cương vị Giám đốc Nhân sự. Bà giữ chức danh Giám đốc Khối Quản trị Nguồn Nhân lực của VPBank từ tháng 2/2014.

15. Ông Võ Tấn Long

Giám đốc Khối Công nghệ Thông tin

Ông Võ Tấn Long tốt nghiệp chuyên ngành Vật liệu và Thiết bị vi điện tử tại trường Đại học Tổng hợp kỹ thuật điện St. Petersburg (Liên bang Nga) với bằng Kỹ sư điện tử (năm 1992) và bằng Tiến sỹ Toán - Vật lý (năm 1995). Với 16 năm kinh nghiệm làm việc tại các vị trí khác nhau như Hỗ trợ kỹ thuật, Quản lý Dự án, cung cấp giải pháp công nghệ thông tin, Quản lý Kinh doanh và Tổng Giám đốc IBM Việt Nam, ông Võ Tấn Long gia nhập VPBank từ tháng 4/2013 ở vị trí Giám đốc Khối Công nghệ Thông tin.

16. Ông Lê Hoàng Lân

Giám đốc Trung tâm Chiến lược và Quản lý Dự án

Ông Lê Hoàng Lân tốt nghiệp Học viện Ngân hàng năm 1994. Ông có gần 10 năm làm việc tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam với nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực quản lý chương trình, dự án ODA và hợp tác quốc tế. Trong thời gian làm việc tại Ngân hàng Nhà nước, ông đã tốt nghiệp Thạc sỹ Chính sách Công tại Học viện Nghiên cứu Chính sách Công Nhật Bản (GRIPS). Từ năm 2004, ông là chuyên gia tư vấn cho Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) trong lĩnh vực đào tạo chính sách công. Ông gia nhập VPBank từ tháng 11/2010 và hiện giữ chức danh Giám đốc Trung tâm Chiến lược và Quản lý Dự án.

THÀNH VIÊN BAN ĐIỀU HÀNH



17. Ông Trần Tuấn Việt

Giám đốc Trung tâm Truyền thông và Tiếp thị

Tốt nghiệp Đại học Tổng hợp Hà Nội, Đại học Ngoại thương Hà Nội và Đại học Su phạm Ngoại ngữ Hà Nội, ông Trần Tuấn Việt có 19 năm kinh nghiệm về thương mại, marketing, truyền thông và quảng cáo. Ông từng đảm nhiệm các vị trí Giám đốc Phát triển Kinh doanh, Giám đốc Thương mại Bán lẻ tại các tập đoàn đa ngành như Tập đoàn FPT, Tập đoàn Ocean; Giám đốc Điều hành và Giám đốc Vận hành của các công ty truyền thông như FPT Media, Santa Vietnam và Ancom Communication. Ông Trần Tuấn Việt gia nhập VPBank vào tháng 7/2013 và hiện đảm nhiệm vị trí Giám đốc Trung tâm Truyền thông và Tiếp thị.

18. Ông Vivek Bhanot

Giám đốc Trung tâm Phân tích Kinh doanh

Ông Vivek Bhanot có bằng Cử nhân Kỹ sư dân dụng của Học viện Kỹ thuật và Công nghệ Thapar (nay là Đại học Thapar), Ấn Độ và bằng Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh của Đại học Hồng Kông. Ông từng là Kỹ sư thiết kế cầu trúc tại Công ty Punj Lloyd Limited (Ấn Độ) trong 3 năm. Từ năm 2009, ông Vivek Bhanot làm việc trong ngành ngân hàng tại Việt Nam ở nhiều cương vị, hỗ trợ ra quyết định chuyên sâu cho các lãnh đạo cấp cao và các đơn vị kinh doanh. Sau 3,5 năm làm việc ở Techcombank, ông Vivek Bhanot gia nhập VPBank từ tháng 01/2013 và hiện là Giám đốc Trung tâm Phân tích Kinh doanh.

19. Bà Nguyễn Thị Bích Thảo

Phó Giám đốc phụ trách Trung tâm Pháp chế và Kiểm soát Tuân thủ

Bà Nguyễn Thị Bích Thảo tốt nghiệp Cử nhân tại Đại học Luật Hà Nội, cử nhân tiếng Anh trường Đại học ngoại ngữ Hà Nội và hiện là Luật sư thuộc Đoàn Luật sư Hà Nội. Bà từng đảm nhiệm vị trí Phó Giám đốc công ty luật Investconsult trước khi gia nhập VPBank vào năm 2011 ở vị trí Phó phòng Pháp chế Hội sở. Hiện nay, bà Nguyễn Thị Bích Thảo giữ chức danh Phó Giám đốc phụ trách Trung tâm Pháp chế và Kiểm soát tuân thủ.

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2013

- 18 VPBank - 10 điểm sáng tiêu biểu 2013
- 19 Phân tích một số chỉ tiêu tài chính
- 27 Hoạt động quản trị rủi ro
- 30 Chương trình chuyển đổi VPBank
- 34 Hoạt động kinh doanh nổi bật
- 38 Hoạt động củng cố nền tảng
- 41 Hoạt động của các công ty trực thuộc
- 42 Trách nhiệm xã hội doanh nghiệp



1. VPBank 20 năm – Hành động vì những ước mơ

Chiến dịch “20 năm – Hành động vì những ước mơ” được khởi động ngay từ những ngày đầu tiên của năm 2013 với những chương trình an sinh xã hội, tri ân khách hàng, thi đua nghiệp vụ, văn hóa, thể thao. Đại lễ kỷ niệm với chủ đề “VPBank 20” được tổ chức thành công tại Hà Nội và TP. HCM.

2. VPBank được Moody’s xếp hạng tín nhiệm ở mức ổn định

Tháng 10/2013, Moody’s đã xếp hạng tín nhiệm của VPBank ở mức B3 và triển vọng Ổn định. Đây là lần đầu tiên công ty xếp hạng tín nhiệm toàn cầu này đánh giá tín nhiệm VPBank. Theo Moody’s, xếp hạng tiền gửi bằng VND của VPBank ở mức B3, hệ số sức mạnh tài chính BFSR ở mức E và mức đánh giá tín dụng cơ sở BCA là Caa1.

3. VPBank đạt nhiều giải thưởng giá trị

- Tháng 3/2013: Giải Ngân hàng bán lẻ sáng tạo nhất Việt Nam 2013 do tổ chức Global Banking & Finance Review (GBAF) trao.
- Tháng 3/2013: Giải Ngân hàng có Chất lượng thanh toán quốc tế xuất sắc năm 2012 do ngân hàng The Bank of New-York Mellon (BNY Mellon) trao.
- Tháng 7/2013: Giải “Typical Brand – Thương hiệu tiêu biểu 2013”.
- Tháng 11/2013: Giải Ngân hàng Thanh toán xuất sắc do Citibank trao.
- Tháng 11/2013: Giải Ngân hàng có Chất lượng dịch vụ tốt nhất năm 2013 do độc giả của Thời báo Kinh tế Việt Nam bầu chọn.

4. Chiến lược E-banking và bước đột phá trong dịch vụ online

Phát triển ngân hàng điện tử (E-banking) là một trong những chiến lược trọng điểm của VPBank trong năm 2013, tạo tiền đề đưa E-banking thành một kênh cung cấp sản phẩm, dịch vụ chính cho khách hàng. Trong năm 2013, Chiến lược tập trung vào các giải pháp Quick-win như bổ sung các chức năng trên Internet Banking, thay đổi giao diện Internet Banking; phát triển Mobile Banking cho hệ điều hành Android và iOS; triển khai các chương trình khuyến mại thúc đẩy E-banking toàn hàng.

5. Ra mắt các sản phẩm thẻ chuyên biệt

Năm 2013, các sản phẩm thẻ VPBank Lady, VPBiz Card, VPBank SmartCash Visa... lần lượt ra đời với mục tiêu tập trung vào các phân khúc Khách hàng mới của VPBank, đặc biệt là các khách hàng cá nhân (nữ); hộ gia đình và các doanh nghiệp nhỏ và vừa...

6. Ngày hội Chuyển đổi

Bước tiếp chặng đường Chuyển đổi trong Chiến lược của VPBank, năm 2013, tất cả các đơn vị của VPBank đã quán triệt và hiện thực hóa tinh thần Chuyển đổi của Ngân hàng bằng hàng loạt các Hội thảo, Ngày hội Chuyển đổi trong toàn Khối, Đơn vị.

7. Thành lập Hệ thống Khách hàng Ưu tiên

Nằm trong chiến lược phát triển ngân hàng bán lẻ dài hạn, Priority Banking hay còn gọi là Hệ thống Khách hàng ưu tiên được xác định tập trung vào nhóm khách hàng có số lượng ít nhưng góp tỷ trọng huy động cao trong Ngân hàng.

8. Dự án S&D Cát Cánh và chuyển đổi mô hình bán hàng, dịch vụ

Dự án S&D cát cánh đã ra đời với những tác động chủ yếu để thay đổi hệ thống bán hàng và kênh phân phối (Sales & Distribution) bao gồm: Hệ thống chi nhánh, Kênh thay thế và Trung tâm SME. Được đánh giá là chương trình Chuyển đổi chiến lược của Ngân hàng, Dự án có mục tiêu xây dựng mô hình mới giúp đội ngũ bán hàng và dịch vụ phát huy hết được sức mạnh của mình, đạt hiệu quả cao nhất.

9. Kien toàn đội ngũ cán bộ lãnh đạo với nhiều kinh nghiệm trong nước và quốc tế

Năm 2013, VPBank tập trung hoàn thiện và củng cố đội ngũ lãnh đạo để chuẩn bị bước vào giai đoạn hoàn thành các mục tiêu chiến lược. Rất nhiều nhân sự cao cấp đã được bổ nhiệm, trong đó có nhiều người đến từ các quốc gia khác. Các vị trí chủ chốt trong bộ máy vận hành cũng được bổ sung để đảm bảo hệ thống hoạt động liền mạch và chuyên nghiệp, góp phần tạo khí thế mới, sức sống mới cho VPBank.

10. Nâng tầm công tác quản trị rủi ro

Sau khi chính thức thành lập Khối Quản trị rủi ro vào tháng 7/2012, VPBank đã tiếp tục kiện toàn bộ máy nhân sự cấp cao của khối trong năm 2013. Hàng loạt các văn bản, quy định và tài liệu hướng dẫn cũng đã được ban hành nội bộ, tạo điều kiện giúp CBNV đảm bảo an toàn nghiệp vụ, qua đó giúp VPBank nâng cao chất lượng dịch vụ, khẳng định uy tín và sức mạnh cạnh tranh trên thị trường so với với ngân hàng bạn.

PHÂN TÍCH MỘT SỐ CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH

I. Tổng quan nền kinh tế và ngành ngân hàng năm 2013

1. Tình hình kinh tế vĩ mô

Kinh tế Việt Nam đạt những thành tựu nhất định:

- GDP năm 2013 tăng 5,42% so với năm 2012. Mức tăng trưởng tuy thấp hơn mục tiêu tăng 5,5% đề ra nhưng cao hơn mức tăng 5,25% của năm 2012 và có tín hiệu phục hồi;
- CPI bình quân năm 2013 tăng 6,6% so với năm 2012. CPI tăng cao vào quý I và quý III với mức tăng bình quân tháng là 0,8%; CPI quý II và quý IV tương đối ổn định và tăng ở mức thấp với mức tăng bình quân tháng là 0,4%. Lạm phát cả năm 2013 đạt 6,04%;
- Sản xuất công nghiệp có dấu hiệu phục hồi dần, nhất là ngành công nghiệp chế biến, chế tạo. Xuất khẩu tăng nhanh, cân đối thương mại theo hướng tích cực;
- Tăng trưởng tín dụng vào những tháng cuối năm có những cải thiện rõ rệt. Thu hút đầu tư nước ngoài có nhiều chuyển biến tích cực.

Tuy nhiên, kinh tế Việt Nam vẫn đối mặt với nhiều thách thức:

- Lạm phát ở mức an toàn nhưng còn tiềm ẩn nhiều nguy cơ. Cân đối ngân sách tiếp tục gặp khó khăn trong điều kiện tốc

độ phục hồi của sản xuất kinh doanh trong nước còn chậm;

- Sức cầu của nền kinh tế yếu. Khả năng hấp thụ vốn của doanh nghiệp thấp. Hàng tồn kho tuy giảm nhưng vẫn ở mức cao.

2. Hoạt động của các ngân hàng

Năm 2013, hoạt động của các ngân hàng có những dấu hiệu tốt nhưng vẫn còn những khó khăn nhất định:

- Tỷ lệ nợ xấu mặc dù có dấu hiệu giảm nhưng vẫn ở mức cao, chất lượng tín dụng chưa thực sự được cải thiện;
- Hiệu quả kinh doanh của các TCTD thấp so với các năm trước đây. Chênh lệch thu nhập – chi phí toàn hệ thống thấp do chênh lệch giữa lãi suất đầu ra – đầu vào giảm, trong khi trích lập dự phòng rủi ro tăng mạnh do chất lượng tài sản giảm sút;
- Tỷ suất sinh lời trước thuế năm 2013 trên vốn ROE và tổng tài sản ROA cũng không cải thiện nhiều, trong khi đó, chi phí hoạt động bỏ ra cho các kế hoạch đầu tư tăng trưởng phát triển mạng lưới hoạt động và nhân sự tiếp tục tăng;
- Tăng trưởng dư nợ chung toàn ngành ở mức 12,51%, phù hợp với mục tiêu đặt ra từ đầu năm của NHNN;
- Huy động khách hàng toàn ngành tăng xấp xỉ 16%.



II. Phân tích một số chỉ tiêu tài chính của VPBank năm 2013

Mặc dù nền kinh tế nói chung và ngành Ngân hàng nói riêng trong năm 2013 vẫn gặp phải các vấn đề khó khăn, nhưng VPBank vẫn tiếp tục đạt mức tăng trưởng vượt bậc ở cả quy mô tài sản, chuyển dịch mạnh trong cơ cấu tài sản, nguồn vốn; tăng trưởng mạnh các chỉ số sinh lời và lợi nhuận, hoàn thành tốt kế hoạch Đại hội Cổ đông đã thông qua và đi theo đúng định hướng chiến lược 5 năm đã xây dựng.

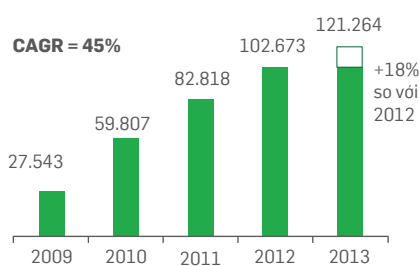
1. Tài sản

Tổng tài sản liên tục tăng trưởng mạnh mẽ qua các năm. Kết thúc năm tài chính, tổng tài sản hợp nhất của VPBank đạt 121.264 tỷ đồng, tăng 18.591 tỷ đồng (tương đương 18%) so với năm 2012.

Tăng trưởng tổng tài sản có đóng góp lớn từ tăng trưởng mạnh ở danh mục cho vay khách hàng và danh mục chứng khoán. Sự biến động này đã làm cho cấu trúc bảng cân đối tài sản có sự dịch chuyển đáng kể, đưa tỷ trọng cho vay khách hàng tăng lên 43%, danh mục chứng khoán chiếm 31%, tiền gửi và cho vay các TCTD khác giảm xuống còn 10% tổng tài sản. Đây là cơ sở cho một sự tăng trưởng bền vững của tổng tài sản trong những năm tiếp theo.

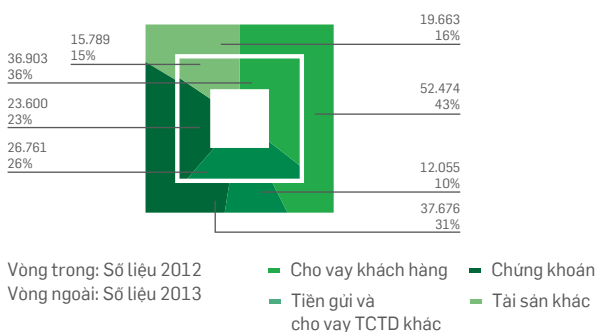
Dư nợ cấp tín dụng (bao gồm cho vay khách hàng, trái phiếu doanh nghiệp, ủy thác đầu tư): Tính đến cuối năm 2013 đạt

Biểu đồ 1: Tổng tài sản



Đơn vị: Tỷ đồng; Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán

Biểu đồ 2: Cơ cấu Tổng tài sản



Đơn vị: Tỷ đồng, %; Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán
Các khoản mục trong biểu đồ Cơ cấu Tổng tài sản đã bao gồm cả Quý dự phòng

65.625 tỷ đồng, tăng 43% so với cuối năm 2012. Trong năm 2013, VPBank được NHNN phê duyệt chỉ tiêu tăng trưởng cấp tín dụng lên đến 45%, phản ánh sự tin tưởng đối với năng lực quản trị điều hành và kiểm soát rủi ro của VPBank.

Chứng khoán đầu tư và kinh doanh: Chiến lược đầu tư của VPBank là gắn liền với mục tiêu lợi nhuận, trạng thái thanh khoản và khẩu vị rủi ro được HĐQT phê duyệt. Với chiến lược đó, VPBank đã duy trì và tăng trưởng vào các trái phiếu có tính an toàn và thanh khoản cao như Trái phiếu Chính phủ, Tín phiếu NHNN, Tín phiếu Kho bạc và trái phiếu của các TCTD; đồng thời tăng trưởng một cách có chọn lọc đối với danh mục trái phiếu doanh nghiệp.

Tiền gửi và cho vay các TCTD khác: Giảm đáng kể so với cuối năm 2012, giảm gần 15.000 tỷ đồng, góp phần tái cơ cấu bảng cân đối tài sản theo hướng tích cực và hiệu quả.

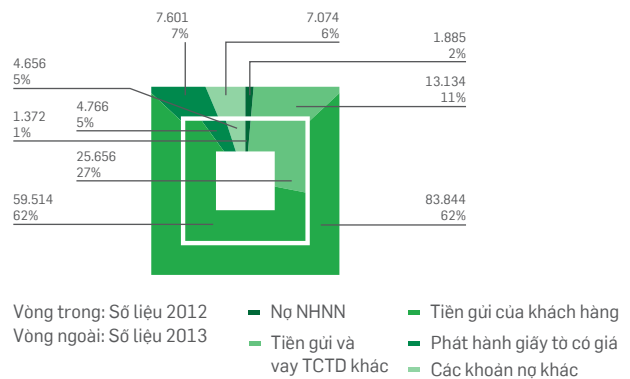
2. Nợ phải trả và vốn chủ sở hữu

2.1. Tổng nợ phải trả

VPBank thực hiện chiến lược huy động vốn hướng tới mở rộng cơ sở "tiền gửi lõi" bao gồm những đối tượng tiền gửi tương đối ổn định theo đánh giá của VPBank trong từng thời kỳ để giúp Ngân hàng hạn chế rủi ro, tái cơ cấu bảng cân đối tài sản theo hướng tích cực, hiệu quả. Theo định hướng này, trong năm 2013, cơ cấu nguồn huy động của VPBank có những thay đổi đáng kể.

Tại thời điểm cuối năm 2013 nợ phải trả là 113.537 tỷ đồng,

Biểu đồ 3: Cơ cấu Nợ phải trả



Vòng trong: Số liệu 2012
Vòng ngoài: Số liệu 2013

Đơn vị: Tỷ đồng, %; Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán

tăng 17.574 tỷ đồng, tương ứng 18% so với cuối năm 2012. Sự tăng trưởng tuy chậm hơn so với 3 năm trước, nhưng có sự dịch chuyển mạnh trong cơ cấu nợ, trong đó ghi nhận sự đóng góp chủ yếu từ tăng trưởng ở tiền gửi của khách hàng (tăng 41%).

Tiền gửi của khách hàng: Có sự tăng trưởng mạnh mẽ, đạt 83.844 tỷ đồng, tăng 24.330 tỷ đồng (tương đương 41%) so với năm 2012, cao hơn rất nhiều mức tăng trưởng bình quân của toàn ngành và vượt 3% kế hoạch do Đại hội Cổ đông đề ra. Sự tăng trưởng này là kết quả của định hướng chiến lược huy động vốn đúng đắn cùng với những nỗ lực không ngừng của VPBank trong việc nâng cao uy tín và nhận diện thương hiệu. Trong sáu tháng cuối năm 2013, VPBank đã phát hành thành công 2 đợt trái phiếu trung và dài hạn, với tổng mức huy động là 2.000 tỷ đồng trái phiếu có kỳ hạn 3 năm và 2.500 tỷ đồng trái phiếu kỳ hạn trên 10 năm.

Tiền gửi và Vay các TCTD khác: Giảm 49% so với năm 2012 (từ 25.656 tỷ năm 2012 xuống còn 13.134 tỷ đồng năm 2013), đưa tỷ trọng so với nợ phải trả giảm xuống còn 12%.

2.2. Vốn chủ sở hữu

Đại hội Cổ đông VPBank năm 2013 đã phê duyệt tăng vốn điều lệ lên 6.347 tỷ đồng dưới hình thức chia cổ tức bằng cổ phiếu và chia cổ phiếu thưởng từ lợi nhuận để lại, quỹ dự phòng bổ sung vốn điều lệ. Đến ngày 17 tháng 02 năm 2014, VPBank đã được NHNN chấp thuận cho việc tăng vốn này.

Tổng vốn chủ sở hữu hợp nhất của ngân hàng cuối năm 2013 đã đạt 7.727 tỷ đồng, tăng 1.018 tỷ đồng so với năm 2012.

3. Cho vay và huy động từ khách hàng

Trong năm qua, VPBank đã thực hiện đúng tiến độ các dự án chiến lược, đặc biệt là các dự án ở các khối kinh doanh trọng tâm thuộc 2 Khối Khách hàng Cá nhân, Khối Khách hàng Doanh nghiệp Vừa và Nhỏ cùng với các dự án chiến lược khai thác triệt để cơ hội ở các khối kinh doanh khác. Nhờ vậy, hoạt động cho vay và huy động đã đạt được các kết quả đáng khích lệ.

3.1 Cho vay khách hàng

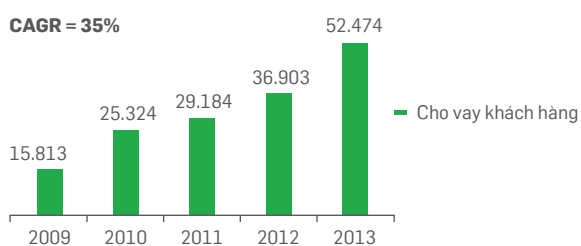
Cho vay khách hàng năm 2013 đạt 52.474 tỷ đồng, tăng 15.571 tỷ đồng (tương đương 42%) so với cuối năm 2012, đánh dấu sự tăng trưởng vượt bậc so với mức bình quân trong vòng 3 năm qua và tăng cao hơn nhiều so với tăng trưởng chung toàn ngành. Có được điều này là nhờ VPBank áp dụng nhiều chương trình và các gói tín dụng với lãi suất ưu đãi phù hợp với tình hình thị trường và đối tượng khách hàng trong thời kỳ kinh tế còn khó khăn.

Cho vay khách hàng doanh nghiệp đạt 29.524 tỷ đồng và cho vay cá nhân đạt 22.950 tỷ đồng, tương ứng mức tăng trưởng 54% và 29% so với 2012. Tỷ trọng cho vay khách hàng doanh nghiệp chiếm 56% trong tổng dư nợ (trong đó chủ yếu là cho vay khách hàng doanh nghiệp vừa và nhỏ). Điều này hoàn toàn đi theo đúng chiến lược bán lẻ của VPBank đó là chú trọng phát triển hỗ trợ phân khúc khách hàng cá nhân và phân khúc khách hàng doanh nghiệp vừa và nhỏ. Ngay từ đầu năm, VPBank đã linh hoạt áp dụng các chương trình tín dụng ưu đãi cho khách hàng như: 1.000 tỷ đồng cho Chương trình “Cho vay mua ô tô – Con lốc siêu ưu đãi” với lãi suất ưu đãi 6%/năm cho 6 tháng đầu tiên, Chương trình “SME Success 2013”, “Cho vay VNĐ lãi suất ngoại tệ”... Thêm vào đó, năm 2013 VPBank đã được NHNN phê duyệt để được lựa chọn tham gia Dự án SMEFP II & III do Cơ quan Hợp tác Quốc tế Nhật Bản (JICA) tài trợ cho Việt Nam.

Song song với tăng trưởng tín dụng, VPBank đã và đang áp dụng nhiều biện pháp nhằm nâng cao chất lượng tài sản và kiểm soát chất lượng tín dụng. Điển hình là việc hoàn tất triển khai quy trình xử lý và phê duyệt tín dụng tập trung, đẩy mạnh và chuyên môn hóa công tác thu hồi nợ. Chính vì vậy mà tỷ lệ nợ xấu luôn được kiểm soát ở mức an toàn, duy trì ở mức 2,81% cuối năm 2013.

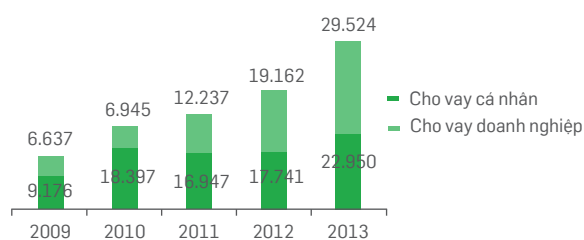
Ngoài ra, VPBank cũng là một trong những ngân hàng tiên phong trong việc xúc tiến nghiên cứu triển khai Hiệp ước vốn theo chuẩn Basel II với sự phối hợp của các đơn vị tư vấn nước ngoài, bao gồm việc xây dựng chiến lược tổng thể về hệ thống

Biểu đồ 4: Cho vay khách hàng



Đơn vị: Tỷ đồng; Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán

Biểu đồ 5: Cho vay theo cơ cấu khách hàng



Đơn vị: Tỷ đồng; Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán

công nghệ thông tin để hỗ trợ các phương pháp đo lường rủi ro tín dụng, thị trường, hoạt động, tính toán vốn, hệ thống ICAAP.

3.2 Huy động từ khách hàng

Huy động từ khách hàng đạt 83.844 tỷ đồng, tăng 24.330 tỷ đồng (tương đương 41%) so với 2012, vượt kế hoạch đề ra và nằm trong nhóm các ngân hàng thương mại có tăng trưởng cao về huy động. VPBank luôn đặt trọng tâm mục tiêu huy động vốn từ dân cư và tổ chức kinh tế nhằm giảm sự phụ thuộc vào nguồn vốn thị trường 2, nâng cao dự trữ thanh khoản và đi theo đúng định hướng chiến lược tăng trưởng hữu cơ về quy mô trong giai đoạn đầu.

Trong các nguồn huy động, nguồn đến từ khách hàng cá nhân có mức tăng tuyệt đối lớn nhất (tăng 16.570 tỷ đồng, tương ứng 44%), duy trì tỷ trọng đóng góp trong tổng huy động khách hàng ở mức cao (65%), góp phần thực hiện chiến lược bán lẻ của Ngân hàng và nâng cao tính ổn định, bền vững của nguồn vốn.

Bên cạnh chiến lược trọng tâm là bán lẻ, VPBank còn tập trung khai thác triệt để cơ hội ở các khối khách hàng doanh nghiệp để tăng trưởng và đa dạng hóa thêm nguồn vốn huy động, đồng thời tranh thủ các nguồn vốn huy động giá rẻ khác.

Ngay từ đầu năm 2013, Ban Điều hành đã có những biện pháp để tăng trưởng huy động cụ thể như:

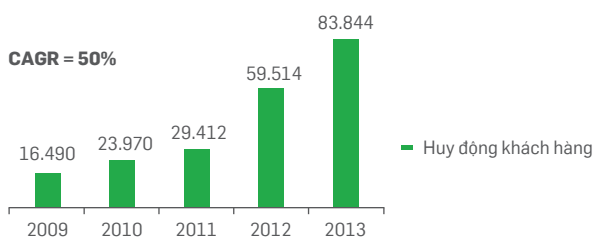
- Thiết kế đa dạng nhiều kênh và sản phẩm huy động với các tính chất đặc thù, và phù hợp với nhiều đối tượng khách hàng như: Tiết kiệm gửi góp linh hoạt Easy Savings phù hợp với khách hàng có nhu cầu vốn đột xuất, tiết kiệm trực tuyến giúp khách hàng gửi tiền mọi lúc mọi nơi mà không phải đến ngân hàng;
- Linh hoạt trong chính sách điều chuyển vốn nội bộ nhằm khuyến khích và tạo động lực tăng trưởng huy động;
- Triển khai đồng loạt các dự án, chương trình nhằm tăng trưởng số dư tiền gửi thanh toán, đa dạng hóa nguồn huy động và giảm chi phí vốn huy động.

4. Các chỉ số thanh khoản và an toàn hoạt động

VPBank luôn coi trọng việc duy trì một mức thanh khoản cao đáp ứng các yêu cầu của NHNN và đồng thời chủ động trong việc xây dựng và triển khai chiến lược về quản lý rủi ro thanh khoản. Ngân hàng cũng đã xây dựng các kế hoạch dự phòng thanh khoản trong đó quy định rõ kế hoạch hành động trong các tình huống khẩn cấp.

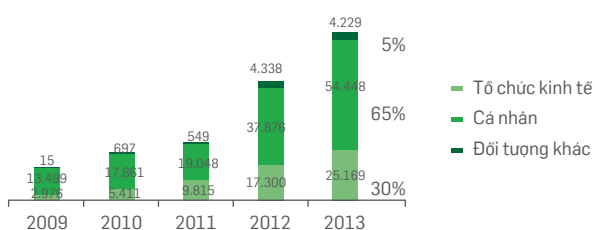
Các chỉ số an toàn như tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu, tỷ lệ vốn ngắn hạn cho vay trung dài hạn... của VPBank tiếp tục được duy trì ổn định và bền vững.

Biểu đồ 6: Huy động khách hàng



Đơn vị: Tỷ đồng; Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán

Biểu đồ 7: Cơ cấu huy động khách hàng



Đơn vị: Tỷ đồng; Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán

Chi tiêu (Hợp nhất)	Yêu cầu	2011	2012	2013
Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu (CAR)	$\geq 9\%$	11,9%	12,5%	12,5%
Tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn sử dụng để cho vay trung dài hạn	$\leq 30\%$	8,6%	15,2%	22,4%

Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán

III. Kết quả kinh doanh

Trong năm 2013, môi trường kinh doanh còn nhiều khó khăn song kết quả kinh doanh của VPBank khá khả quan. Kết thúc năm tài chính, lợi nhuận trước thuế hợp nhất đạt 1.355 tỷ

đồng, tăng 406 tỷ đồng so với năm 2012, tương ứng 43%. Đây cũng là năm đầu tiên lợi nhuận sau thuế của VPBank vượt mốc 1.000 tỷ đồng, đạt 1.018 tỷ đồng.

Chi tiêu	2013 (Tỷ đồng)	2012 (Tỷ đồng)	Thay đổi	
			(Tỷ đồng)	%
I Thu nhập hoạt động thuần	4.969	3.114	1.855	60
1 Thu nhập lãi thuần	4.083	3.063	1.020	33
2 Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	604	271	333	123
3 Lãi thuần từ kinh doanh ngoại hối và vàng	(21)	(117)	96	82
4 Lãi/lỗ từ mua bán chứng khoán	304	(102)	406	397
II Lãi thuần từ hoạt động khác	108	105	2	2
III Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	12	17	(5)	-32
IV Chi phí hoạt động	2.838	1.875	963	51
V Lợi nhuận trước dự phòng rủi ro	2.251	1.362	889	65
Chi phí dự phòng rủi ro	896	413	483	117
VI Lợi nhuận trước thuế	1.355	949	406	43
VII Chi phí thuế TNDN	337	234	104	44
VIII Lợi nhuận sau thuế	1.018	715	302	42

1. Thu nhập hoạt động thuần

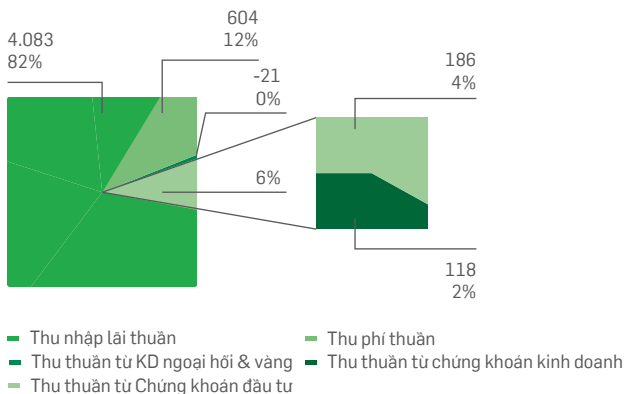
Nhờ sự tăng trưởng mạnh trong các hoạt động cốt lõi của ngân hàng và thay đổi trong cấu trúc nguồn vốn và sử dụng vốn, tổng thu nhập hoạt động thuần hợp nhất năm 2013 đạt 4.969 tỷ đồng, tăng mạnh so với năm 2012 (tăng 1.855 tỷ đồng, tương ứng tăng 60%).

Đóng góp vào sự tăng trưởng trong thu nhập hoạt động thuần đến từ tất cả các hoạt động, trong đó:

- Lớn nhất là thu nhập lãi thuần (tăng 1.020 tỷ đồng, tương ứng tăng 33%), chủ yếu đến từ tăng trưởng mạnh quy mô các hoạt động huy động, cho vay và duy trì bảng cân đối tài sản vững mạnh, hiệu quả;
- Thu nhập phí thuần (tăng 333 tỷ đồng, tương ứng tăng 123%);
- Thu nhập từ mua bán kinh doanh chứng khoán (tăng 406 tỷ đồng, tương ứng tăng 397%).

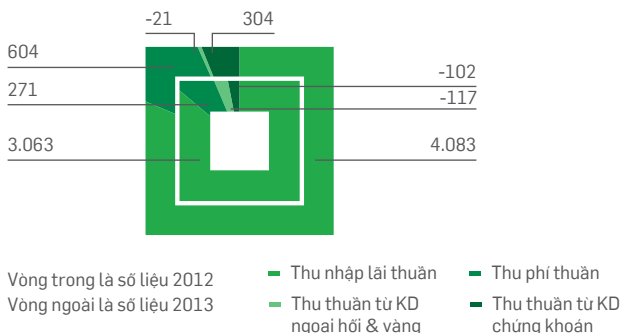
Cơ cấu thu nhập của VPBank được cải thiện rõ nét theo hướng tăng các nguồn thu ngoài lãi cùng với việc giảm dần sự phụ thuộc vào thu từ tín dụng. Thu lãi thuần năm 2013 chỉ còn chiếm 82% tổng thu nhập hoạt động thuần, thay vì tỷ trọng 98% của năm 2012. Tỷ trọng thu ngoài lãi tăng thêm 16% (từ 2% - năm 2012 lên 18% - năm 2013). Kết quả này thể hiện sự thành công trong chiến lược chuyển dịch mô hình kinh doanh

Biểu đồ 8: Cơ cấu thu nhập hoạt động thuần 2013



Đơn vị: Tỷ đồng,%; Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán

Biểu đồ 9: Cơ cấu thu hoạt động thuần 2012 - 2013



Đơn vị: Tỷ đồng; Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán

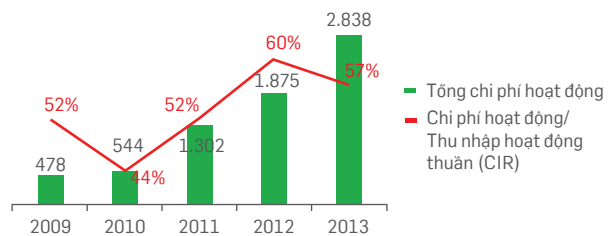
của VPBank đã diễn ra trong các năm qua. Hàng loạt các dự án, sáng kiến để tăng thu nhập từ phí với sự tư vấn của các chuyên gia tư vấn hàng đầu thế giới đã được triển khai và phát huy hiệu quả tốt.

2. Chi phí hoạt động

Tiếp tục quá trình chuyển đổi ngân hàng, mở rộng mạng lưới, thay đổi mô hình tổ chức, hoàn thiện hệ thống nền tảng về công nghệ thông tin, quản trị rủi ro...; cùng với sự tăng trưởng mạnh mẽ về quy mô hoạt động kinh doanh, chi phí hoạt động của VPBank cũng có biến động tăng trong các năm vừa qua (năm 2013 chi phí hoạt động tăng 51% so với năm 2012). Tuy nhiên, chi phí hoạt động được kiểm soát ở mức hợp lý, phù hợp với tăng thu nhập, do đó tỷ lệ chi phí hoạt động/thu nhập hoạt động thuần giảm từ 60% năm 2012 xuống còn 57% năm 2013.

Chi phí lương và các chi phí liên quan đến nhân sự chiếm 41% tổng chi phí hoạt động, là cấu phần lớn nhất của chi phí hoạt động. Chi cho nhân sự tăng 359 tỷ đồng so với năm 2012, do VPBank chú trọng củng cố bộ máy nhân sự, tuyển dụng nhiều nhân sự cao cấp, các chuyên gia nước ngoài, bổ sung các vị trí chủ chốt trong bộ máy vận hành, cũng như nâng cao phúc lợi cho cán bộ nhân viên. Điều này hoàn toàn phù hợp với quan điểm và định hướng của Ban lãnh đạo VPBank: luôn coi nhân sự là một trong những nền tảng quan trọng để đạt được tham vọng trong chiến lược tăng trưởng của mình.

Biểu đồ 10: Chi phí hoạt động



Đơn vị: Tỷ đồng,%; Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán

Bên cạnh đó, chi phí quản lý cũng tăng đáng kể, trong đó phần lớn là chi phí quảng cáo, marketing nhằm nâng cao hình ảnh và khẳng định thương hiệu, chi phí thúc đẩy các chương trình kinh doanh trọng điểm của VPBank (tăng từ 128 tỷ đồng năm 2012 lên 405 tỷ đồng năm 2013).

3. Chi phí dự phòng rủi ro

Đến 31/12/2013, VPBank đã trích đủ dự phòng chung và dự phòng cụ thể theo Quyết định số 493 và Quyết định số 18 của

NHNN cũng như chủ động áp dụng Thông tư 21 trong việc phân loại và trích lập dự phòng rủi ro cho vay các TCTD khác. Số dư quỹ dự phòng rủi ro tính đến thời điểm 31/12/2013 là 1.318 tỷ đồng, tăng hơn hai lần so với cuối năm 2012, phù hợp với tốc độ tăng trưởng tín dụng năm 2013 và nâng cao sự chủ động để bù đắp tổn thất có thể xảy ra.

Đơn vị: Tỷ đồng	2013	2012	Tăng giảm so với 2012
Chi phí dự phòng chung	159	98	61
<i>Thị trường 1 và các cam kết ngoại bảng</i>	<i>159</i>	<i>44</i>	<i>115</i>
<i>Thị trường 2</i>	<i>0,4</i>	<i>55</i>	<i>(54)</i>
Chi phí dự phòng cụ thể	352	301	51
Chi phí dự phòng cho các tài sản nội bảng khác	384	13	371
Tổng chi phí dự phòng trong năm	896	413	483
Tổng quỹ dự phòng	1.318	572	746

4. Khả năng sinh lời

Năm 2013 là một năm khó khăn với ngành ngân hàng nói riêng và hệ thống kinh tế Việt Nam nói chung, nhưng VPBank vẫn đảm bảo duy trì các chỉ tiêu về khả năng sinh lời và hiệu quả sử dụng tổng tài sản ở mức khả quan.

ROA - Tỷ lệ lợi nhuận trên Tổng tài sản bình quân (ROA) đạt 0,91%, tăng 0,14% so với năm 2012, chủ yếu đến từ việc chuyển dịch cơ cấu tài sản và nguồn vốn sang các hoạt động có tính bền vững và khả năng sinh lời cao hơn, như phân tích ở trên.

ROE - Tỷ lệ lợi nhuận trên Vốn chủ sở hữu bình quân (ROE) được cải thiện rõ nét. Năm 2013, ROE của VPBank đạt 14%,

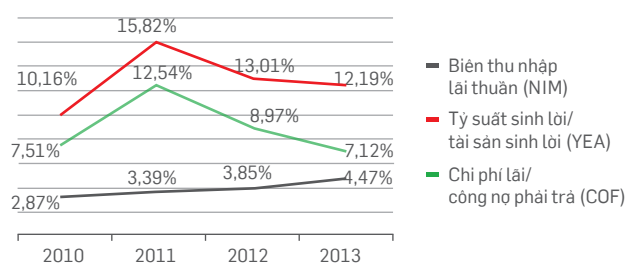
tăng 3% so với năm 2012, trở lại mức kinh doanh tốt của năm 2011 với ROE là 14%.

EPS - Lợi cơ bản/cổ phiếu đạt 1.764 đồng/cổ phiếu, tăng 524 đồng so với 2012.

NIM - Biên thu nhập lãi thuần năm 2013 là 4,47%.

Năm 2013, tỷ suất lợi tức trên tài sản sinh lời (YEA) giảm nhẹ 0,82% từ mức 13,01% xuống 12,19%, trong khi tỷ lệ chi phí lãi trên công nợ phải trả lãi giảm mạnh (giảm 1,85% từ mức 8,97% của năm 2012 xuống 7,12% của năm 2013). Nhờ đó, biên thu nhập lãi thuần tăng 0,62% so với năm 2012 lên 4,47%. Biên thu nhập lãi thuần (NIM) liên tục tăng lên qua các năm.

Biểu đồ 11: Các chỉ số sinh lời



Đơn vị: %; Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán

5. Đánh giá chung

Có thể nói, 2013 là một năm thành công của VPBank, thể hiện ở việc hoàn thành tốt các chỉ tiêu kinh doanh đề ra và tăng trưởng cao so với năm trước. Điểm sáng trong bức tranh tài chính năm 2013 phải kể đến là vượt 34% kế hoạch lợi nhuận trước thuế hợp nhất đặt ra từ đầu năm, trong đó hoạt động kinh doanh riêng ngân hàng đạt 1.265 tỷ (tăng trưởng 43% so với 2012), các công ty thành viên đều có lãi, đặc biệt là Công ty Chứng khoán đạt lợi nhuận cao hơn hai lần so với năm trước; Hoạt động giữa Ngân hàng và các công ty thành viên ngày càng có sự gắn kết chặt chẽ cả về sản phẩm, nghiệp vụ cũng như công tác quản trị. Sự tương hỗ này không chỉ giúp VPBank tăng cường sức cạnh tranh mà còn là cơ sở để phát triển ổn định và bền vững hơn.

Các chỉ tiêu về quy mô của VPBank có bước tiến nhanh và bền vững. Vượt qua những khó khăn chung, VPBank tiếp tục đạt

những bước tăng trưởng ấn tượng về quy mô cho vay, huy động đưa đến một bảng cân đối tài sản và nguồn vốn có cấu trúc vững mạnh.

Kết quả đạt được trong năm 2013 thể hiện nỗ lực lớn của VPBank trong điều kiện thị trường tài chính còn tiềm ẩn nhiều rủi ro, mặt khác tạo nền tảng tài chính để bứt phá trong các năm tiếp theo. Đối với Ngân hàng, điều này đã khẳng định định hướng đúng đắn và sáng suốt của Hội đồng Quản trị, sự phối hợp và chi đạo linh hoạt của Ban Điều hành cũng như nỗ lực của toàn thể cán bộ nhân viên VPBank. Đối với khách hàng, đối tác và các cổ đông, những thành quả đạt được đã chứng tỏ VPBank là một ngân hàng tin cậy và an toàn, khẳng định vị trí và thương hiệu của mình trên thị trường tài chính Việt Nam.

Chi tiêu (tỷ đồng/%)	Thực hiện 2013	Kế hoạch 2013	% so với kế hoạch	% tăng trưởng so với 2012
Tổng tài sản	121.264	120.000	101%	18%
<i>Huy động từ khách hàng</i>	83.844	81.230	103%	41%
<i>Cho vay khách hàng</i>	52.474	47.974	109%	42%
Tỷ lệ nợ xấu	2,81%	<3%	100%	
Lợi nhuận trước thuế hợp nhất	1.355	1.010	134%	43%
ROE	14%	13%	108%	25%

HOẠT ĐỘNG QUẢN TRỊ RỦI RO

Trong năm 2013, VPBank đã triển khai thành công một số sáng kiến có tính chiến lược nhằm tăng cường năng lực quản lý rủi ro phù hợp với tiêu chuẩn quốc tế và hỗ trợ hiệu quả nhu cầu ngày càng lớn từ các đơn vị kinh doanh.

Để đáp ứng yêu cầu của cơ quan quản lý về việc thực hiện chuẩn Basel II cũng như quản lý rủi ro một cách thận trọng, Hội đồng Quản trị (HĐQT) đã phê duyệt Chiến lược Quản lý Rủi ro 5 năm với sự hỗ trợ của một công ty tư vấn quốc tế có uy tín. VPBank đặt mục tiêu thực hiện hiệu quả các phương pháp tiếp cận tiên tiến của Basel II về quản lý rủi ro tín dụng vào năm 2017.

Để hoàn thành sứ mệnh này, VPBank đang triển khai các hoạt động chính sau:

- Hoàn thiện Chiến lược Quản lý Rủi ro tổng thể;
- Triển khai cơ chế phê duyệt tín dụng tập trung;
- Hoàn thiện cơ sở hạ tầng dữ liệu cho việc xây dựng các phương pháp xếp hạng tín dụng và phân loại rủi ro theo tiêu chuẩn quốc tế;
- Xây dựng thêm các thẻ điểm (scorecard) cho các phân khúc khách hàng khác nhau;
- Xây dựng hệ thống cảnh báo rủi ro tín dụng sớm;
- Tăng cường hệ thống tái cấu trúc và thu hồi nợ;
- Nâng cao nhận thức về rủi ro không chỉ ở cấp độ hoạt động mà còn ở cấp độ quản lý cao cấp.

Khung Quản lý Rủi ro

VPBank nhận thức được vai trò thiết yếu của năng lực quản lý rủi ro hiệu quả đối với thành công của một ngân hàng được quản lý tốt. Với tầm nhìn trở thành một trong 3 NHTMCP bán lẻ hàng đầu và một trong 5 NHTMCP hàng đầu Việt Nam vào năm 2017, việc thiết lập một khung quản lý rủi ro mạnh đóng vai trò then chốt trong chiến lược tăng trưởng của Ngân hàng. Do VPBank có kế hoạch tăng trưởng đáng kể bảng cân đối tài sản, việc ngày càng đa dạng hóa các sản phẩm và dịch vụ đòi hỏi Ngân hàng phải xác định, đo lường, tổng hợp và quản lý rủi ro một cách hiệu quả và phân bổ vốn giữa các đơn vị kinh doanh một cách phù hợp.

Dưới đây là các nguyên tắc cốt lõi của Ngân hàng về quản lý rủi ro:

- VPBank vận hành một mô hình quản lý rủi ro ba tầng bảo vệ, bao gồm các chức năng thuộc bộ phận bán hàng, quản

lý rủi ro và kiểm toán nội bộ, trong đó mỗi tầng bảo vệ lại có một loạt các trách nhiệm cụ thể về quản lý và kiểm soát rủi ro;

- HĐQT chịu trách nhiệm cuối cùng về quản lý rủi ro, đồng thời ủy thác việc quản lý hàng ngày cho các ủy ban rủi ro cao cấp chịu trách nhiệm thường xuyên theo dõi tình hình rủi ro và vốn của các đơn vị kinh doanh;
- HĐQT phê duyệt khâu vị và chiến lược quản lý rủi ro hàng năm của Ngân hàng dựa trên sự phê duyệt của Ủy ban Quản lý Rủi ro (RCO). Ban Điều hành và Khối Quản trị Rủi ro chịu trách nhiệm thực hiện chiến lược quản lý rủi ro dựa trên khâu vị rủi ro được xác định và phê duyệt;
- Tất cả các loại rủi ro đều được quản lý thông qua một loạt các quy trình quản lý rủi ro, bao gồm rủi ro tín dụng, rủi ro thị trường, rủi ro hoạt động, rủi ro thanh khoản và rủi ro uy tín;
- Kiểm tra sức chịu đựng (stress testing) và phân tích kịch bản được sử dụng để đánh giá sức chịu đựng về trạng thái vốn của Ngân hàng trong các điều kiện xấu nhất có thể xảy ra;
- Sử dụng các công cụ phân tích, đo lường và giám sát rủi ro phù hợp để đo lường mức độ rủi ro đối với những loại rủi ro khác nhau;
- Cùng với việc thực hiện các yêu cầu của Basel II, một văn hóa quản lý rủi ro mạnh đã được thực hiện triệt để trên toàn tổ chức.

Cấu trúc Quản trị Rủi ro

Trách nhiệm cuối cùng đối với việc thiết lập khâu vị rủi ro và quản lý rủi ro hiệu quả thuộc về HĐQT.

Theo phân công của HĐQT, RCO có trách nhiệm giám sát và đánh giá các rủi ro một cách cẩn trọng, bao gồm nhưng không giới hạn bởi các rủi ro về tín dụng, thị trường, vốn, thanh khoản và vận hành. Ủy ban có trách nhiệm đưa ra các quyết định về những chính sách của toàn hàng không giới hạn trong các chính sách chiến lược rủi ro, khung kiểm tra sức chịu đựng, chiến lược vốn và các chính sách rủi ro ở mức tổng quan. RCO đánh giá hiệu quả hoạt động của Ngân hàng dựa trên khâu vị rủi ro chung đã xác định trước và đề xuất các kiến nghị với HĐQT. Ủy ban cũng có trách nhiệm theo dõi và giám sát các hoạt động của các ủy ban liên quan tới rủi ro khác bao gồm Hội đồng Quản lý Tài sản Nợ - Có (ALCO), Ủy ban Quản trị Rủi ro Hoạt động (ORC), Ủy Ban Tín dụng và Thu hồi nợ (CCC) và Hội đồng Sản phẩm.

ORC nhận báo cáo định kỳ và các đề xuất rủi ro từ các phòng rủi ro chức năng, bao gồm báo cáo về các xu hướng danh mục của Ngân hàng, các chính sách quan trọng, các đề xuất về hạn mức rủi ro, các kịch bản kiểm tra sức chịu đựng, báo cáo thanh khoản và báo cáo an toàn vốn cũng như báo cáo cập nhật về việc thực hiện chiến lược rủi ro thường niên.

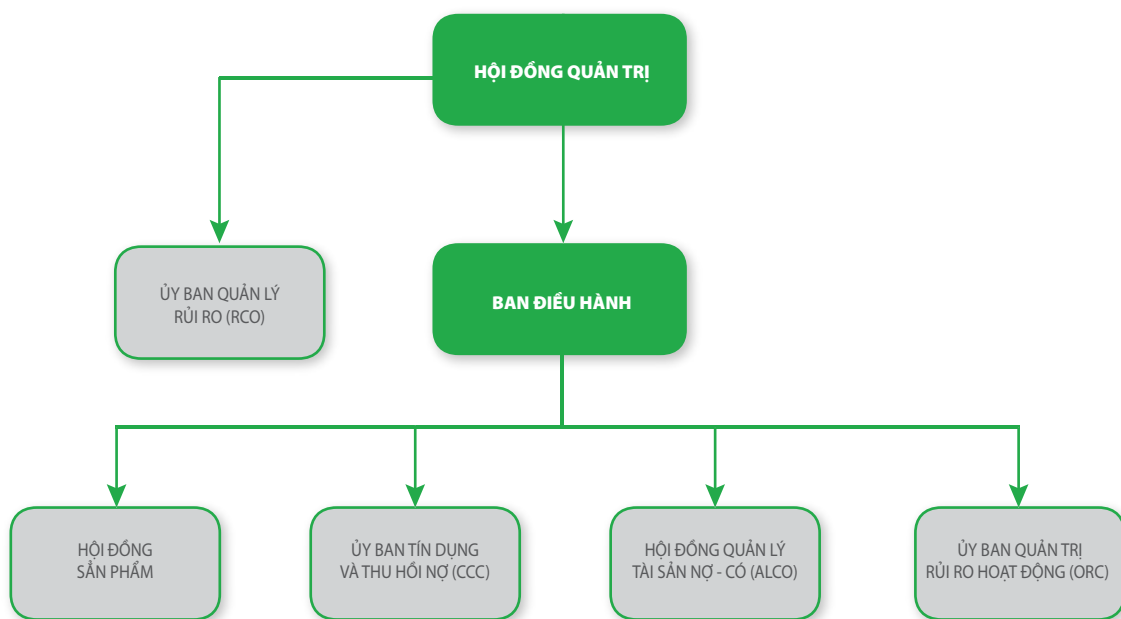
ORC là ủy ban trực thuộc Ban Điều hành, chịu trách nhiệm quản lý rủi ro hoạt động, bao gồm sự tham gia của Ngân hàng vào các hoạt động mới (ví dụ: các sản phẩm, quy trình, hệ thống, mức độ trọng yếu của các sáng kiến thuê ngoài của Ngân hàng, thực hiện khung đo lường rủi ro hoạt động chính và khung quản lý chống gian lận).

ALCO trực thuộc Ban Điều hành, chịu trách nhiệm quản lý

vốn, cấu trúc bảng cân đối, tính thanh khoản, rủi ro ngoại hối và lãi suất.

CCC là ủy ban cấp điều hành chịu trách nhiệm về các vấn đề cụ thể hơn liên quan tới các chính sách tín dụng, chiến lược thu nợ sớm và xử lý nợ muộn. Tuân thủ khẩu vị rủi ro của Ngân hàng, CCC đưa ra quyết định về các chính sách và quy trình tín dụng, chiến lược thu hồi nợ và thu nợ của ngân hàng. Ủy ban này thường xuyên đánh giá kết quả hoạt động của các danh mục tín dụng và việc thực thi kế hoạch thu hồi nợ sớm và xử lý nợ muộn.

Hội đồng Sản phẩm thuộc Ban Điều hành, chịu trách nhiệm đánh giá đề xuất sản phẩm mới và đưa ra các kiến nghị đối với các cấp có thẩm quyền liên quan để đưa đến quyết định cuối cùng.

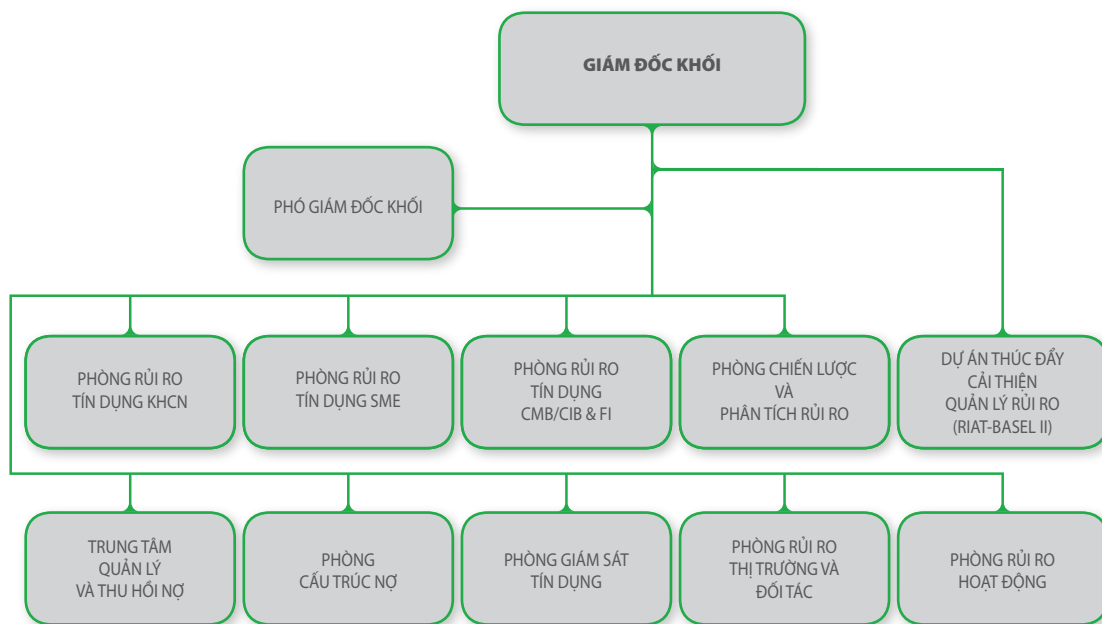


Chức năng của Khối Quản trị Rủi ro

Giám đốc Khối Quản trị Rủi ro (CRO) được bổ nhiệm để giám sát các chức năng quản lý rủi ro. CRO là thành viên của Ban Điều hành và có chức năng báo cáo kép tới Tổng Giám đốc và HĐQT và các ủy ban trực thuộc HĐQT. CRO có trách nhiệm:

- Xây dựng và duy trì các quy trình và hệ thống quản lý rủi ro nhằm xác định, phê duyệt, đo lường, theo dõi, kiểm soát và báo cáo rủi ro;
- Đảm bảo Ban Lãnh đạo cấp cao tham gia vào giải quyết các vấn đề rủi ro trọng yếu;
- Xây dựng các quy trình kiểm soát rủi ro và giảm thiểu rủi ro;
- Thực hiện chiến lược khẩu vị rủi ro do HĐQT thiết lập.

Tuân thủ các yêu cầu của Basel và phù hợp với chiến lược của Ngân hàng, cơ cấu tổ chức quản lý rủi ro đã được điều chỉnh để tạo ra một bộ phận hiệu quả nhằm hỗ trợ Chiến lược tăng trưởng của Ngân hàng trong khi vẫn duy trì rủi ro ở mức độ kiểm soát được. Các phòng rủi ro chức năng phụ trách các phân khúc KHCN, SME và Khách hàng Doanh nghiệp không những làm việc tận tụy và phối hợp chặt chẽ với các khối kinh doanh tương ứng, mà còn giám sát kết quả hoạt động của các khối này dựa trên các thông số rủi ro đã xác định trước. Phòng Chiến lược và Phân tích Rủi ro chịu trách nhiệm thiết lập các chính sách rủi ro toàn hàng và xây dựng các tài liệu về khẩu vị rủi ro. Đơn vị này cũng đóng vai trò quan trọng trong việc thực hiện các dự án Basel II nhằm chuẩn bị sẵn sàng cho Ngân hàng tuân thủ đầy đủ Basel II trong những năm tới.



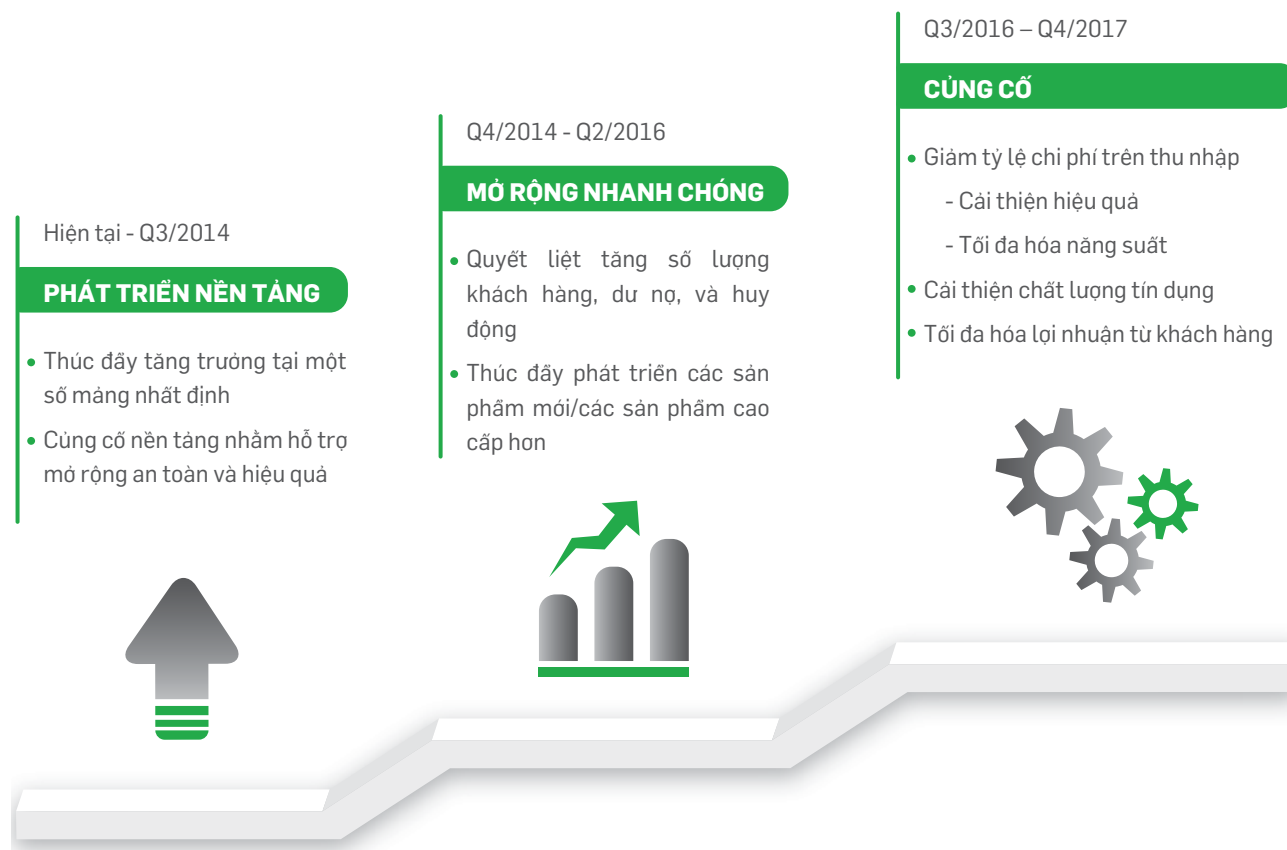
CHƯƠNG TRÌNH CHUYỂN ĐỔI VPBANK

Những năm vừa qua là giai đoạn chuyển đổi mạnh mẽ của VPBank, hứa hẹn sự phát triển nhanh chóng của Ngân hàng trong những năm tiếp theo. Chuyển đổi thực sự cần thiết để giúp VPBank đạt được những mục tiêu tham vọng là trở thành một trong 5 Ngân hàng TMCP hàng đầu và một trong 3 Ngân hàng TMCP bán lẻ hàng đầu Việt Nam.

Trong giai đoạn 2010 - 2012, VPBank đã chuyển mình trở thành một ngân hàng hiện đại với đội ngũ quản lý vững mạnh, cơ cấu tổ chức chuyên nghiệp và cách tiếp cận tiên tiến đối với các lĩnh vực chủ chốt trong ngành ngân hàng như quản lý rủi ro tín dụng, mô hình vận hành. Trước những biến chuyển nội tại và sự thay đổi của môi trường bên ngoài, Ngân hàng đã xây dựng một chiến lược điều chỉnh để có một cách tiếp cận rõ ràng với mục tiêu tăng trưởng tham vọng cho giai đoạn 2012 – 2017.

Từ đầu năm 2013, Ngân hàng đã tập trung thực hiện chiến lược điều chỉnh nói trên và đạt được những kết quả đáng khích lệ thông qua một số dự án chuyển đổi, với những thay đổi lớn trong mô hình hoạt động theo định hướng tập trung hóa, khởi động một chương trình chuyển đổi lớn trong mô hình bán hàng và dịch vụ và những cải tiến quan trọng trong cơ sở hạ tầng rủi ro và CNTT, v.v.

Cuối năm 2013, Ngân hàng đã thực hiện phân tích “gap” nhằm đánh giá khoảng cách giữa vị trí mục tiêu (như mô tả trong chiến lược) và vị trí hiện tại của Ngân hàng. Để thu hẹp khoảng cách này, một lộ trình chuyển đổi toàn diện với tầm nhìn hướng đến năm 2017 được Ngân hàng hoạch định kỹ lưỡng, bao gồm một loạt các sáng kiến chuyển đổi rõ ràng. Lộ trình chuyển đổi của VPBank trong những năm tới bao gồm 3 giai đoạn như sau:



Lộ trình chuyển đổi VPBANK

Giai đoạn 1 - Tăng trưởng nền tảng: Tăng trưởng có chọn lọc trong khi vẫn tập trung xây dựng các nền tảng về rủi ro và hoạt động của Ngân hàng để tạo điều kiện cho việc mở rộng một cách an toàn trong thời gian tới;

Giai đoạn 2 - Mở rộng nhanh chóng: Quyết liệt mở rộng nhằm đạt được quy mô mục tiêu về dư nợ, huy động và số lượng khách hàng;

Giai đoạn 3 - Củng cố: Tái tập trung vào hiệu quả, hiệu suất và chất lượng.

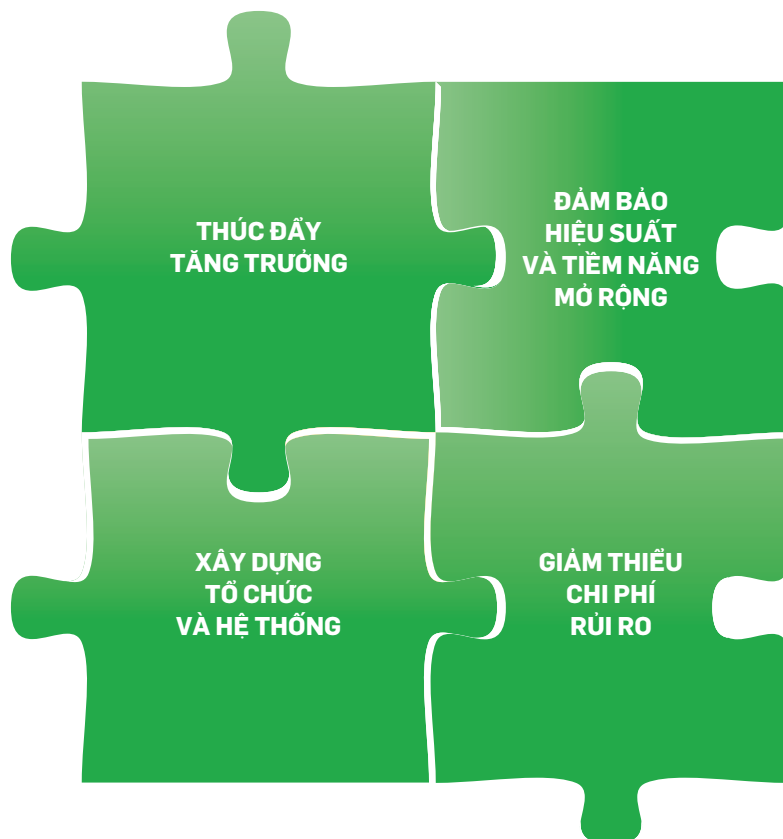
Hành trình chuyển đổi được mô tả trong hình ở trang 30.

Trong mỗi giai đoạn chuyển đổi, VPBank sẽ triển khai một loạt các sáng kiến và đó là một chuỗi các thay đổi thực sự. Nhằm kết hợp tất cả những hoạt động này thành một bức tranh có bố cục chặt chẽ, Ngân hàng tập trung vào 4 lĩnh vực thay đổi - chính là 4 mảnh ghép trong bức tranh chuyển đổi:

1. Thúc đẩy tăng trưởng: chi đơn giản dựa vào sự "tăng trưởng tự nhiên" sẽ không giúp VPBank đạt được quy mô mong muốn vào năm 2017. Do đó, việc triển khai các sáng kiến tăng trưởng quyết liệt là điều cần thiết (từ việc đưa ra các sản phẩm cải tiến tới mô hình bán hàng và dịch vụ mới táo bạo cũng như các chiến dịch bán hàng lớn);

2. Đảm bảo hiệu suất và tiềm năng mở rộng: nếu không có sự kiểm soát chặt chẽ về hiệu suất và khả năng mở rộng thì chi phí sẽ vượt ra ngoài tầm kiểm soát trong quá trình mở rộng nhanh chóng mà VPBank đang trải qua. Vì vậy, VPBank sẽ tập trung phát triển một mô hình hoạt động tiên tiến, tập trung hóa cao độ, liên tục tự động hóa, tái thiết kế quy trình theo hướng tinh gọn, v.v., để đảm bảo tăng trưởng sẽ đem lại mức lợi nhuận mong muốn;

3. Giảm thiểu chi phí rủi ro: Áp dụng những công cụ quản lý rủi ro tín dụng tiên tiến cũng như cơ chế kiểm soát chặt chẽ



4 hợp phần trong chương trình chuyển đổi của VPBANK

nhằm giảm thiểu rủi ro hoạt động và rủi ro thị trường để ngăn chặn việc chi phí rủi ro tăng cao sẽ bào mòn thành quả từ tăng trưởng doanh thu;

4. Xây dựng tổ chức và hệ thống: đội ngũ nhân sự và hệ thống vững mạnh là yếu tố cốt lõi của ngành ngân hàng hiện đại. Đó là lý do tại sao VPBank cần xây dựng một nền văn hóa lấy khách hàng làm trọng tâm, áp dụng tự động hóa ở mức tối đa và liên tục cải tiến hệ thống báo cáo và phân tích.

Dựa vào 3 giai đoạn chuyển đổi cũng như 4 lĩnh vực thay đổi, VPBank đã đề ra một loạt các sáng kiến chuyển đổi cụ thể, thực tế và mang tính chiến lược. Những sáng kiến này hình thành các dự án ưu tiên của Ngân hàng trong giai đoạn 2014 - 2017. Tất cả các sáng kiến này sẽ giúp hiện thực hóa công cuộc chuyển đổi của VPBank thông qua một chương trình có tính gắn kết chặt chẽ và được hoạch định một cách cẩn thận.

Nhờ lộ trình này, VPBank có thể theo dõi thành quả của những nỗ lực chuyển đổi cả về mặt định tính (các sáng kiến đã lên kế

hoạch có được thực hiện thành công hay không) cũng như định lượng (doanh thu hoặc tác động chi phí của bất kỳ dự án cụ thể là gì). Trong trường hợp điều kiện thị trường thay đổi hoặc những nỗ lực chuyển đổi hiện tại chưa đủ để đáp ứng tham vọng của Ngân hàng, VPBank sẽ cẩn thận đánh giá tình hình và điều chỉnh lộ trình chuyển đổi một cách minh bạch để qua đó, tất cả mọi người trong và ngoài Ngân hàng có thể thấy một cách rõ ràng và khách quan cách thức Ngân hàng hiện thực hóa tầm nhìn 2017 và hỗ trợ để xử lý các khó khăn, vướng mắc.

Có thể nói, những năm tới đây sẽ đánh dấu sự thay đổi lớn của VPBank. Nhưng nhờ có lộ trình được hoạch định kỹ càng, VPBank tin rằng quá trình chuyển đổi sẽ có tính hệ thống, cân bằng và quan trọng nhất là sẽ thành công. Việc chuyển đổi sẽ giúp Ngân hàng tăng trưởng, nâng cao hiệu quả hoạt động, giảm thiểu rủi ro cũng như xây dựng được đội ngũ nhân sự và hệ thống vững mạnh nhất trên thị trường, giúp VPBank hiện thực hóa mục tiêu trở thành một trong 3 NHTMCP bán lẻ hàng đầu và một trong 5 NHTMCP hàng đầu Việt Nam vào năm 2017!

	Từ nay - Q3/2014	Q4/2014 - Q2/2016	Q3/2016 – Q4/2017
	TĂNG TRƯỞNG NỀN TẢNG	NHANH CHÓNG MỞ RỘNG	CƯỜNG CỐ
THÚC ĐẨY TĂNG TRƯỞNG	<ul style="list-style-type: none"> Các chương trình sản phẩm bán lẻ Các chương trình sản phẩm/tín dụng SME Chuyển đổi bán & dịch vụ E-banking (tập trung vào bán lẻ) Cải thiện dịch vụ khách hàng Tiền mặt và thanh toán 	<ul style="list-style-type: none"> Đẩy mạnh các chiến dịch bán hàng quy mô lớn Xây dựng thương hiệu Duy trì mô hình bán & dịch vụ mới Thúc đẩy hiệu quả bán E-banking nâng cao Thu nhập từ phí 	<ul style="list-style-type: none"> Nâng cao hiệu suất sinh lời và tỷ lệ nắm giữ sản phẩm của khách hàng Quản lý danh mục khách hàng Khách hàng ưu tiên Các sản phẩm cao cấp
ĐẢM BẢO HIỆU SUẤT VÀ TIỀM NĂNG MỞ RỘNG	<ul style="list-style-type: none"> Đẩy mạnh hỗ trợ tín dụng Chuyển đổi mô hình vận hành Văn bản hóa & cải tiến quy trình 	<ul style="list-style-type: none"> Giám sát & can thiệp chi phí liên tục Tự động hóa các mảng back-office còn lại 	<ul style="list-style-type: none"> Hiệu quả hóa từ đầu đến cuối: <ul style="list-style-type: none"> Giảm chi phí thuần túy Tinh giản hóa và kết nối các quy trình từ đầu đến cuối
GIẢM THIỂU CHI PHÍ RỦI RO	<ul style="list-style-type: none"> Thu hồi nợ tập trung Bảo mật thông tin và chống giả mạo Chăm điểm rủi ro tín dụng Quản trị rủi ro hoạt động 	<ul style="list-style-type: none"> QTRR tín dụng (tiếp) QTRR hoạt động (tiếp) Duy trì hoạt động kinh doanh (BCP) hoàn chỉnh Phòng chống rửa tiền 	<ul style="list-style-type: none"> Tuân thủ Hiệp ước Basel II (ví dụ FIRB, mô hình rủi ro thị trường, giải pháp RWA)
XÂY DỰNG TỔ CHỨC VÀ HỆ THỐNG	<ul style="list-style-type: none"> Hiệu quả hóa Chương trình Lãnh đạo cấp cao Chuyển đổi văn hóa/con người MIS/Data warehouse Giai đoạn 1 ERP 	<ul style="list-style-type: none"> Data warehouse Giai đoạn 2 Tiếp tục triển khai ERP Giải pháp phối hợp hoàn chỉnh Tuyển dụng trên quy mô lớn 	<ul style="list-style-type: none"> Data warehouse Giai đoạn 3 Thế chế hóa các thông lệ quản trị nguồn nhân lực tốt nhất

Lộ trình chuyển đổi chi tiết với các sáng kiến cụ thể, chi tiết và mang tính chiến lược

HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NỔI BẬT

Dịch vụ Khách hàng Cá nhân

Sau khi hoàn tất việc xây dựng chiến lược 5 năm trong năm 2012, VPBank bắt đầu triển khai các trụ cột chính của chiến lược khách hàng cá nhân (KHCN) ngay trong năm 2013.

Theo đó, Ngân hàng đã thiết lập một cơ cấu tổ chức chuyên nghiệp cho Khối KHCN, khuyến khích những cá nhân có thành tích hoạt động tốt trong nội bộ tổ chức, thu hút các ứng viên tài năng trên thị trường, kêu gọi sự tham gia của các chuyên gia nước ngoài nhằm thiết lập một đội ngũ có đầy đủ năng lực dẫn dắt các hoạt động kinh doanh hướng tới phân khúc khách hàng này.

Năm qua, VPBank đã xây dựng và triển khai một chiến lược phân khúc khách hàng phù hợp với nhóm khách hàng thu nhập khá - phân khúc KHCN chính. Một loạt các sản phẩm như cho vay mua nhà, cho vay mua ô-tô, cho vay tiêu dùng đã được triển khai nhằm đáp ứng nhu cầu của tất cả các phân nhóm khách hàng thuộc phân khúc thu nhập khá. Việc này được tiến hành đồng thời với việc mở rộng kênh bán các sản phẩm này thông qua hoạt động hợp tác với các đại lý bán hàng và các chủ đầu tư.

Kết quả là mảng KHCN đã đạt tăng trưởng dư nợ 20% trong năm 2013, một con số rất ấn tượng nếu so với mặt bằng chung của thị trường. Với mảng huy động, sản phẩm tiết kiệm thông thường cùng với nhiều chương trình khuyến mãi khác đã giúp tăng số dư huy động từ KHCN lên 30%.

Trụ cột thứ ba của chiến lược phân khúc khách hàng thu nhập khá chính là mảng thanh toán, với sự ra đời của thẻ trả trước ảo, cho phép khách hàng thực hiện thanh toán trên internet một cách nhanh chóng và bảo đảm.

250.000

KHÁCH HÀNG CÁ NHÂN MỚI CỦA
VPBANK NĂM 2013

Bộ sản phẩm thẻ tín dụng của VPBank được bổ sung thêm bộ thẻ tín dụng và thẻ ghi nợ VP Lady - một phần trong chiến lược phân khúc khách hàng phụ nữ của VPBank. Sự khác biệt của các sản phẩm thẻ này chính là việc đem lại các lợi ích đặc thù cho đối tượng khách hàng là phụ nữ, bao gồm việc cung cấp thẻ bảo hiểm thiết kế dành riêng cho họ.

Cũng trong chiến lược phân khúc khách hàng, VPBank đã triển khai chương trình Khách hàng Ưu tiên dành cho phân khúc khách hàng thu nhập cao với các ưu đãi đặc biệt như bố trí cán

bộ quản lý quan hệ khách hàng chuyên trách, mở phòng VIP phục vụ riêng tại nhiều chi nhánh chủ chốt tại Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh và tổ chức các hội thảo chuyên đề về đầu tư. Chương trình đã được các khách hàng thu nhập cao đón nhận và đánh giá cao. Trên cơ sở đó, VPBank đã lập kế hoạch tăng số lượng các Trung tâm Khách hàng Ưu tiên trong năm 2014.

Năm 2013, với việc triển khai ứng dụng Mobile Banking, khách hàng của VPBank có thêm nhiều lựa chọn hơn trong việc sử dụng các dịch vụ của Ngân hàng. Nhờ ứng dụng này, khách hàng có thể thực hiện các giao dịch ngân hàng đơn giản như chuyển tiền và thanh toán hóa đơn trên điện thoại thông minh. Kênh Internet banking cũng được nâng cấp và thu hút thêm nhiều đối tác triển khai tính năng thanh toán hóa đơn. Tổng số khách hàng trên internet banking của VPBank đã tăng hơn gấp đôi và số lượng giao dịch trên internet banking đã tăng gấp 4 lần so với năm 2012. Với một chiến lược tham vọng, VPBank quyết tâm đưa internet banking của Ngân hàng trở thành hệ thống tốt nhất trên thị trường Việt Nam.

Dịch vụ Khách hàng Doanh nghiệp Vừa và Nhỏ

VPBank đã khởi động quá trình chuyển đổi mảng kinh doanh phục vụ khách hàng doanh nghiệp vừa và nhỏ (SME) từ cuối năm 2012, với việc triển khai chiến lược SME để phục vụ 3 mục tiêu chính:

- ♦ Đưa VPBank trở thành một trong 5 ngân hàng TMCP hàng đầu Việt Nam;
- ♦ Đưa VPBank trở thành ngân hàng được lựa chọn đầu tiên của các doanh nghiệp SME;
- ♦ Xây dựng mô hình kinh doanh nhất quán để mang lại lợi nhuận và hiệu suất bền vững.

Khắc phục những khó khăn, thách thức trong năm 2013, mảng kinh doanh SME của VPBank đạt kết quả tích cực với mức tăng trưởng tín dụng đạt 40%, tăng trưởng huy động đạt 72% và số lượng khách hàng tăng 20% so với năm 2012.

Để đạt những kết quả trên, VPBank đã thực hiện những nhiệm vụ hết sức cấp bách như triển khai kế hoạch kinh doanh, xây dựng sáng kiến mới và đào tạo kỹ năng mới cho cán bộ nhân viên.

Ngoài việc tập trung xây dựng những trụ cột chính cho mô hình kinh doanh (Con người, Quy trình, Sản phẩm), VPBank đã đầu tư nguồn lực lớn để tăng cường năng lực quản trị rủi ro. Những quy trình và công cụ mới được xây dựng để hỗ trợ cải thiện

chất lượng cho vay. Nhận thức rủi ro cũng đã được nâng cao qua công tác đào tạo và xây dựng quan hệ đối tác giữa đơn vị kinh doanh với bộ phận quản trị rủi ro.

72%



TĂNG TRƯỞNG HUY ĐỘNG SME
SO VỚI NĂM 2012

Đặc biệt, trong năm 2013, VPBank đã thành lập 8 Trung tâm Khách hàng Doanh nghiệp SME chuyên biệt ở Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh. Để đáp ứng tối đa nhu cầu của khách hàng, số Trung tâm SME được nâng lên thành 63 ngay từ đầu năm 2014 cùng với việc thiết lập một đường dây nóng chăm sóc khách hàng tại số 1900-54-54-15 và mở dịch vụ email phản hồi của khách hàng trên cổng ngân hàng điện tử I2B.

Bên cạnh đó, công tác đào tạo, tuyển dụng nhân sự với đầy đủ kinh nghiệm, kỹ năng cần thiết cũng được tăng cường nhằm đưa đội ngũ nhân sự trở thành nhân tố quan trọng trong việc định vị VPBank là một ngân hàng - đối tác tin cậy của cộng đồng doanh nghiệp SME, đưa VPBank trở thành lựa chọn đầu tiên của khách hàng thuộc phân khúc này.

Năm 2013 được coi là năm bản lề của VPBank trong việc xây dựng các sản phẩm chủ đạo hướng tới khách hàng SME, tạo đà thúc đẩy kinh doanh mạnh mẽ trong các năm sau. Đến cuối năm, Ngân hàng đã triển khai thí điểm 05 sản phẩm chủ đạo để nâng cao năng lực phục vụ nhu cầu về sản phẩm của khách hàng. Trên cơ sở kết quả ban đầu đầy hứa hẹn, VPBank rất lạc quan về khả năng tăng trưởng khi hiệu quả sản phẩm và năng suất bán hàng dần dần được nâng lên và những sản phẩm khác được đưa ra thị trường trong năm 2014.

Song song với việc phát triển sản phẩm, công tác thẩm định tín dụng và các quy trình chính sách cũng được rà soát và đơn giản hóa nhằm rút ngắn thời gian xử lý và nâng cao hiệu quả. VPBank đã áp dụng bộ tiêu chí rõ ràng về lựa chọn khách hàng, phương pháp xác định hạn mức tín dụng, những biện pháp giám sát tín dụng tốt hơn và những công cụ mới như bộ chấm điểm xếp hạng khách hàng để cải thiện năng lực quản trị rủi ro. Trong năm 2014, VPBank tiếp tục đặt trọng tâm vào việc nâng cao hiệu quả quy trình, bởi tốc độ và chi phí xử lý sẽ là một lợi thế cạnh tranh quan trọng đối với mảng kinh doanh SME.

Với mục tiêu trở thành đối tác tin cậy của cộng đồng doanh nghiệp SME, VPBank đã hợp tác với Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) và các hiệp hội doanh nghiệp để tổ chức những hội thảo chuyên đề cho các doanh nghiệp thành viên. Mặt khác, Ngân hàng cũng đã chủ động xây dựng các chương trình hỗ trợ nhằm chia sẻ những khó khăn mà các doanh nghiệp SME phải đối mặt trong việc giải bài toán nguồn vốn, dòng tiền và chi

phí vay vốn. Cụ thể, đối với doanh nghiệp xuất khẩu, VPBank đã có giải pháp cho vay ngoại tệ (USD) để giúp khách hàng tận dụng lãi suất thấp. Ngoài ra, chương trình SME và các chương trình ưu đãi lãi suất khác cũng đã hỗ trợ khách hàng giảm thiểu gánh nặng về dòng tiền và chi phí vay vốn.

Dịch vụ Khách hàng Doanh nghiệp

Với mục đích cung cấp các sản phẩm, dịch vụ ngân hàng dành riêng cho những doanh nghiệp có doanh thu hàng năm từ 400 tỷ đến 1.600 tỷ đồng, VPBank chính thức thành lập Khối Khách hàng Doanh nghiệp (CMB) từ đầu năm 2013 với hai Trung tâm Khách hàng Doanh nghiệp đặt tại Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh và một Trung tâm Sản phẩm và Hỗ trợ Kinh doanh.

Định hướng kinh doanh chủ đạo của mảng hoạt động này là cung cấp gói giải pháp tài chính tổng thể cho khách hàng, bao gồm nhưng không giới hạn các sản phẩm dịch vụ như tín dụng, huy động, thanh toán trong nước và quốc tế, ngoại hối nhằm đáp ứng tối đa các nhu cầu dịch vụ tài chính của doanh nghiệp.

Các sản phẩm dịch vụ ưu tiên dành cho các khách hàng doanh nghiệp gồm Tài trợ thương mại quốc tế (thông qua tài trợ xuất nhập khẩu), Tài trợ thương mại trong nước (thông qua các chương trình tài trợ nhà cung cấp, tài trợ nhà phân phối) và Tài trợ trọn gói. Bên cạnh đó, VPBank cũng đẩy mạnh cung cấp các dịch vụ thanh toán, giao dịch ngoại hối, ngoại bảng để gia tăng thu nhập từ phí.

Năm qua, VPBank đã tập trung hoàn thiện danh mục sản phẩm

4.800

 tỷ đồng

DƯ NỢ CUỐI NĂM 2013 CỦA MẢNG CMB

dịch vụ cốt lõi, áp dụng công cụ quản lý bán hàng hiệu quả, cải tiến quy trình thẩm định và tín dụng doanh nghiệp, qua đó nâng cao hiệu quả và chất lượng phục vụ phân khúc khách hàng CMB.

Nhờ đó, VPBank đã đạt được một số thành tích ấn tượng với phân khúc khách hàng này:

- ♦ Dư nợ cuối năm 2013 đạt 4.800 tỷ đồng;
- ♦ Dư ngoại bảng đạt hơn 2.100 tỷ đồng quy đổi, trong đó dư bảo lãnh đạt hơn 1.400 tỷ đồng, dư L/C đạt 683 tỷ đồng, góp phần nâng cao uy tín của VPBank trên thị trường tài chính trong nước và quốc tế;
- ♦ Doanh số giao dịch ngoại tệ đạt hơn 200 triệu USD, góp phần gia tăng quy mô và thu nhập từ ngoại hối;
- ♦ Doanh số thu phí đạt 46 tỷ đồng, đóng góp tỷ trọng lớn vào tổng thu phí toàn hệ thống;

- ♦ Tạo lập danh mục với hơn 240 khách hàng có phát sinh giao dịch;
- ♦ Tạo lập mối quan hệ với một số hiệp hội ngành nghề và khai thác hiệu quả các doanh nghiệp trong ngành bông sợi, dệt may và dược - y tế.

Dịch vụ Khách hàng Doanh nghiệp Lớn

Trong năm 2013, VPBank đạt được thành công đáng kể trong mảng dịch vụ Khách hàng Doanh nghiệp Lớn (CIB), bước đầu khẳng định thương hiệu của VPBank trong phân khúc khách hàng có nhiều tiềm năng nhưng cũng đầy thách thức này.

Điều đó được thể hiện qua mức tăng trưởng về số dư huy động và số dư tín dụng cuối kỳ, đạt lần lượt 19.157 tỷ đồng và 4.246 tỷ đồng. Đặc biệt, doanh số FX từ CIB tăng 214%, hoạt động thanh toán quốc tế tăng tới 261% và hoạt động bảo lãnh đạt mức tăng nhảy vọt 432% so với năm 2012.

432% 

TĂNG TRƯỞNG CỦA HOẠT ĐỘNG
BẢO LÃNH TRONG MẢNG CIB

Năm qua, trong bối cảnh bị cạnh tranh mạnh mẽ bởi các tổ chức tín dụng khác, đặc biệt là các ngân hàng nước ngoài và ngân hàng quốc doanh, VPBank đã tập trung đẩy mạnh việc tiếp thị và thu hút khách hàng doanh nghiệp lớn, gia tăng số lượng khách hàng mới ở mức ấn tượng 20% so với năm 2012.

Bên cạnh đó, VPBank tiếp tục đi sâu khai thác các khách hàng hiện hữu, đặc biệt là những tập đoàn lớn như Tập Đoàn Dầu khí và các công ty con, Tập đoàn Điện lực, Vietnam Airlines, Tập đoàn Công nghiệp Than Khoáng Sản Việt Nam, Tập đoàn FPT, Tổng công ty Thép Việt Nam v.v. Trong năm qua, VPBank cũng đã bước đầu triển khai cung cấp dịch vụ ngân hàng cho các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài như Uni President, Yamaha, Honda, Kinderword, v.v.

Không chỉ tập trung phát triển cung cấp các dịch vụ ngân hàng thương mại cho các doanh nghiệp lớn, VPBank cũng bắt đầu thành công trong việc cung cấp dịch vụ thị trường vốn nợ (tu vấn phát hành trái phiếu). Tháng 9/2013, VPBank kết hợp với Công ty Chứng khoán VPBank (VPBS) tham gia vào tổ hợp tư vấn, thu xếp và là đại lý phát hành 5.000 tỷ đồng trái phiếu của Tập đoàn Công nghiệp Than Khoáng Sản Việt Nam. Đây là đợt phát hành trái phiếu có quy mô lớn nhất từ trước tới nay của một tập đoàn quốc doanh và là giao dịch thành công nhất năm 2013.

Một thành tựu nữa của VPBank trong mảng dịch vụ ngân hàng bán buôn là việc không ngừng cải tiến sản phẩm và nâng cao chất lượng dịch vụ. Nổi bật nhất trong đó là các giải pháp về Quản lý dòng tiền và Tài trợ thương mại như Thanh toán online toàn diện cho khách hàng (I2B), Quản lý vốn tập trung (Sweeping), Tài trợ đại lý của các hãng hàng không (VNA, IATA...) và triển khai dịch vụ thu tiền điện cho Tập đoàn Điện lực.

Năm 2013 cũng ghi dấu thành công của Dự án Thu ngân sách nhà nước của VPBank. Bằng cách kết nối trực tiếp với Kho bạc Nhà nước, Chi cục hải quan và Cục thuế ở các tỉnh, phần mềm VPTax cho phép khách hàng của VPBank nộp thuế bằng phương thức điện tử. Khoản tiền nộp được ghi nhận ngay từ phía cơ quan hải quan và thuế, giúp hàng hóa được thông quan nhanh và việc nộp ngân sách đảm bảo tính kịp thời. Số tiền nộp vào ngân sách qua hệ thống phần mềm VPTax không ngừng gia tăng.

Hoạt động Nguồn vốn và Đầu tư

Kết quả lợi nhuận của Ngân hàng năm 2013 có đóng góp rất lớn của mảng Nguồn vốn và Đầu tư nhờ các quyết định kịp thời trong hoạt động kinh doanh tiền tệ. Hoạt động kinh doanh giấy tờ có giá cũng đã tận dụng được một số cơ hội để tái cơ cấu danh mục đầu tư, xây dựng một danh mục có đủ điều kiện hỗ trợ thanh khoản cho Ngân hàng khi cần thiết, đồng thời ra quyết định hiện thực hóa lợi nhuận danh mục đúng thời điểm.

Đặc biệt, với tổng doanh số giao dịch tín phiếu và trái phiếu Chính phủ tăng gấp 3 lần so với năm 2012, VPBank đã đứng thứ 5 trong bảng xếp hạng đánh giá thành viên đầu thầu khối Ngân hàng thương mại do Bộ Tài chính công bố. Với kết quả này, VPBank tiếp tục được Bộ Tài chính công nhận là 1 trong số 25 thành viên đầu thầu của Bộ trong giai đoạn 2014-2015.

Về hoạt động đầu tư, bên cạnh việc đầu tư danh mục mới một cách hiệu quả, Ngân hàng cũng tích cực rà soát lại các khoản đầu tư cũ, định giá lại tài sản bảo đảm, yêu cầu khách hàng bổ sung tài sản bảo đảm hoặc thanh toán các khoản đầu tư nhằm giảm thiểu rủi ro.

Với các nỗ lực nói trên, VPBank đã vượt 121% kế hoạch lợi nhuận được giao đối với mảng Nguồn vốn và Đầu tư.

121% 

KẾ HOẠCH LỢI NHUẬN ĐƯỢC GIAO
TRONG MẢNG ĐẦU TƯ

Hệ thống Bán hàng và Kênh phân phối

Năm 2013, VPBank đã hoàn thành xuất sắc kế hoạch được giao đối với Hệ thống Bán hàng và Kênh phân phối (S&D): huy động khách hàng bình quân đạt 113%, dư nợ bình quân đạt 108%, số lượng khách hàng hoạt động đạt 115% kế hoạch.

Với trên 200 đơn vị kinh doanh S&D tại 34 tỉnh, thành trên cả nước, năm qua, Ngân hàng đã tập trung xây dựng các chiến lược bán hàng, bao gồm việc tối ưu hóa hiệu quả bán hàng tại hệ thống các điểm giao dịch, xây dựng mục tiêu và giám sát việc thực hiện mục tiêu một cách có hiệu quả, nhờ đó tăng năng suất bán hàng của các chi nhánh lên hơn 30% so với cùng kỳ năm trước.

>30% 

NĂNG SUẤT BÁN HÀNG CỦA CÁC CHI NHÁNH

Các chương trình thi đua bán hàng, thi đua chất lượng dịch vụ (Chương trình khuyến khích bán hàng, Chương trình “Best Seller”, Chương trình “Best Teller”, v.v.) được xây dựng và triển khai liên tục nhằm tăng năng suất bán hàng và vinh danh các cán bộ bán hàng, các giao dịch viên xuất sắc.

Bên cạnh đó, hệ thống S&D cũng tập trung nguồn lực xây dựng bộ tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ cho các vị trí bán, triển khai đồng loạt các chương trình đào tạo nội bộ, các buổi hội thảo về bán hàng và truyền thông văn hóa doanh nghiệp để tạo dựng văn hóa bán hàng và dịch vụ mới trên toàn hệ thống các điểm giao dịch. Nhờ đó, chất lượng dịch vụ đã được cải thiện vượt bậc so với cùng kỳ năm trước, giúp VPBank nhận danh hiệu “Ngân hàng có chất lượng dịch vụ tốt nhất năm 2013” ngày 09/11/2013 do Thời báo Kinh tế Việt Nam trao tặng. Danh hiệu “Đại lý xuất sắc nhất về kênh phân phối/sản phẩm dịch vụ” (Best Agent in Offering Multi Products/Channels) cũng đã thuộc về Trung tâm Western Union của hệ thống S&D của VPBank.

Cũng trong năm 2013, Ngân hàng đã triển khai nhiều hoạt động văn hóa và truyền thông trên toàn hệ thống S&D như “Lãnh đạo tạo đột phá”, “VPBank Open”, “VPBank Super Cup” nhằm gắn kết đội ngũ cán bộ nhân viên trong hệ thống cũng như tăng cường quan hệ hợp tác với các đơn vị khác trong Ngân hàng.

Hệ thống S&D hiện đã sẵn sàng triển khai các nhiệm vụ trọng tâm được giao trong năm 2014, bao gồm việc tiếp tục xây dựng và triển khai các chương trình thúc đẩy bán và nâng cao chất lượng dịch vụ tại các đơn vị trong hệ thống, hỗ trợ chuyển đổi thành công hệ thống bán hàng và dịch vụ theo mô hình mới và hoàn thành các chỉ tiêu kinh doanh được giao. Từ 01/04/2014, hoạt động S&D sẽ được phân tách và nhập vào hai Khối Khách hàng Cá nhân và Khách hàng Doanh nghiệp Vừa và Nhỏ.

Hoạt động Tín dụng Tiêu dùng

Dù mới được triển khai từ đầu năm 2011 với việc cung cấp các giải pháp tài chính dễ dàng và hiệu quả tới khách hàng, hoạt động tín dụng tiêu dùng (CF) của VPBank đã đạt được nhiều kết quả nổi bật sau 3 năm hoạt động và liên tục đổi mới, khẳng định vị thế hàng đầu của Ngân hàng trong lĩnh vực này.

Năm 2013 đánh dấu sự tăng trưởng đáng kể của CF với 300.000 khách hàng. Thành công của CF cũng được ghi nhận bởi những con số ấn tượng như mức tăng trưởng danh mục cho vay lên tới 5.300 tỷ đồng, duy trì mạng lưới kênh phân phối trên 2.000 điểm bán hàng, 5.500 đại lý bán hàng tại 58 tỉnh, thành phố.

Chiến lược sản phẩm tín dụng tiêu dùng đã được thay đổi một cách sâu rộng trong thời gian qua với việc đa dạng hóa thành các kênh hiệu quả hơn và cải thiện danh mục hoạt động tín dụng. Kết quả mang lại không chỉ là sự cất cánh an toàn vượt qua các trở ngại kinh tế mà còn là sự tăng trưởng chưa từng có về doanh số bán hàng với số lượng lớn hồ sơ vay vốn mỗi tháng.

Năm 2013 cũng chứng kiến những nỗ lực to lớn của VPBank trong công tác quản trị rủi ro với mảng tín dụng tiêu dùng. Một hệ thống quản lý danh mục vững mạnh đã được hình thành thông qua các quy định tín dụng thông minh, quy trình thẩm định tập trung, chiến lược thu nợ linh hoạt và quy trình kiểm tra chính sách tín dụng tự động. Việc triển khai khôn ngoan này đã góp phần đảm bảo một cách hiệu quả mục tiêu về chất lượng tín dụng trong những năm qua.

300.000

KHÁCH HÀNG HOẠT ĐỘNG CỦA MẢNG CF

Kết quả hoạt động ấn tượng của mảng tín dụng tiêu dùng còn phải kể đến đóng góp của việc xây dựng hệ thống phân tích kinh doanh (BI). Phần mềm quản lý quan hệ khách hàng (CRM) và quản lý cho vay mới hiện đã cho phép thu hút hàng ngàn khách hàng mỗi tháng. Hệ thống này được coi là một trong những thế mạnh lớn nhất của CF và sẽ hỗ trợ mạnh mẽ hoạt động kinh doanh của bộ phận này trong năm 2014.

Trong năm 2014, VPBank sẽ liên tục đa dạng hóa các kênh bán hàng, quản lý các bên thứ ba và các nhà cung cấp dịch vụ một cách hiệu quả cũng như giới thiệu nhiều sản phẩm tín dụng tiêu dùng cải tiến hơn để cung cấp những giải pháp hữu hiệu cho các khách hàng tiềm năng, đáp ứng đầy đủ nhu cầu tài chính và cải thiện cuộc sống của họ.

HOẠT ĐỘNG CÙNG CỐ NỀN TẢNG

Quản trị Nguồn Nhân lực

Năm 2013 ghi dấu mốc rất quan trọng trong công cuộc chuyển đổi của VPBank nói chung và trong hoạt động quản trị nguồn nhân lực của Ngân hàng nói riêng, thể hiện sự cam kết của Ban lãnh đạo, sự đồng lòng, gắn kết chặt chẽ của toàn thể CBNV, giúp ngân hàng đạt được nhiều mục tiêu kinh doanh trong bối cảnh khó khăn chung của nền kinh tế cũng như của ngành tài chính, ngân hàng. Cụ thể, VPBank đã nhanh chóng triển khai mô hình bạn đồng hành (HRBP) để bắt kịp tốc độ chuyển đổi của hệ thống, hỗ trợ hiệu quả cho sự tăng trưởng lớn về quy mô nhân sự.

Mô hình HRBP đã giúp bộ phận nhân sự hiểu biết rõ hơn các hoạt động kinh doanh cũng như nhu cầu năng lực cần có của các vị trí then chốt, nhờ đó nâng cao hiệu quả tuyển dụng, gìn giữ và phát triển nhân lực. Vai trò “bạn đồng hành” của các cán bộ nhân sự đã thực sự phát huy trong năm 2013, khi Ngân hàng liên tục hoàn thiện cơ cấu tổ chức theo mô hình kinh doanh mới với định hướng tập trung hóa, chuẩn hóa và chuyên môn hóa, nhằm cải thiện hiệu quả hoạt động trên toàn tổ chức.

Bên cạnh việc đảm bảo cung cấp đủ nguồn lực chất lượng, đáp ứng tốc độ tăng trưởng kinh doanh vượt trội, VPBank cũng tập trung xây dựng các hệ thống nền tảng nhân sự trong năm 2013. Các hệ thống quản trị nhân sự tiên tiến của Ngân hàng liên tục được tinh chỉnh để phù hợp, đồng bộ với các quy trình vận hành và cơ cấu tổ chức mới như xây dựng các tiêu chí qui mô chi nhánh, chuẩn hóa hệ thống chức danh, KPI, gắn kết hệ thống quản lý hiệu quả làm việc (PMS) với chính sách lương thưởng, v.v. Đặc biệt, trong kỳ đánh giá hiệu quả làm việc cuối năm 2013, VPBank đã áp dụng cơ chế “Đánh giá 360 độ” cho các cán bộ lãnh đạo và quản lý cao cấp, với sự tham gia đánh giá, phản hồi đa chiều từ chính cá nhân tự đánh giá, quản lý trực tiếp, quản lý đồng cấp và cấp báo cáo trực tiếp.

Với mục tiêu xây dựng nền tảng vững chắc cho sự phát triển vượt trội, VPBank tự hào đi đầu trong việc triển khai Hệ thống Khung năng lực cốt lõi trong toàn Ngân hàng và Bộ năng lực Chuyên môn nghiệp vụ cho các khối kinh doanh. Ngân hàng cũng đã thực hiện kiểm tra sức khỏe tổ chức để có được một bức tranh toàn cảnh về mục tiêu cũng như hiện trạng năng lực CBNV, có định hướng rõ ràng về lộ trình đào tạo trong 3 năm tới cũng như xây dựng các Bản đồ học tập cho CBNV năm 2014.

Trung tâm Đào tạo của Ngân hàng cũng đã được tái cấu trúc, chuyên môn hóa hơn để đảm nhiệm vai trò hạt nhân chuyển đổi của tổ chức. Nhằm triển khai hiệu quả quá trình chuyển đổi của Ngân hàng, chương trình “Văn hóa học tập” cũng đã được khởi xướng triển khai trong toàn hệ thống.

Nghiên cứu, Quản trị Chiến lược và Quản lý Dự án

Công tác nghiên cứu, quản trị chiến lược và quản lý dự án trong năm 2013 tiếp tục hỗ trợ tích cực cho chương trình chuyển đổi của VPBank. Bên cạnh việc triển khai một số hoạt động nghiên cứu, giới thiệu các thông lệ tốt trong quản trị ngân hàng quốc tế tới Ban lãnh đạo, công tác quản trị chiến lược cũng được khởi động để theo dõi tiến trình triển khai chiến lược toàn hàng và chiến lược của các khối kinh doanh.

Trong năm 2013, công tác quản lý dự án được tăng cường để theo dõi tiến độ và việc tuân thủ quy trình quản lý dự án của tất cả các dự án trong ngân hàng, với việc gửi báo cáo tiến độ và rủi ro dự án hàng tuần lên HĐQT và Ban Điều hành. Việc giám sát chặt chẽ tiến độ, rủi ro của các dự án đã giúp Ngân hàng kịp thời giải quyết các vướng mắc và không dẫn đến tình trạng triển khai dỏ dăng.

Các nhân sự có kinh nghiệm và nguồn lực cũng được tập trung dành cho các dự án chiến lược của Ngân hàng như Dự án Chuyển đổi Hệ thống Bán hàng và Dịch vụ, Cho vay Hộ kinh doanh, Pre-Basel II, v.v.

Năm qua, công tác quản lý dự án có thêm một bước tiến mới là đánh giá thứ tự ưu tiên của các đề xuất dự án từ các đơn vị, làm cơ sở cho việc phân bổ nguồn lực triển khai dự án và giải quyết các xung đột về nguồn lực giữa các dự án.

Bên cạnh hai mảng hoạt động chính là nghiên cứu, quản trị chiến lược và quản lý dự án, công tác phân tích kinh doanh cũng đã kịp thời hỗ trợ cho Khối Khách hàng Cá nhân với các báo cáo phân khúc khách hàng, sản phẩm, các chương trình marketing, v.v.

Đặc biệt, trên cơ sở đánh giá tầm quan trọng của E-banking đối với một ngân hàng bán lẻ hiện đại, VPBank đã đặt dự án E-banking trực thuộc bộ phận chiến lược để hỗ trợ và đẩy mạnh dự án này. Tính đến cuối năm 2013, dự án E-banking đã gặt hái được nhiều thành công đáng kể, đánh dấu bước phát triển vượt bậc của mảng ngân hàng điện tử tại VPBank. Cụ thể, VPBank đã ra mắt ứng dụng Mobile Banking trên cả 3 hệ điều hành Android, iOS và Windows Phone trên cả điện thoại thông minh và máy tính bảng. Hệ thống Internet Banking cũng được thay đổi giao diện và nâng cấp liên tục nhằm đáp ứng nhu cầu đa dạng và nâng cao trải nghiệm của khách hàng. Với sự hỗ trợ của các chương trình marketing và thúc đẩy bán được triển khai liên tục, số lượng người đăng ký sử dụng Internet Banking trong năm 2013 tăng trên 100% và lượng giao dịch trên các kênh điện tử tăng 300% so với năm 2012.

Truyền thông và Tiếp thị

Năm 2013, trọng tâm trong công tác truyền thông và tiếp thị của VPBank chính là tiếp tục thực hiện các bước đi vững chắc để xây dựng hình ảnh Ngân hàng chuyên nghiệp, năng động và hiện đại, cụ thể:

- Chuẩn hóa thương hiệu thông qua việc làm mới và ban hành Bộ nhận diện thương hiệu, Hướng dẫn xây dựng chi nhánh;
- Triển khai chiến dịch Cây Thịnh Vượng trong tháng 12 tại trung tâm thương mại Vincom Bà Triệu (Hà Nội), mang đến trải nghiệm toàn diện cho khách hàng về VPBank, bao gồm thương hiệu, sản phẩm và dịch vụ;
- Xuất hiện với hình thức sáng tạo trên các kênh truyền thông mới và mạng xã hội như YouTube, Facebook. Chỉ sau 1 tháng, số lượng “like” trên trang Facebook của VPBank đã tăng từ 2.000 lên 27.000 với lượng tương tác (talk about this) lên tới hơn 100.000 vào đợt cao điểm;
- Đạt các giải thưởng uy tín trong nước và quốc tế như Thương hiệu tiêu biểu 2013 - Typical brand 2013, Ngân hàng bán lẻ sáng tạo nhất Việt Nam 2013 - Most Innovative Retail Bank 2013.

Phê duyệt Tín dụng và Quản lý Tài sản đảm bảo

Trong năm 2013, VPBank đã thay đổi chức năng và cơ cấu tổ chức của mảng phê duyệt tín dụng và quản lý tài sản đảm bảo (TSDB) nhằm đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ mới khi Ngân hàng tiếp tục thực hiện Chương trình chuyển đổi toàn diện.

Nhiệm vụ chủ yếu của hoạt động này là vận hành hệ thống phê duyệt tín dụng đối với khách hàng quy mô vừa và lớn, đồng thời chịu trách nhiệm về các vấn đề liên quan đến quản lý TSDB trên toàn hệ thống.

Bên cạnh việc nâng cao chất lượng tái thẩm định và phê duyệt các hồ sơ đề nghị cấp tín dụng, VPBank cũng đã triển khai một số sáng kiến và giải pháp nhằm rút ngắn thời gian tái thẩm định như ban hành các danh mục kiểm hồ sơ chi tiết cho các đối tượng khách hàng, rà soát và ban hành thỏa thuận dịch vụ chuẩn (SLA) theo hướng rút ngắn thời gian cam kết thực hiện nghiệp vụ, đưa vào sử dụng thử nghiệm phần mềm quản lý quy trình tái thẩm định và phê duyệt tín dụng, v.v. Trong năm 2013, Ngân hàng đã chỉnh sửa các chính sách quản lý TSDB liên quan đến nhận, định giá, quản lý TSDB tại VPBank, nhất là TSDB là hàng hóa, hàng tồn kho luân chuyển. Ngân hàng cũng đã đánh giá lại năng lực của các cán bộ thẩm định tín dụng (CO) tại Trung tâm Xử lý Tín dụng (CPC), trên cơ sở đó

lập chương trình đào tạo và tổ chức đào tạo lại cho các CO, tiến hành thi cấp chứng chỉ cho các CO, đảm bảo chất lượng công tác xét duyệt tín dụng tập trung tại CPC.

Hoạt động Pháp chế và Kiểm soát Tuân thủ

Năm 2013, VPBank đã thay đổi căn bản hoạt động của bộ phận Pháp chế và Kiểm soát tuân thủ với việc chuyển chức năng xử lý nợ sang Công ty Quản lý Tài sản VPBank (AMC).

Về tư vấn pháp lý, mảng Pháp chế và Kiểm soát Tuân thủ đã hỗ trợ các đơn vị thực hiện tổng cộng gần 2.000 đầu việc liên quan đến tư vấn và hơn 1.300 đầu việc liên quan đến rà soát hợp đồng.

Về xây dựng và thẩm định văn bản, mảng Pháp chế và Kiểm soát Tuân thủ đã hỗ trợ các đơn vị rà soát, thẩm định tính pháp lý của các văn bản định chế trước ban hành với hơn 1.000 đầu việc, tư vấn pháp lý cho các đơn vị trong quá trình xây dựng tất cả các sản phẩm, dịch vụ của ngân hàng và thực hiện xây dựng hầu hết các mẫu biểu hợp đồng sử dụng trong các nghiệp vụ kinh doanh chính của Ngân hàng.

Công tác kiểm soát tuân thủ tuy mới được triển khai nhưng đã đạt được những kết quả đáng kể như phổ biến văn bản mới, triển khai công tác phòng chống rửa tiền, xử lý các vụ việc liên quan đến vi phạm/giả mạo, kiểm soát và báo cáo Ban Điều hành hoạt động xử lý tín dụng tập trung.

Hoạt động Công nghệ Thông tin

Luôn coi công nghệ thông tin (CNTT) là một trong những mũi nhọn trong việc phát triển năng lực của ngân hàng, VPBank đã thông qua Chiến lược về CNTT trong giai đoạn 2013-2017, gắn kết định hướng của công nghệ với các mục tiêu chiến lược để đưa VPBank trở thành một trong những ngân hàng bán lẻ hàng đầu tại Việt Nam, cụ thể:

- Tạo điều kiện chuyển đổi VPBank trở thành một tổ chức lấy khách hàng làm trọng tâm: mang lại cho khách hàng những trải nghiệm hoàn toàn mới, thể hiện qua sự tiện dụng, tính sẵn sàng mọi lúc mọi nơi với sự am hiểu sâu sắc yêu cầu của khách hàng và chủ động đáp ứng các yêu cầu đó bằng các dịch vụ tin cậy và an toàn;
- Cung cấp một nền tảng vững chắc và linh hoạt cho hoạt động chuyển đổi kinh doanh: xây dựng và liên tục bổ sung tập hợp các dịch vụ CNTT, nhằm sớm phát hiện ra những thay đổi trong môi trường kinh doanh và nhanh chóng tận dụng các cơ hội kinh doanh mới, giảm thiểu đáng kể thời gian đưa sản phẩm ra thị trường thông qua một kiến trúc doanh nghiệp ổn định và khả năng tích hợp ứng dụng, kết hợp với năng lực cung cấp dịch vụ;
- Tiên phong trong việc cộng tác, cả trong nội bộ và với các

đối tác bên ngoài: xây dựng một nền tảng cộng tác cho các hoạt động đổi mới và chia sẻ giữa các đơn vị kinh doanh khác nhau, giữa VPBank với các đối tác kinh doanh và khách hàng, cải thiện rõ rệt trong các mối quan hệ kinh doanh, cải tiến về tầm nhìn sâu sắc và hiệu quả cả về lượng lẫn về chất.

Trong năm 2013, VPBank tập trung vào 3 trong 10 nhóm sáng kiến chủ yếu của chiến lược này nhằm chuẩn bị một nền tảng vững chắc cho việc phát triển lâu dài, bao gồm:

- ♦ Tăng cường năng lực và khả năng hiểu biết nghiệp vụ trong các hoạt động cung cấp dịch vụ CNTT: kết nối các mục tiêu kinh doanh giữa các đơn vị nghiệp vụ và Khối CNTT, biến các mục tiêu này thành những mục tiêu chung cho các cán bộ CNTT, đồng thời bước đầu chuyển đổi tổ chức CNTT thành một tổ chức có định hướng cung cấp dịch vụ;
- ♦ Định nghĩa kiến trúc doanh nghiệp và xác định thẩm quyền thiết kế: Kiến trúc doanh nghiệp cho phép Ngân hàng tăng trưởng liên tục trên tất cả các khía cạnh mà không phá vỡ thiết kế chung, đồng thời đảm bảo linh hoạt để đáp ứng với những thay đổi về mô hình kinh doanh;
- ♦ Xây dựng một cơ sở hạ tầng CNTT mạnh để hỗ trợ các ứng dụng nghiệp vụ: tận dụng sáng kiến công nghệ mới nhất để xây dựng một cơ sở hạ tầng CNTT hiệu suất cao, đáng tin cậy và an toàn.

Đến cuối năm 2013, Ngân hàng đã đạt được những thành tựu đáng kể trong cả ba nhóm sáng kiến trên:

- ♦ Chuyển đổi tổ chức và các quy trình của Khối CNTT từ một đơn vị mang tính chất hỗ trợ thành đối tác của các khối nghiệp vụ thông qua định hướng tổ chức cung cấp dịch vụ. Tổ chức Khối CNTT được thiết kế để đảm bảo nắm bắt rõ yêu cầu nghiệp vụ, nâng cao chất lượng dịch vụ thông qua toàn bộ vòng đời sản phẩm;
- ♦ Bước đầu chuyển đổi quy trình phát triển giải pháp, xây dựng kiến trúc doanh nghiệp với kiến trúc hướng dịch vụ (SOA);
- ♦ Xây dựng ứng dụng Ngân hàng điện tử cho giai đoạn quá độ, với số lượng giao dịch và người sử dụng tăng 20-30% mỗi tháng;
- ♦ Cải thiện một loạt các thành phần của mạng và hệ thống CNTT nhằm tối ưu hóa việc sử dụng tài nguyên, nâng cao khả năng xử lý, bao gồm trang bị mới hệ thống cân bằng tải mạng, thiết bị lưu trữ, nâng cấp máy chủ cho các hệ thống cốt lõi của ngân hàng;
- ♦ Di dời và kiện toàn hạ tầng cơ sở của trung tâm dữ liệu dự phòng nhằm đáp ứng những tiêu chuẩn và yêu cầu của ngành và của NHNN Việt Nam;
- ♦ Nâng cao chất lượng dịch vụ CNTT tiêu chuẩn cung cấp cho người dùng cuối, giảm thiểu những yêu cầu không được đáp ứng;
- ♦ Đưa VPBank trở thành ngân hàng đầu tiên được công nhận đạt chuẩn PCI-DSS về an toàn và bảo mật dữ liệu cho các tổ chức thanh toán và thẻ, tạo điều kiện đưa những dịch vụ ngân hàng mới ra thị trường.

HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC CÔNG TY TRỰC THUỘC

CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ TÀI SẢN NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THỊNH VƯỢNG (VPBANK AMC)

Được thành lập vào năm 2006, VPBank AMC đã dần dần khẳng định được vị thế là một đơn vị thành viên hoạt động hiệu quả trong lĩnh vực quản lý nợ và khai thác tài sản của VPBank, đồng thời cung cấp các dịch vụ gia tăng cho Ngân hàng.

Trong năm 2013, Công ty đã mạnh dạn thay đổi cả về mô hình quản lý và tổ chức để phù hợp với chiến lược kinh doanh của VPBank. Cơ chế phân quyền quản lý, báo cáo, chỉ đạo điều hành đã được xây dựng và áp dụng hợp lý theo các thông lệ tiên tiến nhất trên thị trường.

Mô hình hoạt động của Công ty được thu gọn và chuyên môn hóa cao theo từng mảng hoạt động nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh, cụ thể:

- ♦ **Mua bán nợ:** mua bán nợ tồn đọng của tổ chức tín dụng khác, của các công ty quản lý nợ và khai thác tài sản ngân hàng thương mại khác theo quy định của pháp luật;

- ♦ **Xử lý nợ:** tiếp nhận và xử lý các khoản nợ quá hạn, xử lý các tài sản bảo đảm liên quan đến các khoản nợ quá hạn mà VPBank đã ủy thác cho VPBank AMC xử lý nhằm thu hồi vốn nhanh nhất cho Ngân hàng;

- ♦ **Quản lý và khai thác tài sản:** quản lý và khai thác hiệu quả kinh tế của các tài sản thuộc sở hữu của VPBank;

- ♦ **Định giá tài sản:** định giá các tài sản bảo đảm trong hệ thống VPBank.

Trong năm 2013, VPBank AMC đã thu hồi và xử lý được 2.029 tỷ đồng nợ xấu, đồng thời đảm nhận toàn bộ mảng thiết kế, quản lý và giám sát thi công các công trình sửa chữa, cải tạo trụ sở làm việc của các chi nhánh trên toàn hệ thống VPBank.

Doanh thu thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2013 của Công ty là 319,4 tỷ đồng, tổng tài sản đạt 5.542 tỷ đồng, đội ngũ cán bộ nhân viên là 107 người.

CÔNG TY CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG VIỆT NAM THỊNH VƯỢNG (VPBS)

Là một trong những công ty chứng khoán (CTCK) có vốn chủ sở hữu lớn nhất thị trường sau khi tăng vốn lên 800 tỷ đồng trong năm 2012, VPBS hoạt động trong các lĩnh vực chủ chốt bao gồm: môi giới chứng khoán, giao dịch chứng khoán, kinh doanh các sản phẩm tài chính, tư vấn tài chính doanh nghiệp và phân tích.

Với sự hỗ trợ của Ngân hàng mẹ VPBank, VPBS đạt mục tiêu trở thành một trong các CTCK hàng đầu Việt Nam vào năm 2015, cung cấp các sản phẩm, dịch vụ, tiện ích vượt trội và khác biệt. Với đội ngũ nhân sự 243 người, Công ty hiện có văn phòng tại Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh và Đà Nẵng với mạng lưới giao dịch và cơ sở khách hàng ngày càng được mở rộng. Về hoạt động môi giới và giao dịch chứng khoán, VPBS luôn nằm trong danh sách 10 CTCK có thị phần môi giới trái phiếu lớn nhất trên cả hai Sở giao dịch Chứng khoán (HNX và Hsx) trong năm 2013.

Về hoạt động tư vấn tài chính doanh nghiệp, VPBS đã tư vấn thành công cho nhiều thương vụ phát hành trái phiếu, đặc biệt là các giao dịch lớn và phức tạp trong năm 2013. Cụ thể, VPBS đã tư vấn thu xếp phát hành thành công hơn 13.000 tỷ đồng trái phiếu doanh nghiệp theo phương thức phát hành riêng lẻ.

Hoạt động kinh doanh các sản phẩm tài chính của VPBS cũng ngày càng được mở rộng với nhiều sản phẩm đa dạng và chính sách linh hoạt, cạnh tranh cùng quy trình quản trị rủi ro tự động và chặt chẽ.

Với những kết quả đó, VPBS đã được Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) vinh danh là một trong 6 CTCK thành viên tiêu biểu nhất năm 2013 dựa trên bộ tiêu chí đánh giá toàn diện và khách quan bao gồm: mức độ an toàn tài chính, thị phần môi giới, mức độ hợp tác, phối hợp với HNX và nghĩa vụ tuân thủ công bố thông tin.

Ngày 12/09/2013 tại Singapore, VPBS đã vinh dự nhận giải thưởng "Nhà tư vấn phát hành trái phiếu tốt nhất" (Best Bond House) năm 2013 do tạp chí FinanceAsia trao tặng. Đây là một trong những giải thưởng được FinanceAsia tổ chức thường niên nhằm tôn vinh các tổ chức tư vấn phát hành trái phiếu có số lượng thương vụ và giá trị phát hành lớn trên thị trường. Việc xét duyệt, bình chọn được thực hiện một cách toàn diện dựa trên những tiêu chí như cấu trúc, giá trị và tầm ảnh hưởng của thương vụ đối với thị trường trái phiếu trong nước cũng như nền tảng kinh nghiệm của tổ chức tư vấn. Những thành công của VPBS trong hoạt động tư vấn phát hành và giao dịch trái phiếu đã góp phần tích cực tạo thanh khoản cho thị trường trái phiếu Việt Nam.

Năm 2013, lợi nhuận sau thuế của VPBS đạt 128,6 tỷ đồng, tăng 111% so với năm 2012. Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu và hệ số biên lợi nhuận ròng đạt tương ứng 16,1% và 24,4%. Tại thời điểm 31/12/2013, tổng tài sản của VPBS vượt mức 2.855 tỷ đồng, tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty đạt 237,94%, vượt mức yêu cầu tối thiểu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI DOANH NGHIỆP

Song hành với việc phát triển kinh doanh và nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ, VPBank luôn chú trọng thực hiện cam kết về trách nhiệm xã hội doanh nghiệp (CSR), theo đuổi các giá trị phát triển bền vững.

Bằng các hành động thiết thực trong nhiều lĩnh vực như an sinh xã hội, bảo vệ tài nguyên môi trường và nâng cao chất lượng đời sống của chính CBNV và các thành viên gia đình trong hệ thống, VPBank mong muốn góp phần xây dựng cộng đồng ngày càng tốt đẹp hơn vì một xã hội công bằng, văn minh, thịnh vượng.

Tiếp nối các hoạt động CSR được duy trì từ nhiều năm trước, trong năm 2013, VPBank tiếp tục triển khai các hoạt động như chăm lo cho thương binh, gia đình chính sách, gia đình có công với Cách mạng và thường xuyên đồng hành cùng các chương trình thiện nguyện lớn hỗ trợ người nghèo và các hoàn cảnh khó khăn trên cả nước, đặc biệt là khu vực Tây Bắc, Tây Nguyên và Tây Nam Bộ.

VPBank đã tham gia tài trợ chi phí phẫu thuật tim và xây dựng nhà cho người nghèo tại tỉnh Vĩnh Long, tài trợ chi phí xây dựng nhà tình nghĩa cho các cựu thanh niên xung phong tỉnh Thanh Hóa, tài trợ trang thiết bị y tế cho bệnh viện tỉnh và trao học bổng cho học sinh nghèo vượt khó tại tỉnh Phú Thọ ...

Ngân hàng cũng tích cực tham gia và chủ động tổ chức các phong trào thiện nguyện như quyên góp ủng hộ đồng bào miền

Trung chịu tác động của bão lụt, ủng hộ các Quỹ vì người nghèo địa phương, Hội bảo trợ người tàn tật và trẻ mồ côi, hưởng ứng các sự kiện vì trẻ em có hoàn cảnh khó khăn, tật nguyền...

Luôn quan tâm đến sự nghiệp khuyến học, khuyến tài, coi trọng sự nghiệp trồng người và uơm mầm trí tuệ, VPBank đã tổ chức nhiều đợt trao học bổng cho học sinh nghèo vượt khó tại 2 vùng Tây Bắc, Tây Nguyên, tài trợ kinh phí mua trang thiết bị học đường cho học sinh tại tỉnh Hòa Bình.

Nhận thức rõ ý nghĩa của môi trường sống, VPBank cũng luôn tích cực hưởng ứng các hoạt động bảo vệ môi trường, phát động các hoạt động nội bộ thiết thực nhằm giảm thiểu ô nhiễm như vận động đi làm bằng xe đạp, trồng cây xanh, tiết kiệm điện, tiết kiệm giấy và giảm thiểu in ấn...

Ngoài các hoạt động thiện nguyện vì cộng đồng và xã hội, VPBank luôn hướng tới các phong trào, chương trình xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, thể hiện trách nhiệm công dân và tinh thần yêu nước truyền thống của dân tộc Việt Nam. Năm 2013, Ngân hàng đã đóng góp tích cực vào chương trình "Ngân hàng Việt Nam với Trường Sa thân yêu" do Công đoàn ngành Ngân hàng phát động, góp phần vào công cuộc khẳng định, bảo vệ chủ quyền biển đảo Việt Nam.

Đặc biệt, Ngân hàng đã chú trọng việc chăm lo đầy đủ chế độ phúc lợi, tổ chức các hoạt động khuyến khích thi đua, sáng tạo và đảm bảo môi trường làm việc lành mạnh, hứng khởi cho CBNV.



VPBank tích cực tham gia các hoạt động bảo vệ môi trường.



BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN NĂM 2013

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THÔNG TIN VỀ NGÂN HÀNG

Giấy phép Hoạt động Ngân hàng số	0042/NH - GP	ngày 12 tháng 8 năm 1993
	Giấy phép hoạt động Ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp và có thời hạn 99 năm kể từ ngày cấp.	
Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số	0100233583	ngày 8 tháng 9 năm 1993
	Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh lần đầu và các Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh sửa đổi do Sở Kế hoạch Đầu tư Hà Nội cấp, trong đó bản mới nhất được cấp ngày 16 tháng 12 năm 2013.	
Hội đồng Quản trị	Ông Ngô Chí Dũng	Chủ tịch
	Ông Bùi Hải Quân	Phó Chủ tịch
	Ông Lô Bằng Giang	Phó Chủ tịch
	Ông Phùng Khắc Kế	Thành viên độc lập
	Ông Lương Phan Sơn	Thành viên (bổ nhiệm ngày 24/4/2012, miễn nhiệm ngày 22/10/2012 và tái bổ nhiệm ngày 26/4/2013)
	Ông Nguyễn Đức Vinh	Thành viên (bổ nhiệm ngày 26/4/2013)
Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc	Ông Nguyễn Đức Vinh	Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Thanh Bình	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Phan Ngọc Hòa	Phó Tổng Giám đốc
	Bà Dương Thị Thủy	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 14/6/2013)
	Bà Dương Thị Thu Thủy	Phó Tổng Giám đốc
	Bà Nguyễn Thị Bích Thủy	Phó Tổng Giám đốc
	Bà Lưu Thị Thảo	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Vũ Minh Trường	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Marek Hovorka	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 14/6/2013)
	Ông Kalidas Ghose	Phó Tổng Giám đốc
	Bà Lưu Thị Ánh Xuân	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Peterjan Van Nieuwenhuizen	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 1/11/2013)
Người đại diện theo pháp luật	Ông Ngô Chí Dũng	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Trụ sở đăng ký	Tầng 1 - 7, tòa nhà Thủ Đô	
	Số 72 Trần Hưng Đạo, Phường Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm	
	Thành phố Hà Nội, Việt Nam	
Công ty kiểm toán	Công ty TNHH KPMG Việt Nam	

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vương (“Ngân hàng”) chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con (gọi chung là “VPBank”) theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức Tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Điều hành Ngân hàng:

(a) Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 48 đến trang 105 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của VPBank tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của VPBank cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức Tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và

(b) Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, không có lý do gì để Ban Điều hành Ngân hàng cho rằng VPBank sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo, Ban Điều hành Ngân hàng đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất này.

Thay mặt Ban Điều hành



Ông Nguyễn Đức Vinh

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 5 tháng 3 năm 2014

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN VIỆT NAM THỊNH VƯỢNG

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng (“Ngân hàng”) và các công ty con (gọi chung là “VPBank”), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo (“báo cáo tài chính hợp nhất”) được Ban Điều hành Ngân hàng phê duyệt phát hành ngày 5 tháng 3 năm 2014, được trình bày từ trang 48 đến trang 105.

Trách nhiệm của Ban Điều hành đối với báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Điều hành Ngân hàng chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức Tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm đối với hệ thống kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Đơn vị Kiểm toán

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ các chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên các xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của đơn vị liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của đơn vị. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của VPBank tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức Tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Giấy Chứng nhận Đầu tư số: 011043000345

Báo cáo kiểm toán số: 13-02-159/4



A handwritten signature in black ink, likely belonging to Nguyễn Minh Hiếu.

Trần Đình Vinh

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
Kiểm toán số 0339-2013-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Minh Hiếu

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
Kiểm toán số 1572-2013-007-1

Hà Nội, ngày 5 tháng 3 năm 2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu B02/TCTD-HN

(Ban hành theo Quyết định 16/2007/QĐ-NHNN ngày 18 tháng 4 năm 2007 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

		Thuyết minh	31/12/2013 Triệu VND	31/12/2012 Triệu VND (Điều chỉnh lại)
A	TÀI SẢN			
I	Tiền mặt và vàng	4	1.549.351	799.402
II	Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	5	1.523.596	1.372.667
III	Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác	6	12.055.421	26.760.927
1	Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác		3.319.183	17.317.365
2	Cho vay các tổ chức tín dụng khác		8.796.925	9.498.221
3	Dự phòng cho vay các tổ chức tín dụng khác		(60.687)	(54.659)
IV	Chứng khoán kinh doanh	7	8.508.797	1.345.840
1	Chứng khoán kinh doanh		8.510.340	1.366.615
2	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(1.543)	(20.775)
V	Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	8	-	57.471
VI	Cho vay khách hàng		51.869.416	36.523.123
1	Cho vay khách hàng	9	52.474.123	36.903.305
2	Dự phòng rủi ro các khoản cho vay khách hàng	10	(604.707)	(380.182)
VII	Chứng khoán đầu tư	11	29.167.489	22.254.016
1	Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán		28.530.794	22.263.016
2	Chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn		636.695	-
3	Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư		-	(9.000)
VIII	Góp vốn, đầu tư dài hạn	12	71.831	67.338
4	Đầu tư dài hạn khác		72.304	67.811
5	Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn		(473)	(473)
IX	Tài sản cố định		447.406	458.197
1	Tài sản cố định hữu hình	13	242.984	251.800
a	Nguyên giá		480.816	529.352
b	Giá trị hao mòn lũy kế		(237.832)	(277.552)
2	Tài sản cố định vô hình	14	175.531	176.840
a	Nguyên giá		270.784	249.222

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính hợp nhất này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

	Thuyết minh	31/12/2013 Triệu VND	31/12/2012 Triệu VND (Điều chỉnh lại)	
<i>b</i>	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	(95.253)	(72.382)	
3	Bất động sản đầu tư	28.891	29.557	
<i>a</i>	<i>Nguyên giá</i>	29.965	29.916	
<i>b</i>	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	(1.074)	(359)	
XI	Tài sản có khác	16.071.063	13.034.109	
1	Các khoản phải thu	11.615.721	10.227.540	
2	Các khoản lãi, phí phải thu	2.954.722	2.454.983	
3	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	-	5.634	
4	Tài sản có khác	2.107.180	438.350	
5	Dự phòng rủi ro cho các tài sản có khác	(606.560)	(92.398)	
	TỔNG TÀI SẢN	121.264.370	102.673.090	
B	NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU			
	NỢ PHẢI TRẢ			
I	Các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	17	1.885.457	1.371.572
II	Tiền gửi và tiền vay từ các tổ chức tín dụng khác	18	13.134.052	25.655.717
1	Tiền gửi của các tổ chức tín dụng khác		8.081.635	15.542.886
2	Tiền vay từ các tổ chức tín dụng khác		5.052.417	10.112.831
III	Tiền gửi của khách hàng	19	83.843.780	59.514.141
IV	Các công cụ tài chính phái sinh và nợ tài chính khác	8	50.851	-
V	Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay tổ chức tín dụng chịu rủi ro		63.737	64.540
VI	Phát hành giấy tờ có giá	20	7.600.755	4.766.100
VII	Các khoản nợ khác		6.959.041	4.591.916
1	Các khoản lãi, phí phải trả	21(a)	2.006.498	1.186.701
3	Các khoản phải trả và nợ khác	21(b)	4.908.974	3.390.977
4	Dự phòng cho các cam kết ngoại bảng	21(c)	43.569	14.238
	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ		113.537.673	95.963.986

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính hợp nhất này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

	Thuyết minh	31/12/2013 Triệu VND	31/12/2012 Triệu VND (Điều chỉnh lại)	
VỐN CHỦ SỞ HỮU				
VIII	Vốn và các quỹ	22	7.726.697	6.709.104
1	Vốn	5.771.369	5.771.369	
a	Vốn cổ phần	5.770.000	5.770.000	
c	Thặng dư vốn cổ phần	1.369	1.369	
2	Các quỹ	328.295	233.031	
5	Lợi nhuận chưa phân phối	1.627.033	704.704	
TỔNG VỐN CHỦ SỞ HỮU		7.726.697	6.709.104	
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		121.264.370	102.673.090	

		31/12/2013 Triệu VND	31/12/2012 Triệu VND
CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN			
I	NGHĨA VỤ NỢ TIỀM ẨN		
2	Thu tín dụng	1.339.815	799.286
3	Bảo lãnh khác	4.304.333	2.036.303
II	CAM KẾT KHÁC		
1	Cam kết cho vay chưa giải ngân có điều kiện	23.363.837	9.990.054

Người lập:

Nguyễn Thị Thu Hằng
Kế toán trưởng

Người duyệt:

Lưu Thị Thảo
Phó Tổng Giám đốc
kiểm Giám đốc Tài chính



Nguyễn Đức Vinh
Tổng Giám đốc

Ngày 5 tháng 3 năm 2014

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính hợp nhất này

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu B03/TCTD-HN

(Ban hành theo Quyết định 16/2007/QĐ-NHNN ngày 18 tháng 4 năm 2007 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

		Thuyết minh	2013 Triệu VND	2012 Triệu VND (Điều chỉnh lại)
1	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	23	11.125.177	10.340.939
2	Chi phí lãi và các chi phí tương tự	23	(7.042.590)	(7.277.906)
I	Thu nhập lãi thuần	23	4.082.587	3.063.033
3	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	24	880.209	671.852
4	Chi phí hoạt động dịch vụ	24	(276.385)	(401.035)
II	Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	24	603.824	270.817
III	Lỗ thuần từ kinh doanh ngoại hối và vàng		(20.813)	(117.164)
IV	Lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	25	117.999	73.913
V	Lãi/(lỗ) thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	26	185.902	(176.112)
5	Thu nhập từ hoạt động khác	27	124.771	129.438
6	Chi phí hoạt động khác	27	(17.227)	(23.953)
VI	Lãi thuần từ hoạt động khác	27	107.544	105.485
VII	Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần		11.628	17.092
VIII	Chi phí hoạt động	28	(2.837.862)	(1.874.989)
IX	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng		2.250.809	1.362.075
X	Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	29	(895.963)	(413.052)
XI	Tổng lợi nhuận trước thuế		1.354.846	949.023
7	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	30	(331.592)	(239.137)
8	(Chi phí)/Lợi ích thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	30	(5.634)	5.595
XII	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	30	(337.226)	(233.542)
XIII	Lợi nhuận sau thuế		1.017.620	715.481
XV	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	31	1.764	1.240

Người lập:

Nguyễn Thị Thu Hằng
Kế toán trưởng

Người duyệt:

Lưu Thị Thảo
Phó Tổng Giám đốc
kiêm Giám đốc Tài chính



Nguyễn Đức Vinh
Tổng Giám đốc

Ngày 5 tháng 3 năm 2014

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính hợp nhất này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu B04/TCTD-HN

(Ban hành theo Quyết định 16/2007/QĐ-NHNN ngày 18 tháng 4 năm 2007 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

	2013 Triệu VND	2012 Triệu VND (Điều chỉnh lại)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		
01 Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận được	10.754.497	9.725.669
02 Chi phí lãi và các chi phí tương tự đã trả	(6.277.347)	(7.312.366)
03 Thu nhập từ hoạt động dịch vụ nhận được	603.760	270.084
04 Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối và vàng	(95.254)	(117.164)
05 Lãi/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh chứng khoán kinh doanh và chứng khoán đầu tư	275.669	(89.849)
06 Thu nhập khác nhận được	103.463	97.298
07 Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý, công vụ	(2.573.758)	(1.793.885)
08 Tiền thuế thu nhập thực nộp trong kỳ	(188.744)	(256.026)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi về tài sản và nợ hoạt động	2.602.286	523.761
Những thay đổi về tài sản hoạt động		
09 Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác	797.025	(2.634.633)
10 Chứng khoán đầu tư và chứng khoán kinh doanh	(12.929.880)	(2.685.785)
11 Các công cụ tài chính phái sinh và các công cụ tài chính khác	57.471	(57.471)
12 Cho vay khách hàng	(16.207.513)	(7.719.662)
13 Sử dụng dự phòng để bù đắp tổn thất các khoản tín dụng, chứng khoán, đầu tư dài hạn	(251.824)	(281.106)
14 Tài sản hoạt động khác	(3.179.093)	(4.366.854)
Những thay đổi về nợ hoạt động		
15 Các khoản nợ Chính phủ và NHNN Việt Nam	513.885	454.445
16 Tiền gửi và vay từ các tổ chức tín dụng khác	(12.521.665)	68.126
17 Tiền gửi của khách hàng	24.329.639	30.102.006
18 Phát hành giấy tờ có giá	334.655	(10.276.015)
19 Các khoản vốn tài trợ, ủy thác, đầu tư cho vay tổ chức tín dụng chịu rủi ro	(803)	(35.642)
20 Các công cụ tài chính phái sinh và nợ tài chính khác	50.851	(2.541)
21 Các khoản nợ hoạt động khác	1.472.623	(1.145.637)
22 Chi từ các quỹ	(27)	(6)
I LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	(14.932.370)	1.942.986

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính hợp nhất này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

	2013 Triệu VND	2012 Triệu VND (Điều chỉnh lại)	
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
01	Mua sắm tài sản cố định	(113.444)	(167.468)
02	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	18.728	417
07	Tiền (chi)/thu đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	(4.493)	55.474
09	Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư, góp vốn dài hạn	11.628	17.092
II	LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ	(87.581)	(94.485)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
01	Tiền thu từ phát hành giấy tờ có giá dài hạn có đủ điều kiện tính vào vốn tự có và các khoản vốn vay dài hạn khác	2.500.000	-
	LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH	2.500.000	-
IV	LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM	(12.519.951)	1.848.501
V	TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN TẠI THỜI ĐIỂM ĐẦU NĂM	17.987.985	16.139.484
VI	TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN TẠI THỜI ĐIỂM CUỐI NĂM (Thuyết minh 32)	5.468.034	17.987.985

CÁC GIAO DỊCH PHI TIỀN TỆ TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ VÀ TÀI CHÍNH

	2013 Triệu VND	2012 Triệu VND
Cổ phiếu thưởng	-	40.000
Trả cổ tức bằng cổ phiếu	-	680.000

Người lập:

Nguyễn Thị Thu Hằng
Kế toán trưởng

Người duyệt:

Lưu Thị Thảo
Phó Tổng Giám đốc
kiêm Giám đốc Tài chính



Nguyễn Đức Vinh
Tổng Giám đốc

Ngày 5 tháng 3 năm 2014

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính hợp nhất này

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu B05/TCTD-HN

(Ban hành theo Quyết định 16/2007/QĐ-NHNN ngày 18 tháng 4 năm 2007 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng (sau đây gọi tắt là “Ngân hàng”) là một ngân hàng thương mại cổ phần được thành lập và đăng ký tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Ngân hàng được thành lập theo Giấy phép hoạt động Ngân hàng số 0042/NH-GP do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (“NHNNVN”) cấp ngày 12 tháng 8 năm 1993 và Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0100233583 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp ngày 8 tháng 9 năm 1993. Thời gian hoạt động theo giấy phép là 99 năm và Ngân hàng chính thức đi vào hoạt động ngày 12 tháng 8 năm 1993.

Ngân hàng được thành lập nhằm thực hiện các giao dịch ngân hàng bao gồm huy động và nhận tiền gửi ngắn hạn, trung hạn, và dài hạn từ các tổ chức và cá nhân; cho vay ngắn hạn, trung hạn và dài hạn đối với các tổ chức và cá nhân trên cơ sở tính chất và khả năng nguồn vốn của Ngân hàng; thực hiện các giao dịch ngoại tệ, các dịch vụ tài trợ thương mại quốc tế, chiết khấu thương phiếu và các giấy tờ có giá khác, và các dịch vụ ngân hàng khác được NHNNVN cho phép.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, vốn cổ phần của Ngân hàng là 5.770 tỷ Đồng Việt Nam (31/12/2012: 5.770 tỷ Đồng). Mệnh giá của một cổ phần là 10.000 Đồng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Ngân hàng có một (1) Hội sở chính, một (1) Sở Giao dịch, ba mươi chín (39) chi nhánh, một trăm năm mươi sáu (156) phòng giao dịch, và mười (10) quỹ tiết kiệm trên cả nước.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Ngân hàng có hai (2) công ty con như sau:

Các công ty con	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh	Hoạt động chính	% sở hữu của Ngân hàng
Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VPBS)	0104000621 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp ngày 28 tháng 11 năm 2006	Các hoạt động chứng khoán	100%
Công ty TNHH Quản lý tài sản Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank AMC)	0105837483 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp ngày 15 tháng 4 năm 2013	Quản lý nợ và khai thác tài sản	100%

Ngân hàng và các công ty con sau đây được gọi chung là VPBank. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, VPBank có 6.795 nhân viên (31/12/2012: 4.326 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức tín dụng do NHNNVN ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Các chuẩn mực và nguyên tắc kế toán này có thể khác biệt trên một số khía cạnh trọng yếu so với các Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế cũng như các nguyên tắc và chuẩn mực kế toán được thừa nhận rộng rãi ở các quốc gia khác. Do đó, báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm không nhằm mục đích phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được thừa nhận rộng rãi ở các nước và các quyền tài sản khác ngoài phạm vi Việt Nam. Hơn nữa, việc sử dụng báo cáo tài chính hợp nhất này không nhằm dành cho những đối tượng sử dụng không được biết về các nguyên tắc, thủ tục và thông lệ kế toán của Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp trực tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của VPBank từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của VPBank là Đồng Việt Nam ("VND"), làm tròn đến hàng triệu gần nhất ("Triệu VND").

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được VPBank áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Ngân hàng. Sự kiểm soát tồn tại khi Ngân hàng có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp. Khi đánh giá quyền kiểm soát có thể xét đến quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại. Báo cáo tài chính của công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày kiểm soát chấm dứt.

(ii) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư nội bộ, giao dịch và lợi nhuận chưa thực hiện trên giao dịch nội bộ giữa các công ty con và Ngân hàng được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Lỗ chưa thực hiện cũng được loại trừ, ngoại trừ trường hợp giao dịch thể hiện sự giảm giá của tài sản được chuyển giao. Các chính sách kế toán của các công ty con cũng được thay đổi khi cần thiết nhằm đảm bảo tính nhất quán với các chính sách kế toán được Ngân hàng áp dụng.

(b) Các giao dịch ngoại tệ

Theo hệ thống kế toán của Ngân hàng, tất cả các nghiệp vụ phát sinh được hạch toán theo nguyên tệ. Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc tiền tệ khác với VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá tại ngày lập bảng cân đối kế toán. Các khoản mục phi tiền tệ có gốc ngoại tệ phát sinh trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch. Các giao dịch thu nhập và chi phí bằng ngoại tệ được hạch toán bằng VND trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ giá tại ngày giao dịch.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại các tài khoản kinh doanh ngoại tệ vào ngày lập bảng cân đối kế toán được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, vàng, tiền gửi tại NHNNVN và các giấy tờ có giá ngắn hạn khác đủ điều kiện tái chiết khấu với NHNNVN, tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác với kỳ hạn gốc không quá 3 tháng và chứng khoán đầu tư có thời gian đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua.

Vàng được đánh giá lại tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất và chênh lệch do đánh giá lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

(d) Chứng khoán kinh doanh

(i) Phân loại

Chứng khoán kinh doanh là những chứng khoán được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian không quá một năm nhằm thu lợi ngắn hạn.

(ii) Ghi nhận

VPBank ghi nhận chứng khoán kinh doanh vào ngày trở thành một bên đối tác của các điều khoản hợp đồng đối với các chứng khoán này (kể toán theo ngày giao dịch).

(iii) Đo lường

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Dự phòng được trích lập khi giá thị trường của chứng khoán kinh doanh thấp hơn giá đang hạch toán trên sổ sách kế toán.

Đối với các loại chứng khoán kinh doanh đã niêm yết, giá thị trường là giá đóng cửa tại Số Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh hoặc giá bình quân tại Số Giao dịch Chứng khoán Hà Nội tại ngày lập báo cáo.

Đối với các loại chứng khoán kinh doanh chưa niêm yết nhưng được tự do mua bán trên thị trường OTC, giá thị trường là giá bình quân của các giá giao dịch tại ngày lập báo cáo được cung cấp bởi ba công ty chứng khoán có vốn điều lệ từ 300 tỷ VND trở lên.

Các chứng khoán không được phép mua bán tự do trên thị trường hoặc không thể xác định được giá trị thị trường thì không được lập dự phòng mà được phản ánh theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được đề cập ở trên sẽ được hoàn nhập khi việc tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi của chứng khoán kinh doanh là do sự kiện khách quan xảy ra sau khi khoản dự phòng được ghi nhận. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập đến mức tối đa bằng giá trị ghi sổ của các chứng khoán này khi chưa lập dự phòng.

Giá gốc chứng khoán kinh doanh được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

(iv) Dừng ghi nhận

Chứng khoán kinh doanh được dừng ghi nhận khi các quyền lợi nhận các luồng tiền từ các chứng khoán này đã chấm dứt hoặc VPBank đã chuyển phần lớn rủi ro và lợi ích của việc sở hữu các chứng khoán này.

(e) Các khoản đầu tư tài chính

(i) Chứng khoán đầu tư

Chứng khoán đầu tư được phân làm hai loại: chứng khoán sẵn sàng để bán và chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn. VPBank phân loại chứng khoán đầu tư tại thời điểm mua. Theo Công văn 2601/NHNN-TCKT do NHNNVN ban hành ngày 14 tháng 4 năm 2009, đối với khoản mục chứng khoán đầu tư, VPBank được phép phân loại lại tối đa một lần sau khi mua.

Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán là chứng khoán nợ, chứng khoán vốn hoặc chứng khoán khác được giữ trong thời gian không ấn định trước và có thể được bán trong mọi thời điểm.

Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn là chứng khoán nợ có kỳ hạn cố định và các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được, mà VPBank có ý định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Chúng khoán nợ đầu tư sẵn sàng để bán và giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm các chi phí giao dịch và các chi phí có liên quan trực tiếp khác. Sau đó, chúng khoán nợ được ghi nhận theo giá gốc được phân bổ (chịu tác động của việc phân bổ giá trị chiết khấu và giá trị phụ trội) trừ đi dự phòng giảm giá. Giá trị phụ trội và giá trị chiết khấu phát sinh từ việc mua các chứng khoán nợ được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng tính từ ngày mua chứng khoán đến ngày đáo hạn của chứng khoán đó.

Chúng khoán vốn đầu tư sẵn sàng để bán được ghi nhận ban đầu theo giá gốc; sau đó được ghi nhận theo giá trị thấp hơn giữa giá trị trên sổ sách và giá trị thị trường với khoản lỗ giảm giá được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(ii) Góp vốn, đầu tư dài hạn

Các khoản đầu tư dài hạn khác bao gồm chứng khoán vốn, các khoản góp vốn đầu tư dài hạn khác có thời hạn nắm giữ, thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (ngoài chứng khoán đầu tư).

Sau khi được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, các khoản đầu tư dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

(iii) Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính

Theo Công văn số 7459/NHNN-KTTC do NHNNVN ban hành ngày 30 tháng 6 năm 2006, khi lập báo cáo tài chính, nếu giá thị trường thấp hơn giá trị ghi sổ của chứng khoán kinh doanh, chứng khoán sẵn sàng để bán hoặc chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn có dấu hiệu sụt giảm giá trị một cách lâu dài, VPBank xác định giá trị thị trường của chứng khoán và tính toán số liệu dự phòng cần phải trích lập cho từng chứng khoán theo quy định về lập dự phòng giảm giá chứng khoán quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 07 tháng 12 năm 2009 ("Thông tư số 228") và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2013 sửa đổi, bổ sung cho Thông tư số 228. Trong trường hợp giá trị thị trường của chứng khoán không có hoặc không thể xác định được một cách đáng tin cậy, các chứng khoán này được ghi nhận theo giá gốc.

Theo Thông tư số 228, dự phòng giảm giá cho các khoản đầu tư vốn chủ sở hữu vào các tổ chức kinh tế (các công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, hợp danh, liên doanh và các đầu tư dài hạn khác) được lập trong trường hợp các tổ chức kinh tế này gặp thua lỗ (ngoại trừ trường hợp lỗ được dự kiến trước trong kế hoạch kinh doanh của các đơn vị trước khi đầu tư).

Việc trích lập dự phòng đầu tư dài hạn được thực hiện đối với các khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp giá gốc. VPBank chỉ thực hiện trích lập dự phòng khi tổng số vốn đầu tư thực tế của VPBank cao hơn tổng giá trị vốn chủ sở hữu thực có của tổ chức kinh tế được đầu tư được tính dựa theo tỷ lệ sở hữu của VPBank.

(f) Các khoản cho vay khách hàng và cho vay các tổ chức tín dụng khác

Các khoản cho vay khách hàng và các tổ chức tín dụng khác được trình bày theo số dư nợ gốc trừ đi dự phòng rủi ro tín dụng.

Các khoản cho vay ngắn hạn là các khoản có thời hạn cho vay dưới 1 năm tính từ ngày giải ngân. Các khoản cho vay trung hạn có thời hạn cho vay từ 1 năm đến 5 năm tính từ ngày giải ngân. Các khoản cho vay dài hạn có thời hạn cho vay trên 5 năm tính từ ngày giải ngân.

Dự phòng rủi ro tín dụng bao gồm dự phòng cụ thể và dự phòng chung, được trích lập ít nhất mỗi quý một lần.

Theo Quyết định số 493/2005/QĐ-NHNN do NHNNVN ban hành ngày 22 tháng 4 năm 2005 ("Quyết định số 493"), được sửa đổi và bổ sung bằng Quyết định số 18/2007/QĐ-NHNN do NHNNVN ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2007 ("Quyết định số 18"), dự phòng cụ thể tại ngày kết thúc niên độ kế toán (là ngày 31 tháng 12), được tính bằng dư nợ sau khi trừ đi giá trị tài sản đảm bảo đã

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

được khấu trừ nhân với tỷ lệ dự phòng theo việc phân loại nhóm nợ, đều tại ngày 30 tháng 11, như sau:

Nhóm nợ	Tỷ lệ dự phòng
Nhóm 1 – Nợ đủ tiêu chuẩn	0%
Nhóm 2 – Nợ cần chú ý	5%
Nhóm 3 – Nợ dưới tiêu chuẩn	20%
Nhóm 4 – Nợ nghi ngờ	50%
Nhóm 5 – Nợ có khả năng mất vốn	100%

Việc phân loại nhóm nợ cũng như cơ sở xác định giá trị và giá trị khấu trừ của từng loại tài sản đảm bảo được quy định trong Quyết định số 493 và Quyết định số 18.

Từ ngày 23 tháng 4 năm 2012, Ngân hàng đã áp dụng Quyết định số 780/QĐ-NHNN do NHNNVN ban hành (“Quyết định số 780”) về việc phân loại nợ đối với nợ được điều chỉnh kỳ hạn trả nợ, gia hạn nợ, theo đó các khoản nợ được giữ nguyên nhóm nợ như đã được phân loại theo quy định trước khi điều chỉnh kỳ hạn trả nợ, gia hạn nợ nếu khách hàng được đánh giá là hoạt động sản xuất kinh doanh có chiều hướng tích cực và có khả năng trả nợ tốt.

Dự phòng chung tại ngày kết thúc niên độ kế toán (là ngày 31 tháng 12) được tính bằng 0,75% tổng giá trị số dư nợ cho vay khách hàng và các tổ chức tín dụng được phân loại từ Nhóm 1 đến Nhóm 4 tại ngày 30 tháng 11.

Theo Quyết định số 493, các khoản cho vay khách hàng và các tổ chức tín dụng được xử lý bằng dự phòng khi đã được phân loại vào Nhóm 5 hoặc khi bên vay tuyên bố phá sản hoặc giải thể (đối với trường hợp khách hàng vay là tổ chức hoặc doanh nghiệp), hoặc khi bên vay chết hoặc mất tích (đối với trường hợp khách hàng vay là cá nhân).

Ngân hàng áp dụng Thông tư số 21/2012/TT-NHNN do NHNNVN ban hành ngày 18 tháng 6 năm 2012 kể từ ngày có hiệu lực, ngày 1 tháng 9 năm 2012 (“Thông tư số 21”) về hoạt động cho vay, đi vay; mua, bán có kỳ hạn giấy tờ có giá giữa các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và Thông tư số 01/2013/TT-NHNN do NHNNVN ban hành ngày 7 tháng 1 năm 2013 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 21. Theo đó, Ngân hàng phân loại các khoản cho vay các tổ chức tín dụng khác và trích lập dự phòng rủi ro cho vay các tổ chức tín dụng khác như theo quy định tại Quyết định số 493 và Quyết định số 18.

(g) Dự phòng cho các khoản mục ngoại bảng

Dự phòng cho các khoản mục ngoại bảng bao gồm dự phòng cụ thể và dự phòng chung, được trích lập ít nhất một quý một lần.

Theo Quyết định số 18, trong trường hợp VPBank đánh giá khách hàng không có khả năng thực hiện các nghĩa vụ theo cam kết, VPBank phải phân loại các khoản bảo lãnh, chấp nhận thanh toán và các cam kết cho vay không hủy ngang vô điều kiện và có thời điểm thực hiện cụ thể (gọi chung là các khoản cam kết ngoại bảng) vào 5 nhóm và lập dự phòng cụ thể tương ứng theo phương pháp nêu tại Thuyết minh 3(f).

Ngoài ra, theo Quyết định số 493, dự phòng chung tại ngày 31 tháng 12 được tính bằng 0,75% tổng số dư các khoản cam kết ngoại bảng tại ngày 30 tháng 11.

(h) Các công cụ tài chính phái sinh

Các công cụ tài chính phái sinh được ghi nhận vào các tài khoản trên bảng cân đối kế toán tại ngày hiệu lực của các hợp đồng và được đánh giá lại cuối kỳ. Lãi hoặc lỗ thực hiện từ các công cụ tài chính phái sinh được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Công cụ tài chính phái sinh được phân loại là tài sản tài chính phái sinh khi giá trị được ghi nhận là dương và nợ phải trả tài chính phái sinh khi giá trị được ghi nhận là âm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

(i) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế. Nguyên giá ban đầu của tài sản cố định hữu hình gồm giá mua của tài sản, bao gồm cả thuế nhập khẩu, các loại thuế đầu vào không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái và vị trí hoạt động cho mục đích sử dụng dự kiến và chi phí tháo dỡ và di dời tài sản và khôi phục hiện trường tại địa điểm đặt tài sản. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đi vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của năm chi phí phát sinh. Trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng các chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

♦ nhà cửa, vật kiến trúc	40 năm
♦ máy móc thiết bị	4 - 10 năm
♦ phương tiện vận tải	8 năm
♦ thiết bị dụng cụ quản lý	5 năm
♦ tài sản cố định khác	4 - 7 năm

(j) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất bao gồm:

Quyền sử dụng đất được nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất hoặc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp (bao gồm quyền sử dụng đất có thời hạn, quyền sử dụng đất không thời hạn).

Quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà đã trả tiền thuê đất cho cả thời gian thuê hoặc đã trả trước tiền thuê đất cho nhiều năm mà thời hạn thuê đất đã được trả tiền còn lại ít nhất là năm năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất có thời hạn được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất vô thời hạn được phản ánh theo nguyên giá và không được trích khấu hao.

Nguyên giá tài sản cố định là quyền sử dụng đất được xác định là toàn bộ khoản tiền chi ra để có quyền sử dụng đất hợp pháp cộng (+) các chi phí cho đền bù giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ (không bao gồm các chi phí chi ra để xây dựng các công trình trên đất); hoặc là giá trị quyền sử dụng đất nhận góp vốn.

(ii) Phần mềm vi tính

Giá mua của phần mềm vi tính mới, mà phần mềm này không phải là một bộ phận không thể tách rời của phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và được hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm vi tính được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 8 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

(k) Bất động sản đầu tư

(i) Nguyên giá

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng bất động sản đầu tư vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- ♦ nhà cửa, vật kiến trúc 3 - 21 năm
- ♦ quyền sử dụng đất vô thời hạn

(l) Các khoản phải thu khác

Các khoản nợ phải thu khác, ngoài các khoản phải thu từ hoạt động tín dụng, được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Các khoản nợ phải thu khác được xem xét trích lập dự phòng phải thu khó đòi theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào chi phí hoạt động trong kỳ.

Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán, VPBank áp dụng mức trích lập dự phòng theo hướng dẫn của Thông tư số 228 như sau:

Thời gian quá hạn	Tỷ lệ dự phòng
Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Trên ba (03) năm	100%

(m) Dự phòng

Dự phòng, ngoại trừ các khoản dự phòng đề cập tại Thuyết minh 3(d), 3(e), 3(f), 3(g), và 3(l) được ghi nhận khi, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, VPBank có một nghĩa vụ pháp lý hoặc liên đới mà có thể được ước tính một cách tin cậy và có nhiều khả năng VPBank phải sử dụng các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ đó. Dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu các luồng tiền dự tính trong tương lai theo tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh được các đánh giá hiện tại của thị trường về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

(n) Các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả khác được phản ánh theo giá gốc.

(o) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được phân loại là vốn chủ sở hữu. Các chi phí tăng thêm được phân bổ trực tiếp vào giá phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu.

(ii) Thặng dư vốn cổ phần

Khi nhận được vốn từ các cổ đông, chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu được ghi nhận vào tài khoản thặng dư vốn cổ phần trong vốn chủ sở hữu.

(p) Các quỹ dự trữ

Ngân hàng

Trước khi phân phối lợi nhuận, Ngân hàng phải lập các quỹ dự trữ sau.

	Phân phối hàng năm	Số dư tối đa
Quỹ dự trữ bổ sung vốn cổ phần	5% lợi nhuận sau thuế	Vốn cổ phần
Quỹ dự phòng tài chính	10% lợi nhuận sau thuế	25% vốn cổ phần

Ngân hàng thực hiện trích lập các quỹ dự trữ bắt buộc trong năm 2013 dựa trên lợi nhuận sau thuế của năm 2012 (không bao gồm lợi nhuận chuyển về từ các công ty con).

Quỹ khen thưởng và phúc lợi được phân bổ từ lợi nhuận sau thuế theo nghị quyết của Đại Hội đồng Cổ đông và được dùng chủ yếu để chi trả cho các cán bộ công nhân viên Ngân hàng. Các quỹ này không được quy định bởi luật pháp và được phép phân phối hết.

Các quỹ khác thuộc nguồn vốn chủ sở hữu được phân bổ từ lợi nhuận sau thuế. Việc phân bổ từ lợi nhuận sau thuế và việc sử dụng các quỹ khác phải được Đại Hội đồng Cổ đông phê duyệt. Các quỹ này không được quy định bởi luật pháp và được phép phân phối hết.

Các công ty con

Công ty TNHH Quản lý tài sản Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng ("VPBank AMC")

Theo Thông tư số 27/2002/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 3 năm 2002, Công ty VPBank AMC phải trích từ lợi nhuận sau thuế để lập các quỹ dự trữ theo các tỷ lệ mà Ngân hàng đang áp dụng. Trong năm, VPBank AMC chưa trích lập các quỹ dự trữ bắt buộc do chưa có Quyết định của Đại Hội đồng Cổ đông của Ngân hàng.

Công ty TNHH Chứng khoán – Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng ("Công ty Chứng khoán VPBank")

Theo Quyết định số 27/2007/QĐ-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 24 tháng 4 năm 2007, các công ty chứng khoán phải thực hiện việc trích lập các quỹ dưới đây trước khi phân bổ lợi nhuận:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

	Phân phối hàng năm	Số dư tối đa
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5% Lợi nhuận sau thuế	100% Vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính	5% Lợi nhuận sau thuế	10% Vốn điều lệ

Việc trích lập các quỹ dự trữ của công ty con được thực hiện và hạch toán sau khi có sự phê duyệt của Đại hội cổ đông thường niên.

(q) Ghi nhận doanh thu

(i) Thu nhập lãi

Thu nhập lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dồn tích, ngoại trừ tiền lãi phát sinh từ các khoản cho vay được phân loại từ Nhóm 2 đến Nhóm 5 nêu trong Thuyết minh 3(f) được ghi nhận khi VPBank thực thu được lãi.

(ii) Thu nhập từ phí và hoa hồng

Thu nhập từ phí và hoa hồng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dồn tích.

(iii) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức bằng tiền mặt được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi quyền nhận cổ tức bằng tiền của VPBank được xác định.

Theo Thông tư số 244/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 31 tháng 12 năm 2009 có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2010, cổ tức nhận dưới dạng cổ phiếu, các khoản được chia bằng cổ phiếu từ lợi nhuận của các công ty cổ phần không được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất mà chỉ được ghi tăng số lượng cổ phiếu của công ty đó do VPBank nắm giữ.

(r) Chi phí lãi

Chi phí lãi được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo cơ sở dồn tích.

(s) Các khoản thanh toán thuế hoạt động

Các khoản thanh toán thuế hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê đã nhận được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuế.

(t) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ trong năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị xác định theo mục đích thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán dự kiến đối với giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

phải trả, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận tương ứng với mức lợi nhuận chịu thuế chắc chắn trong tương lai mà lợi nhuận đó có thể dùng để khấu trừ với tài sản thuế thu nhập này. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm khi không còn chắc chắn thu được các lợi ích về thuế liên quan này.

(u) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

VPBank trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của VPBank chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm.

(v) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt được của VPBank tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận chính yếu của VPBank là chia theo vùng địa lý. Mẫu báo cáo bộ phận thứ yếu của VPBank là chia theo lĩnh vực kinh doanh.

(w) Các khoản mục ngoại bảng

(i) Các hợp đồng ngoại hối

VPBank ký kết các hợp đồng ngoại hối kỳ hạn và hoán đổi nhằm tạo điều kiện cho khách hàng chuyển, điều chỉnh hoặc giảm rủi ro hối đoái hoặc các rủi ro thị trường khác đồng thời phục vụ mục đích kinh doanh của VPBank.

Các hợp đồng kỳ hạn là các cam kết để thanh toán bằng tiền mặt tại một ngày trong tương lai dựa trên chênh lệch giữa các tỷ giá được xác định trước, được tính trên số tiền gốc danh nghĩa. Các hợp đồng kỳ hạn được ghi nhận theo giá trị danh nghĩa tại ngày giao dịch và được đánh giá lại theo tỷ giá tại ngày lập bảng cân đối kế toán tại thời điểm kết thúc niên độ. Lãi hoặc lỗ đã hoặc chưa thực hiện được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Các hợp đồng hoán đổi tiền tệ là các cam kết để thanh toán bằng tiền mặt tại một ngày trong tương lai dựa trên chênh lệch giữa các tỷ giá được xác định trước, được tính trên số tiền gốc danh nghĩa. Các hợp đồng hoán đổi tiền tệ được VPBank thực hiện đánh giá theo ngày; chênh lệch từ việc đánh giá lại được ghi vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(ii) Các cam kết và nợ tiềm ẩn

VPBank có các cam kết tín dụng phát sinh từ hoạt động cho vay. Các cam kết này ở dưới dạng các khoản cho vay và thấu chi đã được phê duyệt. VPBank cũng cung cấp các bảo lãnh tài chính và thu tín dụng để bảo lãnh cho nghĩa vụ của khách hàng đối với bên thứ ba. Nhiều khoản cam kết và nợ tiềm ẩn sẽ đáo hạn mà không phát sinh bất kỳ một phần hay toàn bộ một khoản tạm ứng nào. Do đó, các khoản cam kết và nợ tiềm ẩn này không phản ánh luồng lưu chuyển tiền tệ dự kiến chắc chắn trong tương lai.

(x) Phân loại các công cụ tài chính cho mục đích thuyết minh thông tin

(i) Phân loại các công cụ tài chính

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính hợp nhất và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của VPBank và tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, VPBank phân loại các công cụ tài chính như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- ♦ Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - Tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
 - Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- ♦ Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, VPBank xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà VPBank có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- ♦ Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được VPBank xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- ♦ Các tài sản tài chính đã được VPBank xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- ♦ Các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- ♦ Các khoản mà VPBank có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được VPBank xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- ♦ Các khoản được VPBank xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- ♦ Các khoản mà VPBank có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- ♦ Các tài sản tài chính xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- ♦ Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- ♦ Các khoản cho vay và các khoản phải thu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- ♦ Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu:
 - Khoản nợ đó được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
 - Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - Là công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- ♦ Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, VPBank xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

(ii) Đo lường và thuyết minh giá trị hợp lý

Giá trị hợp lý thể hiện giá trị mà một tài sản có thể được trao đổi hoặc một khoản nợ có thể được thanh toán giữa các bên có sự hiểu biết và sẵn lòng thực hiện giao dịch trên cơ sở ngang giá tại ngày hạch toán.

Khi tồn tại một thị trường hoạt động, VPBank xác định giá trị hợp lý của một công cụ tài chính bằng giá niêm yết trên thị trường hoạt động của công cụ đó. Một thị trường được coi là thị trường hoạt động nếu giá niêm yết thường xuyên có sẵn và phản ánh các giao dịch thực tế và thường xuyên phát sinh trên thị trường.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

4. Tiền mặt và vàng

	31/12/2013 Triệu VND	31/12/2012 Triệu VND
Tiền mặt bằng VND	435.544	357.276
Tiền mặt bằng ngoại tệ	1.076.216	281.150
Chứng từ có giá trị ngoại tệ	-	107
Vàng tại quỹ	37.591	160.869
	1.549.351	799.402

5. Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Tiền gửi tại NHNNVN bao gồm quỹ dự trữ bắt buộc ("DTBB") và tài khoản tiền gửi thanh toán.

	31/12/2013 Triệu VND	31/12/2012 Triệu VND
Tài khoản tiền gửi thanh toán và quỹ dự trữ bắt buộc	1.523.596	1.372.667

Theo quy định của NHNNVN về DTBB, các ngân hàng được phép duy trì một số dư thà nôi tại tài khoản DTBB.

Số dư bình quân tiền gửi thanh toán của VPBank tại NHNNVN không thấp hơn số tiền phải DTBB trong tháng. Số tiền DTBB trong tháng được tính bằng số dư tiền gửi huy động bình quân của từng loại tiền gửi phải DTBB trong tháng trước nhân với tỷ lệ DTBB tương ứng.

Tỷ lệ DTBB tại thời điểm cuối năm như sau:

Loại tiền gửi	Tỷ lệ dự trữ bắt buộc	
	31/12/2013	31/12/2012
Số dư bình quân tháng trước của:		
Tiền gửi bằng ngoại tệ có thời hạn dưới 12 tháng	8%	8%
Tiền gửi bằng ngoại tệ có thời hạn từ 12 tháng trở lên	6%	6%
Tiền gửi bằng VND có thời hạn dưới 12 tháng	3%	3%
Tiền gửi bằng VND có thời hạn từ 12 tháng trở lên	1%	1%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Lãi suất năm tại thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2013	31/12/2012
Tiền gửi bằng VND		
Trong mức dự trữ bắt buộc	1,2%	1,2%
Ngoài mức dự trữ bắt buộc	0%	0%
Tiền gửi bằng USD		
Trong mức dự trữ bắt buộc	0%	0%
Ngoài mức dự trữ bắt buộc	0,05%	0,05%

6. Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác

	31/12/2013 Triệu VND	31/12/2012 Triệu VND
Tiền gửi không kỳ hạn	1.168.103	11.060.515
Tiền gửi không kỳ hạn bằng VND	108.033	8.043.991
Tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ	1.060.070	3.016.524
Tiền gửi có kỳ hạn	2.151.080	6.256.850
Tiền gửi có kỳ hạn bằng VND	1.940.720	4.941.640
Tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ	210.360	1.315.210
Các khoản cho vay	8.736.238	9.443.562
Cho vay bằng VND	8.165.004	9.124.478
Cho vay bằng ngoại tệ	631.921	373.743
Dự phòng cho vay các tổ chức tín dụng khác	(60.687)	(54.659)
	12.055.421	26.760.927

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Dự phòng cho vay các tổ chức tín dụng khác bao gồm:

	31/12/2013 Triệu VND	31/12/2012 Triệu VND
Dự phòng chung (i)	54.967	54.659
Dự phòng cụ thể (ii)	5.720	-
	60.687	54.659

(i) Biến động dự phòng chung cho vay các tổ chức tín dụng khác trong năm như sau:

	2013 Triệu VND	2012 Triệu VND
Số dư đầu năm	54.659	-
Dự phòng trích lập trong năm (Thuyết minh 29)	308	54.659
Số dư cuối năm	54.967	54.659

(ii) Biến động dự phòng cụ thể cho vay các tổ chức tín dụng khác trong năm như sau:

	2013 Triệu VND	2012 Triệu VND
Số dư đầu năm	-	-
Dự phòng trích lập trong năm (Thuyết minh 29)	5.720	-
Số dư cuối năm	5.720	-

Lãi suất năm tại thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2013	31/12/2012
Tiền gửi có kỳ hạn bằng VND	4% - 10%	9% - 13,5%
Tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ	0,25% - 0,7%	2,5% - 3,5%
Cho vay bằng VND	4,2% - 10,8%	6,5% - 15%
Cho vay bằng ngoại tệ	0,3% - 4,5%	0,1% - 2,5%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

7. Chứng khoán kinh doanh

	31/12/2013	31/12/2012
	Triệu VND	Triệu VND
Chứng khoán nợ	8.241.473	1.268.805
Trái phiếu chính phủ	1.155.608	350.512
Trái phiếu do các TCTD khác trong nước phát hành	344.734	126.556
Trái phiếu do các TCKT trong nước phát hành	6.741.131	791.737
Chứng khoán vốn	268.867	97.810
Cổ phiếu do các tổ chức kinh tế trong nước phát hành	268.867	97.810
	8.510.340	1.366.615
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (i)	(1.543)	(20.775)
	8.508.797	1.345.840

Kỳ hạn và lãi suất năm theo hợp đồng của các chứng khoán nợ tại thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2013		31/12/2012	
	Kỳ hạn	Lãi suất	Kỳ hạn	Lãi suất
Trái phiếu Chính phủ	2 năm - 4 năm	9,4% - 13,2%	2 năm - 4 năm	9,4% - 13,2%
Trái phiếu do các tổ chức kinh tế trong nước phát hành (bằng VND)	1 năm - 4 năm	11% - 15%	1 năm - 4 năm	11% - 15%
Trái phiếu do các tổ chức tín dụng trong nước phát hành (bằng VND)	4 năm - 8 năm	10,2% - 11,5%	1 năm - 4 năm	10,2% - 11,5%

Tình trạng niêm yết của các chứng khoán kinh doanh:

	31/12/2013	31/12/2012
	Triệu VND	Triệu VND
Chứng khoán nợ	8.241.473	1.268.805
Chưa niêm yết	8.241.473	1.268.805
Chứng khoán vốn	268.867	97.810
Niêm yết	49.519	37.333
Chưa niêm yết	219.348	60.477
	8.510.340	1.366.615

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

(i) Biến động dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh trong năm như sau:

	2013 Triệu VND	2012 Triệu VND
Số dư đầu năm	20.775	17.425
Dự phòng (hoàn nhập)/trích lập trong năm (Thuyết minh 25)	(19.232)	3.350
Số dư cuối năm	1.543	20.775

8. Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản/(nợ phải trả) tài chính khác

	Tổng giá trị của hợp đồng (theo tỷ giá ngày lập báo cáo) Triệu VND	Tổng giá trị ghi sổ kế toán (theo tỷ giá tại ngày lập báo cáo)		
		Tài sản Triệu VND	Nợ phải trả Triệu VND	Giá trị thuần Triệu VND
<i>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013</i>				
Công cụ tài chính phái sinh tiền tệ	27.504.838	4.574.951	(4.625.802)	(50.851)
Giao dịch kỳ hạn tiền tệ	12.340.612	2.657.629	(2.760.747)	(103.118)
Giao dịch hoán đổi tiền tệ	15.164.226	1.917.322	(1.865.055)	52.267
<i>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012</i>				
Công cụ tài chính phái sinh tiền tệ	10.812.268	4.245.393	(4.187.922)	57.471
Giao dịch kỳ hạn tiền tệ	5.716.778	2.848.259	(2.829.820)	18.439
Giao dịch hoán đổi tiền tệ	5.095.490	1.397.134	(1.358.102)	39.032

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

9. Cho vay khách hàng

	31/12/2013 Triệu VND	31/12/2012 Triệu VND
Cho vay các tổ chức kinh tế và cá nhân trong nước	52.375.482	36.820.307
Chiết khấu tín phiếu	31.260	7.083
Các khoản trả thay khách hàng	-	2.337
Cho vay bằng vốn tài trợ, ủy thác đầu tư (*)	59.831	65.334
Cho vay đối với các tổ chức, cá nhân nước ngoài	7.550	8.244
	52.474.123	36.903.305

(*) Cho vay bằng vốn tài trợ, ủy thác đầu tư bao gồm các khoản cho vay được tài trợ bởi các nguồn vốn ủy thác từ các chương trình hỗ trợ phát triển quốc gia thông qua Bộ Tài chính và NHNNVN. VPBank nhận nguồn vốn này trực tiếp từ ngân hàng đầu mối là Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam ("BIDV") và Ban Quản lý Dự án Tín dụng ODA - Quốc gia. VPBank đóng vai trò nhận nguồn và quản lý, sử dụng nguồn. Theo đó, VPBank sẽ vẫn phải chịu toàn bộ rủi ro liên quan đến những khoản cho vay này. Trường hợp những khoản cho vay ra sử dụng nguồn vốn này mất khả năng thanh toán, VPBank phải có trách nhiệm hoàn trả gốc và lãi cho BIDV và Ban Quản lý Dự án Tín dụng ODA - Quốc gia theo cam kết tại hợp đồng đã ký.

Phân tích dư nợ cho vay theo chất lượng như sau:

	31/12/2013 Triệu VND	%	31/12/2012 Triệu VND	%
Nhóm 1 - Nợ đủ tiêu chuẩn	48.531.102	92,49%	32.969.671	89,34%
Nhóm 2 - Nợ cần chú ý	2.468.725	4,70%	2.930.347	7,94%
Nhóm 3 - Nợ dưới tiêu chuẩn	594.869	1,14%	257.505	0,70%
Nhóm 4 - Nợ nghi ngờ	474.208	0,90%	554.257	1,50%
Nhóm 5 - Nợ có khả năng mất vốn	405.219	0,77%	191.525	0,52%
	52.474.123	100%	36.903.305	100%

Phân tích dư nợ cho vay theo thời gian đáo hạn như sau:

	31/12/2013 Triệu VND	%	31/12/2012 Triệu VND	%
Ngắn hạn	24.575.232	46,83%	22.745.669	61,64%
Trung hạn	18.734.481	35,70%	10.211.494	27,67%
Dài hạn	9.164.410	17,47%	3.946.142	10,69%
	52.474.123	100%	36.903.305	100%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Phân tích dư nợ cho vay theo đối tượng khách hàng và theo loại hình doanh nghiệp:

	31/12/2013 Triệu VND	%	31/12/2012 Triệu VND	%
Doanh nghiệp Nhà nước	1.453.967	2,77%	1.273.255	3,46%
Công ty trách nhiệm hữu hạn	14.591.969	27,81%	9.129.350	24,74%
Công ty cổ phần	12.757.141	24,31%	8.038.951	21,78%
Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	226.724	0,43%	130.446	0,35%
Doanh nghiệp tư nhân	494.031	0,94%	590.401	1,60%
Cho vay cá nhân và cho vay khác	22.950.291	43,74%	17.740.902	48,07%
	52.474.123	100%	36.903.305	100%

Phân tích dư nợ cho vay theo ngành nghề kinh doanh:

	31/12/2013 Triệu VND	%	31/12/2012 Triệu VND	%
Nông nghiệp và lâm nghiệp	1.615.109	3,08%	1.006.350	2,73%
Thương mại, sản xuất và chế biến	16.160.966	30,80%	21.539.001	58,37%
Xây dựng	3.794.409	7,23%	5.999.742	16,26%
Kho bãi, vận tải, thông tin liên lạc	1.725.027	3,29%	1.145.692	3,10%
Cá nhân và các hoạt động khác	29.178.612	55,61%	7.212.520	19,54%
	52.474.123	100%	36.903.305	100%

Lãi suất năm tại thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2013	31/12/2012
Cho vay bằng VND	7% - 15%	8% - 18%
Cho vay bằng ngoại tệ	2,3% - 6%	2,3% - 7%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

10. Dự phòng rủi ro các khoản cho vay khách hàng

	31/12/2013 Triệu VND	31/12/2012 Triệu VND
Dự phòng chung	386.254	256.536
Dự phòng cụ thể	218.453	123.646
	604.707	380.182

Biến động dự phòng chung cho vay khách hàng trong năm như sau:

	2013 Triệu VND	2012 Triệu VND
Số dư đầu năm	256.536	212.704
Dự phòng trích lập trong năm (Thuyết minh 29)	129.718	45.656
Sử dụng dự phòng trong năm	-	(1.824)
Số dư cuối năm	386.254	256.536

Biến động dự phòng cụ thể cho vay khách hàng trong năm như sau:

	2013 Triệu VND	2012 Triệu VND
Số dư đầu năm	123.646	101.469
Dự phòng trích lập trong năm (Thuyết minh 29)	346.631	301.459
Sử dụng dự phòng trong năm	(251.824)	(279.282)
Số dư cuối năm	218.453	123.646

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

11. Chứng khoán đầu tư

	31/12/2013 Triệu VND	31/12/2012 Triệu VND
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán		
Trái phiếu Chính phủ (*)	4.788.735	6.127.692
Tín phiếu Ngân hàng Nhà nước	200.000	1.500.196
Tín phiếu Kho bạc	3.926.630	1.240.000
Trái phiếu do các tổ chức kinh tế trong nước phát hành	6.410.670	7.269.606
Trái phiếu do các tổ chức tín dụng trong nước phát hành	13.106.359	6.035.522
Cổ phiếu do các tổ chức kinh tế trong nước phát hành	98.400	90.000
	28.530.794	22.263.016
Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán (i)	-	(9.000)
	28.530.794	22.254.016
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn		
Trái phiếu do các tổ chức kinh tế trong nước phát hành (**)	636.695	-
	636.695	-
	29.167.489	22.254.016

Thời hạn và lãi suất năm theo hợp đồng của các chứng khoán nợ tại thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2013		31/12/2012	
	Thời hạn	Lãi suất	Thời hạn	Lãi suất
Trái phiếu Chính phủ	5 năm	13,2%	2 năm - 5 năm	8,8% - 13,2%
Tín phiếu Ngân hàng Nhà nước	6 tháng	5,5%	3 tháng	6,75% - 6,8%
Tín phiếu Kho bạc Nhà nước	1 năm	6,03% - 6,5%	6 tháng - 1 năm	8,15% - 8,5%
Trái phiếu do các tổ chức kinh tế trong nước phát hành				
<i>Trái phiếu phát hành bằng VND</i>	<i>2 năm - 5 năm</i>	<i>8,6% - 15%</i>	<i>2 năm - 5 năm</i>	<i>10% - 18%</i>
Trái phiếu do các tổ chức tín dụng trong nước phát hành				
<i>Trái phiếu phát hành bằng VND</i>	<i>2 năm - 10 năm</i>	<i>9,55% - 10,5%</i>	<i>2 năm - 10 năm</i>	<i>10% - 13%</i>
<i>Trái phiếu phát hành bằng USD</i>	<i>3 tháng - 1 năm</i>	<i>1,7% - 4,5%</i>	<i>3 tháng</i>	<i>4%</i>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

(*) Bao gồm trong số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là khoản Trái phiếu Chính phủ có giá trị 1.820.649 triệu VND được sử dụng làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay của VPBank từ NHNNVN (Thuyết minh 17).

(**) Đây là khoản trái phiếu đặc biệt do Công ty Quản lý Tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam ("VAMC") phát hành với kỳ hạn 5 năm, không có lãi suất (31/12/2012: không có). Khoản trái phiếu này là khoản thanh toán cho các khoản nợ xấu được VPBank bán cho VAMC. Trái phiếu này sẽ được trích lập dự phòng 20%/năm trong vòng 5 năm tới kể từ năm 2014 theo Thông tư số 19/2013/TT-NHNN do NHNNVN ban hành ngày 6 tháng 9 năm 2013.

(i) Biến động dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư trong năm như sau:

	2013 Triệu VND	2012 Triệu VND
Số dư đầu năm	9.000	-
(Hoàn nhập)/trích lập dự phòng trong năm (Thuyết minh 26)	(9.000)	9.000
Số dư cuối năm	-	9.000

12. Góp vốn, đầu tư dài hạn

	31/12/2013 Triệu VND	31/12/2012 Triệu VND
Đầu tư dài hạn khác - giá gốc (i)	72.304	67.811
Dự phòng giảm giá góp vốn, đầu tư dài hạn (ii)	(473)	(473)
	71.831	67.338

(i) Chi tiết các khoản đầu tư dài hạn khác như sau:

	31/12/2013 Triệu VND	31/12/2012 Triệu VND
Đầu tư vào các tổ chức tài chính chưa niêm yết	38.366	35.036
Đầu tư vào các tổ chức kinh tế chưa niêm yết	33.938	32.775
	72.304	67.811

(ii) Biến động dự phòng góp vốn, đầu tư dài hạn trong năm như sau:

	2013 Triệu VND	2012 Triệu VND
Số dư đầu năm	473	473
Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng trong năm	-	-
Số dư cuối năm	473	473

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

13. Tài sản cố định hữu hình

Năm 2013	Nhà cửa, vật kiến trúc Triệu VND	Máy móc thiết bị Triệu VND	Phương tiện vận tải Triệu VND	Thiết bị dụng cụ quản lý Triệu VND	Tài sản cố định khác Triệu VND	Tổng cộng Triệu VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	66.804	64.146	107.448	175.507	115.447	529.352
Mua trong năm	2.078	6.492	10.819	57.849	15.886	93.124
Thanh lý	(8.301)	(7.049)	(20.195)	(7.658)	(3.497)	(46.700)
Tặng/(giảm) khác	-	22	-	(21)	-	1
Phân loại lại (*)	(170)	(18.624)	(5.259)	(54.140)	(16.768)	(94.961)
Số dư cuối năm	60.411	44.987	92.813	171.537	111.068	480.816
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	17.267	26.036	54.720	115.808	63.721	277.552
Khấu hao trong năm	2.287	7.211	12.374	17.601	18.577	58.050
Thanh lý	(7.107)	(1.415)	(14.772)	(6.445)	(2.339)	(32.078)
Tặng/(giảm) khác	(1.044)	(17)	(7.439)	9.705	(988)	217
Phân loại lại (*)	(170)	(11.788)	(2.596)	(40.977)	(10.378)	(65.909)
Số dư cuối năm	11.233	20.027	42.287	95.692	68.593	237.832
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	49.537	38.110	52.728	59.699	51.726	251.800
Số dư cuối năm	49.178	24.960	50.526	75.845	42.475	242.984

(*) Việc phân loại lại này phản ánh giá trị còn lại của các tài sản cố định hiện có không đáp ứng một trong các tiêu chuẩn để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định tại Điều 3, Thông tư 45, là có nguyên giá từ 30 triệu VND trở lên. Các tài sản này được phân loại lại là Chi phí trả trước.

Năm 2012	Nhà cửa, vật kiến trúc Triệu VND	Máy móc thiết bị Triệu VND	Phương tiện vận tải Triệu VND	Thiết bị dụng cụ quản lý Triệu VND	Tài sản cố định khác Triệu VND	Tổng cộng Triệu VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	66.058	51.855	81.350	143.594	94.077	436.934
Mua trong năm	785	12.921	30.619	34.814	18.359	97.498
Thanh lý	-	(67)	(499)	(955)	(872)	(2.393)
Tặng/(giảm) khác	(39)	(563)	(4.022)	(1.946)	3.883	(2.687)
Số dư cuối năm	66.804	64.146	107.448	175.507	115.447	529.352
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	14.603	18.526	43.324	96.197	49.515	222.165
Khấu hao trong năm	2.213	7.844	14.661	13.563	22.231	60.512
Thanh lý	-	(60)	(316)	(37)	(796)	(1.209)
Tặng/(giảm) khác	451	(274)	(2.949)	6.085	(7.229)	(3.916)
Số dư cuối năm	17.267	26.036	54.720	115.808	63.721	277.552
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	51.455	33.329	38.026	47.397	44.562	214.769
Số dư cuối năm	49.537	38.110	52.728	59.699	51.726	251.800

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

14. Tài sản cố định vô hình

Năm 2013	Quyền sử dụng đất Triệu VND	Phần mềm vi tính Triệu VND	Tổng cộng Triệu VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	90.711	158.511	249.222
Tăng trong năm	-	20.257	20.257
Thanh lý	(1)	(41)	(42)
Tăng khác	-	3.207	3.207
Phân loại lại (*)	-	(1.860)	(1.860)
Số dư cuối năm	90.710	180.074	270.784
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	877	71.505	72.382
Khấu hao trong năm	-	23.964	23.964
Thanh lý	-	(31)	(31)
Giảm khác	(9)	(1.042)	(1.051)
Phân loại lại (*)	-	(11)	(11)
Số dư cuối năm	868	94.385	95.253
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	89.834	87.006	176.840
Số dư cuối năm	89.842	85.689	175.531

(*) Việc phân loại lại này phản ánh giá trị còn lại của các tài sản cố định hiện có không đáp ứng một trong các tiêu chuẩn để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định tại Điều 3, Thông tư 45, là có nguyên giá từ 30 triệu VND trở lên. Các tài sản này được phân loại lại là chi phí trả trước.

Năm 2012	Quyền sử dụng đất Triệu VND	Phần mềm vi tính Triệu VND	Tổng cộng Triệu VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	68.277	140.312	208.589
Tăng trong năm	21.855	18.199	40.054
Tăng khác	579	-	579
Số dư cuối năm	90.711	158.511	249.222
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	868	51.786	52.654
Khấu hao trong năm	-	19.706	19.706
Tăng khác	9	13	22
Số dư cuối năm	877	71.505	72.382
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	67.409	88.526	155.935
Số dư cuối năm	89.834	87.006	176.840

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

15. Bất động sản đầu tư

Năm kết thúc ngày 31/12/2013	Quyền sử dụng đất Triệu VND	Nhà cửa, vật kiến trúc Triệu VND	Tổng cộng Triệu VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	20.075	9.841	29.916
Tăng trong năm	-	63	63
Thanh lý	-	(14)	(14)
Số dư cuối năm	20.075	9.890	29.965
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	-	359	359
Khấu hao trong năm	-	717	717
Thanh lý	-	(2)	(2)
Số dư cuối năm	-	1.074	1.074
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	20.075	9.482	29.557
Số dư cuối năm	20.075	8.816	28.891

Năm kết thúc ngày 31/12/2012	Quyền sử dụng đất Triệu VND	Nhà cửa, vật kiến trúc Triệu VND	Tổng cộng Triệu VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	-	-	-
Tăng trong năm	20.075	9.841	29.916
Số dư cuối năm	20.075	9.841	29.916
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	-	-	-
Khấu hao trong năm	-	359	359
Số dư cuối năm	-	359	359
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	-	-	-
Số dư cuối năm	20.075	9.482	29.557

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

16. Tài sản có khác

(a) Các khoản phải thu

	31/12/2013 Triệu VND	31/12/2012 Triệu VND (Điều chỉnh lại)
Các khoản phải thu nội bộ		
Tạm ứng hoạt động nghiệp vụ	120.409	65.844
Tạm ứng tiền lương, công tác phí	11.243	2.926
Các khoản phải thu khác	10.836	69.325
Các khoản phải thu bên ngoài		
Phải thu từ các nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán	1.659.713	1.155.812
Phải thu theo các hợp đồng ủy thác đầu tư (i)	750.150	2.194.150
Tạm ứng cho Ngân sách Nhà nước (thuyết minh 34)	5.426	-
Các khoản phải thu khác (đặt cọc mua văn phòng, mua bán nợ...)	9.057.944	6.739.483
	11.615.721	10.227.540

(i) Đây là các khoản ủy thác đầu tư để mua chứng khoán với kỳ hạn hợp đồng là 5 năm và hưởng lợi tức theo kết quả kinh doanh thực tế, không có tài sản đảm bảo (31/12/2012: thời hạn hợp đồng từ 12 ngày đến 33 tháng và hưởng lãi suất từ 10% đến 12,9%/năm hoặc lãi suất thả nổi).

(b) Các khoản lãi và phí phải thu

	31/12/2013 Triệu VND	31/12/2012 Triệu VND
Lãi phải thu từ tiền gửi	508.252	749.760
Lãi phải thu từ đầu tư chứng khoán	1.227.316	1.182.197
Lãi phải thu từ hoạt động tín dụng	1.078.001	510.932
Lãi phải thu từ các công cụ tài chính phái sinh	141.079	12.069
Phí phải thu	74	25
	2.954.722	2.454.983

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

(c) Tài sản có khác

	31/12/2013 Triệu VND	31/12/2012 Triệu VND
Vật liệu	10.735	7.188
Chi phí trả trước	502.851	313.546
Tài sản gán nợ đã chuyển quyền sở hữu cho VPBank đang chờ xử lý	1.579.368	117.614
Tài sản có khác	14.226	2
	2.107.180	438.350

(d) Dự phòng rủi ro cho các tài sản có khác

	2013 Triệu VND	2012 Triệu VND
Số dư đầu năm	92.398	12.248
Dự phòng trích lập trong năm	514.274	80.150
Trong đó:		
- Dự phòng trích lập cho các khoản phải thu khác (Thuyết minh 29)	384.255	13.138
- Dự phòng cho các tài sản có khác (Thuyết minh 28)	130.019	67.012
Sử dụng dự phòng	(112)	-
Số dư cuối năm	606.560	92.398

17. Các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

	31/12/2013 Triệu VND	31/12/2012 Triệu VND
Vay Ngân hàng Nhà nước Việt Nam		
Vay chiết khấu, tái chiết khấu các giấy tờ có giá (*)	1.885.457	-
Vay cầm cố các giấy tờ có giá	-	1.371.572
	1.885.457	1.371.572

(*) Đây là khoản vay chiết khấu, tái chiết khấu các giấy tờ có giá tại NHNNVN và được đảm bảo bởi khoản trái phiếu Chính phủ có giá trị 1.820.649 triệu VND (31/12/2012: không có) (Thuyết minh 11). Các khoản vay này có kỳ hạn gốc 7 ngày và chịu lãi suất 5,5/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

18. Tiền gửi và tiền vay từ các tổ chức tín dụng khác

	31/12/2013 Triệu VND	31/12/2012 Triệu VND
Tiền gửi không kỳ hạn	94.966	10.324.557
Tiền gửi không kỳ hạn bằng VND	65.035	8.443.016
Tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ	29.931	1.881.541
Tiền gửi có kỳ hạn	7.986.669	5.218.329
Tiền gửi có kỳ hạn bằng VND	5.734.429	3.903.119
Tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ	2.252.240	1.315.210
Tiền vay	5.052.417	10.112.831
Tiền vay bằng VND	2.882.553	8.403.925
Tiền vay bằng ngoại tệ	2.169.864	1.708.906
	13.134.052	25.655.717

Lãi suất năm tại thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2013	31/12/2012
Tiền gửi có kỳ hạn bằng VND	2,5% - 6,4%	9% - 14%
Tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ	0,5% - 1,4%	2,5% - 3,5%
Tiền vay bằng VND	3,5% - 10%	8% - 11%
Tiền vay bằng ngoại tệ	0,5% - 3,5%	2% - 3,8%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

19. Tiền gửi của khách hàng

	31/12/2013 Triệu VND	31/12/2012 Triệu VND
Tiền gửi không kỳ hạn	5.662.433	5.586.859
Tiền gửi không kỳ hạn bằng VND	5.314.409	5.357.391
Tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ	348.024	229.468
Tiền gửi có kỳ hạn	77.847.950	53.691.334
Tiền gửi có kỳ hạn bằng VND	71.106.552	50.725.261
Tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ	6.741.398	2.966.073
Tiền gửi vốn chuyên dùng	44.626	9.133
Tiền gửi vốn chuyên dùng bằng VND	44.544	9.052
Tiền gửi vốn chuyên dùng bằng ngoại tệ	82	81
Tiền ký quỹ	288.771	226.815
Tiền ký quỹ bằng VND	223.969	174.267
Tiền ký quỹ bằng ngoại tệ	64.802	52.548
	83.843.780	59.514.141

Tiền gửi của khách hàng theo đối tượng khách hàng như sau:

	31/12/2013 Triệu VND	31/12/2012 Triệu VND
Tổ chức kinh tế	25.168.793	17.300.260
Cá nhân	54.446.288	37.876.118
Đối tượng khác	4.228.699	4.337.763
	83.843.780	59.514.141

Lãi suất năm tại thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2013 Triệu VND	31/12/2012 Triệu VND
Tiền gửi có kỳ hạn bằng VND	1,2% - 9%	2% - 11%
Tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ	0,05% - 2%	0,05% - 2%

20. Phát hành giấy tờ có giá

	31/12/2013 Triệu VND	31/12/2012 Triệu VND
Dưới 12 tháng	-	2.166.100
Từ 12 tháng đến 5 năm	5.100.755	2.600.000
Trên 5 năm	2.500.000	-
	7.600.755	4.766.100

Giấy tờ có giá của VPBank bao gồm các loại trái phiếu bằng VND có lãi suất từ 9,2% đến 14%/năm (31/12/2012: từ 9% đến 14%/năm), lãi trả cuối kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

21. Các khoản nợ khác

(a) Các khoản lãi, phí phải trả

	31/12/2013 Triệu VND	31/12/2012 Triệu VND
Lãi phải trả cho tiền gửi	1.562.912	937.089
Lãi phải trả về phát hành các giấy tờ có giá	314.002	188.276
Lãi phải trả cho tiền vay	52.919	6.074
Lãi phải trả cho vốn tài trợ, ủy thác, đầu tư và cho vay	47	33.199
Lãi phải trả các công cụ tài chính phái sinh	76.384	21.815
Phí phải trả	234	248
	2.006.498	1.186.701

(b) Các khoản phải trả và nợ khác

	31/12/2013 Triệu VND	31/12/2012 Triệu VND (Điều chỉnh lại)
Các khoản phải trả nội bộ		
Phải trả nhân viên	158.681	105.890
Quý khen thưởng, phúc lợi	284	1.496
Các khoản phải trả bên ngoài		
Dự phòng thuế phải nộp (Thuyết minh 34)	266.922	103.605
Các khoản phải trả khác (i)	4.483.087	3.179.986
	4.908.974	3.390.977

(i) Các khoản phải trả khác bao gồm các khoản phải trả nhà đầu tư chứng khoán, chuyển tiền phải trả, lãi trái phiếu chờ phân bổ và các hợp đồng mua bán nợ.

(c) Dự phòng cho các cam kết ngoại bảng

Biến động dự phòng chung cho các cam kết ngoại bảng trong năm như sau:

	31/12/2013 Triệu VND	31/12/2012 Triệu VND
Số dư đầu năm	14.238	16.098
Dự phòng trích lập/(hoàn nhập) trong năm (Thuyết minh 29)	29.331	(1.860)
Số dư cuối năm	43.569	14.238

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

22. Vốn và các quỹ

(a) Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu hợp nhất

	Vốn cổ phần Triệu VND	Thặng dư vốn cổ phần Triệu VND	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ Triệu VND	Quỹ dự phòng tài chính Triệu VND	Quỹ đầu tư phát triển Triệu VND	Lợi nhuận chưa phân phối Triệu VND	Tổng cộng Triệu VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2012	5.050.000	1.369	18.170	133.175	35	793.496	5.996.245
Lợi nhuận thuần trong năm							
(Điều chỉnh lại)	-	-	-	-	-	715.481	715.481
Trích lập các quỹ	-	-	41.866	79.791	-	(121.657)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	(2.422)	(2.422)
Sử dụng các quỹ	-	-	-	(6)	-	-	(6)
Cổ phiếu thưởng	40.000	-	(40.000)	-	-	-	-
Trả cổ tức bằng cổ phiếu	680.000	-	-	-	-	(680.000)	-
Hoạt động khác	-	-	-	-	-	(194)	(194)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2013 (Điều chỉnh lại)	5.770.000	1.369	20.036	212.960	35	704.704	6.709.104
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	1.017.620	1.017.620
Trích lập các quỹ	-	-	33.908	61.383	-	(95.291)	-
Sử dụng các quỹ	-	-	-	(27)	-	-	(27)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2013	5.770.000	1.369	53.944	274.316	35	1.627.033	7.726.697

(b) Vốn cổ phần

	31/12/2013		31/12/2012	
	Số cổ phiếu	Triệu VND	Số cổ phiếu	Triệu VND
Vốn cổ phần được duyệt	577.000.000	5.770.000	577.000.000	5.770.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	577.000.000	5.770.000	577.000.000	5.770.000
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	577.000.000	5.770.000	577.000.000	5.770.000

Mệnh giá của mỗi cổ phiếu phổ thông của Ngân hàng là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Ngân hàng. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Ngân hàng công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của VPBank.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

23. Thu nhập lãi thuần

	2013 Triệu VND	2012 Triệu VND (Điều chỉnh lại)
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự		
Thu nhập lãi tiền gửi	790.353	1.618.639
Thu nhập lãi cho vay khách hàng	7.331.922	5.723.016
Thu lãi từ kinh doanh, đầu tư chứng khoán nợ	2.888.357	2.766.615
Thu nhập khác	114.545	232.669
	11.125.177	10.340.939
Chi phí lãi và các chi phí tương tự		
Trả lãi tiền gửi	(5.877.783)	(4.112.588)
Trả lãi tiền vay	(782.687)	(1.637.765)
Trả lãi phát hành giấy tờ có giá	(364.459)	(1.216.178)
Chi phí khác	(17.661)	(311.375)
	(7.042.590)	(7.277.906)
Thu nhập lãi thuần	4.082.587	3.063.033

24. Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ

	2013 Triệu VND	2012 Triệu VND
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ		
Dịch vụ bảo lãnh	69.078	23.224
Dịch vụ thanh toán và tiền mặt	110.793	71.247
Dịch vụ ủy thác và đại lý	197.191	338.224
Dịch vụ tư vấn	251.378	64.313
Dịch vụ đại lý bảo hiểm	47.174	17.006
Dịch vụ khác	204.595	157.838
	880.209	671.852
Chi phí hoạt động dịch vụ		
Dịch vụ thanh toán và tiền mặt	(56.918)	(43.598)
Chi phí bưu điện và mạng viễn thông	(9.068)	(14.485)
Dịch vụ ủy thác và đại lý	(58.182)	(116.927)
Dịch vụ tư vấn	(1.282)	(3.154)
Dịch vụ khác	(150.935)	(222.871)
	(276.385)	(401.035)
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	603.824	270.817

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

25. Lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh

	2013 Triệu VND	2012 Triệu VND
Thu nhập từ mua bán chứng khoán kinh doanh	151.134	118.944
Chi phí từ mua bán chứng khoán kinh doanh	(52.367)	(41.681)
Hoàn nhập/(trích lập) dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (Thuyết minh 7)	19.232	(3.350)
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	117.999	73.913

26. Lãi/(lỗ) thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư

	2013 Triệu VND	2012 Triệu VND
Thu nhập từ mua bán chứng khoán đầu tư	482.012	88.567
Chi phí từ mua bán chứng khoán đầu tư	(305.110)	(255.679)
Hoàn nhập/(trích lập) dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư (Thuyết minh 11)	9.000	(9.000)
Lãi/(lỗ) thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	185.902	(176.112)

27. Lãi thuần từ hoạt động khác

	2013 Triệu VND	2012 Triệu VND (Điều chỉnh lại)
Thu nhập từ hoạt động khác		
Thu nhập từ phạt vi phạm hợp đồng	55.705	81.674
Thu nhập từ hoạt động cho thuê văn phòng và kho bãi	-	8.490
Thu nhập khác	69.066	39.274
	124.771	129.438
Chi phí hoạt động khác		
Chi phí thanh lý tài sản cố định	(6.394)	-
Chi phí phạt vi phạm hợp đồng và vi phạm hành chính	(6.892)	(20.020)
Chi phí khác	(3.941)	(3.933)
	(17.227)	(23.953)
Lãi thuần từ hoạt động khác	107.544	105.485

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

28. Chi phí hoạt động

	2013 Triệu VND	2012 Triệu VND (Điều chỉnh lại)
Thuế, lệ phí và phí	5.378	8.386
Lương và các chi phí liên quan	1.156.511	797.556
Trong đó:		
(a) Lương và các khoản trợ cấp	998.475	674.084
(b) Các khoản chi đóng góp theo lương	76.120	72.630
(c) Trợ cấp	4.054	1.968
(d) Hoạt động xã hội	3.517	375
(e) Trợ cấp ăn ca	51.956	48.499
Chi phí tài sản	456.197	352.322
Trong đó: Khấu hao tài sản cố định	82.731	80.577
Chi phí hoạt động quản lý công vụ	642.490	293.653
Trong đó:		
(a) Công tác phí	24.186	18.227
(b) Hoạt động đoàn thể	2.308	1.888
(c) Chi phí quản lý công vụ khác	615.996	273.538
Trích lập dự phòng rủi ro cho các tài sản có khác (Thuyết minh 16(d))	130.019	67.012
Chi nộp bảo hiểm bảo toàn tiền gửi của khách hàng	61.734	34.086
Chi phí hoạt động khác	385.533	321.974
	2.837.862	1.874.989

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

29. Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng

	Thuyết minh	2013 Triệu VND	2012 Triệu VND (Điều chỉnh lại)
Trích lập dự phòng chung cho vay các tổ chức tín dụng khác	6	308	54.659
Trích lập dự phòng cụ thể cho vay các tổ chức tín dụng khác	6	5.720	-
Trích lập dự phòng chung cho vay khách hàng	10	129.718	45.656
Trích lập dự phòng cụ thể cho vay khách hàng	10	346.631	301.459
Trích lập dự phòng rủi ro cho các tài sản cố khác	16(d)	384.255	13.138
Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng chung cho các cam kết ngoại bảng	21(c)	29.331	(1.860)
		895.963	413.052

30. Thuế thu nhập

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	2013 Triệu VND	2012 Triệu VND (Điều chỉnh lại)
Chi phí thuế thu nhập hiện hành		
Năm hiện hành	331.592	239.137
Lợi ích thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh/(hoàn nhập) các chênh lệch tạm thời	5.634	(5.595)
Chi phí thuế thu nhập	337.226	233.542

(b) Đối chiếu thuế thu nhập doanh nghiệp

	2013 Triệu VND	2012 Triệu VND (Điều chỉnh lại)
Lợi nhuận trước thuế	1.354.846	949.023
<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>		
Thu nhập không chịu thuế	(11.628)	(17.092)
Chi phí không được khấu trừ thuế	5.283	1.829
Điều chỉnh thu nhập tính thuế năm nay theo biên bản quyết toán thuế các năm trước	(588)	(3.373)
Thu nhập tính thuế	1.347.913	930.387
Thuế theo thuế suất của VPBank (25%)	336.978	232.597
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập của năm trước vào chi phí thuế thu nhập năm nay	248	945
Tổng chi phí thuế thu nhập	337.226	233.542

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

c) Thuế suất áp dụng

Thuế suất thuế thu nhập của VPBank là 25% theo luật thuế thu nhập doanh nghiệp. Việc tính toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được rà soát và phê duyệt bởi cơ quan thuế.

Vào ngày 19 tháng 6 năm 2013, Quốc Hội đã phê duyệt Luật Sửa đổi Bổ sung một số điều của Luật Thuế Thu nhập Doanh Nghiệp. Theo đó, mức thuế suất thuế thu nhập cao nhất được giảm từ 25% xuống 22% cho năm 2014 và 2015, và giảm tiếp xuống 20% từ năm 2016.

31. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 được dựa trên lợi nhuận sau thuế là 1.017.620 triệu VND (31/12/2012: 715.481 triệu VND) và số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành là 577.000.000 cổ phiếu (2012: 577.000.000 cổ phiếu), được tính như sau:

(i) Lợi nhuận thuần sau thuế

	2013 Triệu VND	2012 Triệu VND (Điều chỉnh lại)
Lợi nhuận thuần sau thuế	1.017.620	715.481

ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	2013	2012
Số cổ phiếu phổ thông đã phát hành năm trước mang sang	577.000.000	505.000.000
Ảnh hưởng của số cổ phiếu thưởng và trả cổ tức bằng cổ phiếu đã phát hành trong năm 2012	-	72.000.000
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông cho năm	577.000.000	577.000.000

(iii) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	2013 Triệu VND	2012 Triệu VND (Điều chỉnh lại)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.764	1.240

32. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2013 Triệu VND	2012 Triệu VND
Tiền mặt và vàng	1.549.351	799.402
Tiền gửi tại NHNNVN	1.523.596	1.372.667
Tiền gửi không kì hạn tại các tổ chức tín dụng khác	1.168.103	11.060.515
Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng với kỳ hạn gốc không quá 3 tháng	745.360	4.755.401
Chứng khoán có thời gian đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua	481.624	-
	5.468.034	17.987.985

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

33. Tình hình thu nhập của cán bộ, công nhân viên

	2013	2012
Số lượng cán bộ, công nhân viên bình quân trong năm (người)	5.561	3.937
Thu nhập của cán bộ, công nhân viên		
1. Lương (Triệu VND)	998.475	674.084
2. Các khoản phụ cấp (Triệu VND)	56.010	50.467
	1.054.485	724.551
Tiền lương bình quân năm (Triệu VND)	180	171
Thu nhập bình quân năm (Triệu VND)	190	184

34. Tình hình thực hiện nghĩa vụ với Ngân sách Nhà nước

Năm kết thúc 31/12/2013	31/12/2012 Triệu VND (Điều chỉnh lại)	Số phát sinh trong năm Triệu VND	Số đã nộp trong năm Triệu VND	31/12/2013 Triệu VND
Thuế giá trị gia tăng	6.782	54.565	37.426	23.921
Thuế thu nhập doanh nghiệp	77.078	331.592	188.744	219.926
Các loại thuế khác	19.745	97.467	99.563	17.649
	103.605	483.624	325.733	261.496

Số thuế phải nộp trong năm nay bao gồm 266.922 triệu VND phải trả cho Ngân sách Nhà nước (Thuyết minh 21(b)) và 5.426 triệu VND phải thu do nộp thừa Ngân sách Nhà nước (Thuyết minh 16(a)).

Năm kết thúc 31/12/2012	31/12/2011 Triệu VND	Số phát sinh trong năm Triệu VND (Điều chỉnh lại)	Số đã nộp trong năm Triệu VND (Điều chỉnh lại)	31/12/2012 Triệu VND
Thuế giá trị gia tăng	1.137	57.522	51.877	6.782
Thuế thu nhập doanh nghiệp	93.680	239.424	256.026	77.078
Các loại thuế khác	9.083	62.806	52.144	19.745
	103.900	359.752	360.047	103.605

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

35. Báo cáo bộ phận

Bộ phận chia theo vùng địa lý

VPBank theo dõi thông tin chia theo các vùng địa lý chính tại Việt Nam như sau:

Tại ngày 31/12/2013	Miền Bắc Triệu VND	Miền Trung Triệu VND	Miền Nam Triệu VND	Cấn trừ Triệu VND	Tổng cộng Triệu VND
Tài sản	94.040.148	1.073.507	28.100.319	(1.949.604)	121.264.370
Nợ phải trả	83.097.691	3.347.691	28.126.895	(1.034.604)	113.537.673
Tài sản cố định	274.890	41.257	131.259	-	447.406
Năm 2013					
Doanh thu	10.207.130	209.254	4.049.395	(378.150)	14.087.629
Chi phí	9.191.410	388.382	3.449.208	(296.217)	12.732.783
Lợi nhuận trước thuế	1.015.720	(179.128)	600.187	(81.933)	1.354.846
Tại ngày 31/12/2012	Miền Bắc Triệu VND (Điều chỉnh lại)	Miền Trung Triệu VND	Miền Nam Triệu VND	Cấn trừ Triệu VND	Tổng cộng Triệu VND (Điều chỉnh lại)
Tài sản	86.829.263	4.493.146	13.043.185	(1.692.504)	102.673.090
Nợ phải trả	79.833.969	4.404.425	12.503.096	(777.504)	95.963.986
Tài sản cố định	298.299	98.897	61.001	-	458.197
Năm 2012					
Thu nhập	9.426.781	810.421	1.904.748	(130.830)	12.011.120
Chi phí	8.810.867	578.733	1.741.450	(68.953)	11.062.097
Lợi nhuận trước thuế	615.914	231.688	163.298	(61.877)	949.023

Bộ phận chia theo lĩnh vực kinh doanh

VPBank hoạt động trong lĩnh vực ngân hàng bán lẻ, quản lý tài sản và kinh doanh chứng khoán.

Tại ngày 31/12/2013	Ngân hàng Triệu VND	Quản lý tài sản Triệu VND	Kinh doanh chứng khoán Triệu VND	Cấn trừ Triệu VND	Tổng cộng Triệu VND
Tài sản	114.816.169	5.541.716	2.856.089	(1.949.604)	121.264.370
Nợ phải trả	107.342.619	5.320.454	1.909.204	(1.034.604)	113.537.673
Tài sản cố định	405.198	30.677	11.531	-	447.406
Năm 2013					
Thu nhập	13.523.675	414.762	527.342	(378.150)	14.087.629
Chi phí	12.258.636	411.488	358.876	(296.217)	12.732.783
Lợi nhuận trước thuế	1.265.039	3.274	168.466	(81.933)	1.354.846
Tại ngày 31/12/2012	Ngân hàng Triệu VND	Quản lý tài sản Triệu VND (Điều chỉnh lại)	Kinh doanh chứng khoán Triệu VND	Cấn trừ Triệu VND	Tổng cộng Triệu VND (Điều chỉnh lại)
Tài sản	98.696.210	3.093.724	2.575.660	(1.692.504)	102.673.090
Nợ phải trả	92.192.041	2.846.635	1.702.814	(777.504)	95.963.986
Tài sản cố định	403.331	35.686	19.180	-	458.197
Năm 2012					
Thu nhập	11.215.897	396.982	529.071	(130.830)	12.011.120
Chi phí	10.421.158	257.292	452.600	(68.953)	11.062.097
Lợi nhuận trước thuế	794.739	139.690	76.471	(61.877)	949.023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

36. Thuyết minh công cụ tài chính

(a) Chính sách quản lý rủi ro liên quan đến các công cụ tài chính

VPBank chịu những rủi ro sau từ các công cụ tài chính:

- ♦ rủi ro tín dụng
- ♦ rủi ro thanh khoản
- ♦ rủi ro thị trường

Thuyết minh này trình bày những thông tin về những rủi ro mà VPBank có thể gặp phải đối với mỗi loại rủi ro, và mục tiêu, chính sách và quy trình của VPBank nhằm đánh giá và quản lý rủi ro, và việc quản lý nguồn vốn của VPBank.

Khung quản lý rủi ro

Hội đồng Quản trị (“HĐQT”) Ngân hàng có trách nhiệm chung trong việc thiết lập và giám sát tình hình thực hiện một khuôn khổ quản lý rủi ro thống nhất của VPBank. Để hỗ trợ vai trò giám sát này, HĐQT Ngân hàng đã thành lập Hội đồng quản lý tài sản có/tài sản nợ (ALCO) và Hội đồng Quản lý Rủi ro (RCO), các hội đồng này có trách nhiệm xây dựng và giám sát các chính sách quản lý rủi ro quan trọng theo từng lĩnh vực được HĐQT ủy quyền và định kỳ báo cáo lên HĐQT về các hoạt động của mình. Thành viên của các hội đồng bao gồm các thành viên chuyên trách và không chuyên trách.

Khung quản lý rủi ro của VPBank được thiết lập nhằm xác lập các nguyên tắc chủ chốt trong hoạt động quản lý và kiểm soát những rủi ro trọng yếu phát sinh từ các hoạt động ngân hàng. Trên cơ sở này, chính sách quản lý rủi ro của VPBank được thiết lập nhằm xác định và phân tích những rủi ro mà VPBank gặp phải, nhằm lập ra các hạn mức rủi ro phù hợp và các biện pháp kiểm soát, và nhằm giám sát rủi ro và tuân thủ các hạn mức.

Các chính sách và hệ thống quản lý rủi ro được thường xuyên soát xét để cập nhật những thay đổi về điều kiện thị trường, các sản phẩm và dịch vụ VPBank cung cấp. Thông qua các hoạt động đào tạo và các tiêu chuẩn và hệ thống quản lý, VPBank hướng đến việc phát triển một môi trường kiểm soát có kỷ luật và có tính tích cực trong đó toàn bộ các nhân viên của VPBank hiểu rõ được vai trò và nghĩa vụ của mình.

(b) Rủi ro tín dụng

VPBank chịu rủi ro tín dụng trong hoạt động cấp tín dụng và đầu tư cũng như khi VPBank đóng vai trò trung gian thay mặt khách hàng hay các bên thứ ba khác hay khi VPBank cấp bảo lãnh. Rủi ro khi các bên đối tác không có khả năng thanh toán nợ được giám sát một cách liên tục. Rủi ro tín dụng chính mà VPBank gặp phải phát sinh từ các khoản cho vay và ứng trước của VPBank. Mức độ rủi ro tín dụng này được phản ánh theo giá trị ghi sổ của các tài sản trên bảng cân đối kế toán. Ngoài ra VPBank còn gặp phải rủi ro tín dụng ngoài bảng dưới dạng các cam kết cấp tín dụng và cấp bảo lãnh.

Quản lý rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro có tác động lớn nhất đến thu nhập và vốn của VPBank. VPBank xây dựng khẩu vị rủi ro tín dụng theo tôn chỉ quản lý các hoạt động tín dụng một cách thận trọng, theo các giới hạn đã xác định bao gồm giới hạn rủi ro tập trung tín dụng và nằm trong khả năng chịu đựng rủi ro của VPBank. Về nguyên tắc, VPBank không tham gia vào các hoạt động, sản phẩm tín dụng khi chưa có đầy đủ hiểu biết và các biện pháp kiểm soát rủi ro phù hợp. Để quản lý rủi ro tín dụng, VPBank chủ trương giao dịch với các đối tác đáng tin cậy, và yêu cầu đối tác phải có các biện pháp bảo đảm khi cần thiết.

Hệ thống quản lý rủi ro tín dụng được vận hành theo nguyên tắc độc lập và tập trung hóa. Theo đó, công tác xây dựng chính sách rủi ro, xác định giới hạn rủi ro và công tác theo dõi, báo cáo và kiểm soát rủi ro được thực hiện độc lập và tập trung tại Khối Quản trị Rủi ro. Các báo cáo của Khối Quản trị Rủi ro là cơ sở để RCO ban hành các quyết định tín dụng quan trọng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

VPBank thực hiện đo lường rủi ro tín dụng, thực hiện trích lập dự phòng và tuân thủ các tỷ lệ an toàn cho các khoản cho vay và ứng trước cho khách hàng và cho các tổ chức tín dụng khác trên cơ sở áp dụng các quy định của NHNNVN.

Cách tiếp cận tổng thể của VPBank đối với rủi ro tín dụng là cách tiếp cận theo mức độ rủi ro. Theo đó, các quyết định phê duyệt, định giá tín dụng cũng như các biện pháp ứng xử về giám sát, phân luồng tín dụng và kiểm soát rủi ro tín dụng đang được thiết kế phù hợp theo mức độ rủi ro của khách hàng. Để đạt được mục tiêu này, các hoạt động quan trọng mà VPBank đang thực hiện bao gồm những nội dung sau:

- Tập trung hoàn thiện cơ sở hạ tầng dữ liệu phục vụ công tác xây dựng các hệ thống xếp hạng tín dụng và phân loại rủi ro theo chuẩn mực quốc tế;
- Xây dựng và hoàn thiện hệ thống xếp hạng tín dụng và hệ thống chấm điểm;
- Tập hợp và rà soát các chính sách/văn bản tín dụng toàn hệ thống để đánh giá lại tính đồng bộ và mức độ đáp ứng các yêu cầu được đặt ra trong Chính sách khung quản trị rủi ro;
- Hoàn thiện cơ chế giám sát chất lượng tín dụng cho toàn bộ vòng đời của khoản vay;
- Xây dựng hệ thống cảnh báo sớm rủi ro tín dụng; và
- Xây dựng hệ thống thu hồi nợ và tái cấu trúc nợ.

Số liệu thể hiện mức độ rủi ro tín dụng nội bảng tối đa của VPBank không tính đến tài sản đảm bảo hay hỗ trợ tín dụng, bao gồm:

	Chưa quá hạn và chưa bị giảm giá Triệu VND	Đã quá hạn nhưng chưa bị giảm giá Triệu VND	Đã bị giảm giá và lập dự phòng đầy đủ Triệu VND	Tổng cộng Triệu VND
<i>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013</i>				
Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác - gộp	12.110.388	-	5.720	12.116.108
Chứng khoán kinh doanh (Chứng khoán nợ) - gộp	8.241.473	-	-	8.241.473
Cho vay khách hàng - gộp	48.531.102	1.573.705	2.369.316	52.474.123
Chứng khoán đầu tư (Chứng khoán nợ) - gộp	29.069.089	-	-	29.069.089
Tài sản tài chính khác - gộp	13.696.269	-	581.813	14.278.082
	111.648.321	1.573.705	2.956.849	116.178.875
<i>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012</i>				
Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác - gộp	26.815.586	-	-	26.815.586
Chứng khoán kinh doanh (Chứng khoán nợ) - gộp	1.268.805	-	-	1.268.805
Cho vay khách hàng - gộp	32.969.671	817.629	3.116.005	36.903.305
Chứng khoán đầu tư (Chứng khoán nợ) - gộp	22.173.016	-	-	22.173.016
Tài sản tài chính khác - gộp	12.393.646	-	26.354	12.420.000
	95.620.724	817.629	3.142.359	99.580.712

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Giá trị ghi sổ của tài sản đảm bảo VPBank nắm giữ làm tài sản thế chấp như sau:

	31/12/2013 Triệu VND	31/12/2012 Triệu VND
Bất động sản	85.080.187	71.921.260
Động sản	14.034.117	8.347.362
Giấy tờ có giá	11.944.826	8.186.861
Các tài sản đảm bảo khác	49.586.638	15.407.722
	160.645.768	103.863.205

VPBank không nắm giữ tài sản thế chấp mà VPBank được phép bán hoặc đem tài sản đó đi thế chấp cho bên thứ ba trong trường hợp chủ sở hữu tài sản vẫn có khả năng trả nợ.

(c) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản có thể xảy ra khi VPBank không cân đối đủ tiền để có thể đáp ứng đầy đủ các nghĩa vụ thanh toán đến hạn; hoặc có thể đáp ứng các nghĩa vụ thanh toán đến hạn nhưng phải chịu tổn thất lớn để thực hiện các nghĩa vụ đó. Rủi ro này có thể gây ra những ảnh hưởng tiêu cực đến lợi nhuận, vốn, danh tiếng của VPBank; thậm chí có thể làm cho VPBank bị phá sản.

Quản lý rủi ro thanh khoản

VPBank luôn duy trì một danh mục và khối lượng cụ thể của các tài sản có tính thanh khoản cao, có thể bao gồm nhưng không hạn chế: tiền mặt, vàng, tiền gửi liên ngân hàng, trái phiếu Chính phủ và các tài sản khác có tính thanh khoản cao khác để đảm bảo luôn đáp ứng đầy đủ các nghĩa vụ thanh toán đến hạn trong điều kiện bình thường cũng như trong hoàn cảnh căng thẳng mà không phát sinh các tổn thất không chấp nhận được hoặc gây ra tác động tiêu cực đến hình ảnh của VPBank. Trong từng thời kỳ, dựa trên cơ cấu về Tài sản Nợ - Tài sản Có của VPBank mà VPBank sẽ xây dựng các hạn mức chênh lệch thanh khoản cụ thể và tuân thủ nghiêm túc.

VPBank hiểu rõ mối quan hệ qua lại của các rủi ro tín dụng, thị trường tác động đến khả năng thanh khoản của VPBank. VPBank nhận thức rõ ràng rủi ro thanh khoản có thể đến từ hai phía của bảng cân đối tài sản VPBank. Vì vậy, cách tiếp cận quản lý rủi ro thanh khoản của VPBank luôn chú trọng việc đa dạng hóa hoạt động đầu tư, tín dụng và tăng cường khả năng tiếp cận thị trường vốn bằng nhiều công cụ và sản phẩm huy động vốn khác nhau.

Phòng Hỗ trợ ALCO thuộc Khối Tài chính thực hiện nhiệm vụ giám sát việc tuân thủ các hạn mức, chỉ số thanh khoản của VPBank, đồng thời xây dựng các báo cáo chi tiết về trạng thái thanh khoản của VPBank trình ALCO xem xét và đưa ra các quyết định phù hợp với chiến lược phát triển của VPBank và tình hình kinh doanh cũng như diễn biến thị trường ở từng giai đoạn khác nhau. VPBank áp dụng cả hai cách tiếp cận phổ biến về quản lý rủi ro thanh khoản là cách tiếp cận theo thời điểm và cách tiếp cận theo thời kỳ. Theo đó, VPBank theo dõi hàng ngày tình hình tuân thủ các tỷ lệ an toàn về thanh khoản và đồng thời dự báo biến động của các dòng tiền tác động đến khả năng thanh khoản của VPBank trong tương lai đảm bảo tại mọi thời điểm luôn tuân thủ đầy đủ các quy định của NHNNVN và các quy định nội bộ của VPBank.

Các giới hạn rủi ro thanh khoản được thiết lập dựa trên kết quả dự báo thanh khoản của VPBank trong hoàn cảnh bình thường cũng như trong các điều kiện căng thẳng trên thị trường. VPBank định kỳ thực hiện các kịch bản căng thẳng thanh khoản khác nhau để kiểm tra khả năng đáp ứng thanh khoản của VPBank trong các tình huống bất lợi. Đồng thời cũng ban hành quy định cụ thể về kế hoạch dự phòng thanh khoản (LCP) theo đó quy định rõ vai trò, trách nhiệm của từng đơn vị, cá nhân và quy trình phối hợp thực hiện ngay khi có dấu hiệu của một sự kiện căng thẳng thanh khoản có thể xảy ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Tỷ lệ thanh khoản theo quy định của Ngân hàng Nhà nước như sau:

- Tỷ lệ thanh khoản tối thiểu giữa các tài sản có tính thanh khoản cao như tiền và các khoản tương đương tiền, trái phiếu chính phủ, trái phiếu niêm yết và tổng nợ phải trả là 15%.
- Tỷ lệ tối thiểu giữa tài sản phải thu và công nợ phải trả trong vòng 7 ngày làm việc kế tiếp bằng 1.

	31/12/2013	31/12/2012
Tỷ lệ thanh khoản trong vòng 7 ngày tiếp theo (%) Tại ngày 31 tháng 12	182,08%	125,34%

Bảng dưới đây trình bày phân tích tài sản và nợ phải trả tài chính của VPBank theo các nhóm kỳ đáo hạn tương ứng tính theo thời hạn còn lại từ ngày kết thúc niên độ kế toán đến ngày phải thanh toán.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 (Triệu VND)	Quá hạn trên 3 tháng	Quá hạn dưới 3 tháng	Đến 1 tháng	Từ 1 đến 3 tháng	Từ 3 đến 12 tháng	Từ 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Tổng cộng
Tài sản								
Tiền mặt và vàng	-	-	1.549.351	-	-	-	-	1.549.351
Tiền gửi tại NHNNVN	-	-	1.523.596	-	-	-	-	1.523.596
Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác - gộp	5.720	-	4.154.375	5.460.826	2.495.187	-	-	12.116.108
Chứng khoán kinh doanh - gộp	-	-	6.738.733	426.963	53.562	1.054.114	236.968	8.510.340
Cho vay khách hàng - gộp	1.474.296	2.468.725	9.482.535	5.854.499	10.894.527	14.014.632	8.284.909	52.474.123
Chứng khoán đầu tư - gộp	-	-	303.345	678.769	10.299.764	15.051.646	2.833.965	29.167.489
Góp vốn, đầu tư dài hạn - gộp	-	-	-	-	-	-	72.304	72.304
Tài sản tài chính khác - gộp	581.813	-	12.946.119	-	-	750.150	-	14.278.082
	2.061.829	2.468.725	36.698.054	12.421.057	23.743.040	30.870.542	11.428.146	119.691.393
Nợ phải trả								
Các khoản nợ Chính phủ và NHNNVN	-	-	1.885.457	-	-	-	-	1.885.457
Tiền gửi và tiền vay các tổ chức tín dụng khác	-	-	8.708.726	1.800.052	2.625.274	-	-	13.134.052
Tiền gửi của khách hàng	-	-	29.867.944	20.651.497	33.125.124	198.730	485	83.843.780
Công cụ tài chính phái sinh	-	-	50.851	-	-	-	-	50.851
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay tổ chức tín dụng chịu rủi ro	-	-	-	-	-	63.737	-	63.737
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	-	-	-	5.100.755	2.500.000	7.600.755
Các khoản nợ phải trả tài chính khác	-	-	2.648.192	-	3.680.347	-	-	6.328.539
	-	-	43.161.170	22.451.549	39.430.745	5.363.222	2.500.485	112.907.171
Mức chênh lệch thanh khoản ròng	2.061.829	2.468.725	(6.463.116)	(10.030.492)	(15.687.705)	25.507.320	8.927.661	6.784.222

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 (Triệu VND)	Quá hạn trên 3 tháng	Quá hạn dưới 3 tháng	Đến 1 tháng	Từ 1 đến 3 tháng	Từ 3 đến 12 tháng	Từ 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Tổng cộng
Tài sản								
Tiền mặt và vàng	-	-	799.402	-	-	-	-	799.402
Tiền gửi tại NHNNVN	-	-	1.372.667	-	-	-	-	1.372.667
Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác – góp	-	-	16.618.946	2.485.000	5.124.000	2.587.640	-	26.815.586
Chứng khoán kinh doanh – góp	-	-	102.264	175.300	18.790	997.408	72.853	1.366.615
Công cụ tài chính phái sinh và các công cụ tài chính khác	-	-	-	-	57.471	-	-	57.471
Cho vay khách hàng – góp	1.003.287	2.930.347	2.470.591	5.786.207	16.586.310	6.873.298	1.253.265	36.903.305
Chứng khoán đầu tư – góp	-	-	911.784	1.600.196	2.740.000	17.011.036	-	22.263.016
Góp vốn, đầu tư dài hạn – góp	-	-	-	-	-	-	67.811	67.811
Tài sản tài chính khác – góp	-	26.354	4.235.697	1.928.465	5.153.754	1.075.730	-	12.420.000
	1.003.287	2.956.701	26.511.351	11.975.168	29.680.325	28.545.112	1.393.929	102.065.873
Nợ phải trả								
Các khoản nợ Chính phủ và NHNNVN	-	-	1.371.572	-	-	-	-	1.371.572
Tiền gửi và tiền vay các tổ chức tín dụng khác	-	-	17.178.924	3.559.659	4.917.134	-	-	25.655.717
Tiền gửi của khách hàng	-	-	30.819.243	12.212.616	15.873.722	603.441	5.119	59.514.141
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay tổ chức tín dụng chịu rủi ro	-	-	-	-	64.540	-	-	64.540
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	-	166.100	2.000.000	2.600.000	-	4.766.100
Các khoản nợ phải trả tài chính khác	-	-	2.067.747	1.140.864	262.483	826.736	-	4.297.830
	-	-	51.437.486	17.079.239	23.117.879	4.030.177	5.119	95.669.900
Mức chênh lệch khoản ròng	1.003.287	2.956.701	(24.926.135)	(5.104.071)	6.562.446	24.514.935	1.388.810	6.395.973

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

(d) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro gây ra tác động tiêu cực đối với thu nhập, vốn của VPBank do những biến động bất lợi của các mức giá, giá trị có liên quan trên thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm rủi ro lãi suất, rủi ro tỷ giá và rủi ro giá. Mục tiêu của việc quản lý rủi ro thị trường là để quản lý và kiểm soát các nguy cơ về rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được đồng thời tối đa hóa lợi ích thu được trên rủi ro.

Quản lý rủi ro thị trường

Công tác quản lý rủi ro thị trường được thực hiện tại phòng Quản trị Rủi ro thị trường thuộc Khối quản trị rủi ro. Phòng Quản trị Rủi ro thị trường chịu trách nhiệm xây dựng chi tiết các chính sách, quy trình, công cụ, hướng dẫn phương pháp đo lường rủi ro thị trường, đề xuất hạn mức rủi ro thị trường độc lập trình cấp thẩm quyền phê duyệt và thực hiện giám sát hạn mức rủi ro thị trường hàng ngày/hàng tháng theo quy định của VPBank.

Từ năm 2012, Chính sách quản lý rủi ro thị trường ban hành đã đưa ra những nguyên tắc cơ bản và hệ thống công cụ, giới hạn rủi ro thị trường kiểm soát hoạt động kinh doanh (trading book) và các trạng thái rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng (banking book). Với các công cụ sử dụng kiểm soát như hạn mức trạng thái ngoại tệ rỗng, hạn mức thay đổi của danh mục đầu tư trên một điểm cơ bản (Present value of a basis point - PV01), hạn mức chênh lệch dòng tiền, kỳ hạn và đo lường chênh lệch kỳ hạn (theo mô hình Repricing - Khe hở định giá lại).

Trong tương lai, khi các điều kiện về cơ sở hạ tầng và mức độ sẵn có của dữ liệu đã sẵn sàng, Ngân hàng sẽ áp dụng các phương pháp ưu việt hơn như Value at Risk (VaR), Mô phỏng Monte Carlo... để đo lường chính xác mức độ rủi ro và xác định mức phân bổ vốn cần thiết để bù đắp rủi ro thị trường theo các chuẩn mực của Basel II.

Công tác dự báo diễn biến thị trường có vai trò quan trọng trong hoạt động quản lý rủi ro thị trường. Bộ phận quản lý rủi ro thị trường phối hợp với các đơn vị chuyên trách thực hiện nhiệm vụ thu thập và phân tích thông tin, dữ liệu để đưa ra những dự báo nhận biết những thay đổi tiềm ẩn trên thị trường. Từ đó, VPBank có cơ sở đầy đủ để quyết định những biện pháp phòng ngừa rủi ro hiệu quả.

Trong thời gian tới, VPBank sẽ chủ động nghiên cứu các mô hình đo lường rủi ro đối với các công cụ phái sinh để đảm bảo sẵn sàng kiểm soát các loại rủi ro này khi VPBank quyết định cung ứng những sản phẩm này trên thị trường Việt Nam.

(i) Rủi ro tiền tệ

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính bị biến động xuất phát từ biến động tỷ giá. VPBank được thành lập và hoạt động tại Việt Nam với đồng tiền báo cáo là VND. Trong khi đó cơ cấu Tài sản - Nguồn vốn của VPBank bao gồm cả các ngoại tệ khác (như USD, EUR, AUD,...) do đó có phát sinh rủi ro tiền tệ.

Quản lý rủi ro tiền tệ

VPBank đã thiết lập hạn mức trạng thái cho từng loại tiền tệ dựa trên hệ thống đánh giá rủi ro nội bộ của VPBank và các quy định của NHNNVN. Đồng tiền giao dịch chính của VPBank cũng là VND. Các khoản cho vay khách hàng của VPBank chủ yếu bằng VND và Đô la Mỹ. Một số tài sản khác của VPBank bằng ngoại tệ khác ngoài VND và Đô la Mỹ. Trạng thái đồng tiền được quản lý hàng ngày và chiến lược phòng ngừa rủi ro được VPBank sử dụng để đảm bảo trạng thái đồng tiền được duy trì trong hạn mức đã thiết lập.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 (Triệu VND)	VND	USD	EUR	Vàng	Tiền tệ khác	Tổng cộng
Tài sản						
Tiền mặt và vàng	435.543	207.046	665.769	37.591	203.402	1.549.351
Tiền gửi tại NHNNVN	1.511.340	12.256	-	-	-	1.523.596
Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác - gộp	10.213.756	1.847.285	22.220	-	32.847	12.116.108
Chứng khoán kinh doanh - gộp	6.641.889	1.868.451	-	-	-	8.510.340
Cho vay khách hàng - gộp	48.846.641	3.627.482	-	-	-	52.474.123
Chứng khoán đầu tư - gộp	27.875.521	1.291.968	-	-	-	29.167.489
Góp vốn, đầu tư dài hạn - gộp	72.304	-	-	-	-	72.304
Tài sản tài chính khác - gộp	14.087.068	133.776	6.368	50.550	320	14.278.082
	109.684.062	8.988.264	694.357	88.141	236.569	119.691.393
Nợ phải trả						
Các khoản nợ Chính phủ và NHNNVN	1.885.457	-	-	-	-	1.885.457
Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác	8.696.187	4.437.865	-	-	-	13.134.052
Tiền gửi của khách hàng	76.675.300	6.572.584	399.043	-	196.853	83.843.780
Công cụ tài chính phái sinh	827.901	(1.090.576)	267.725	-	45.801	50.851
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay tổ chức tín dụng chịu rủi ro	62.184	1.553	-	-	-	63.737
Phát hành giấy tờ có giá	7.600.755	-	-	-	-	7.600.755
Các khoản nợ phải trả tài chính khác	6.280.661	41.742	4.569	-	1.567	6.328.539
	102.028.445	9.963.168	671.337	-	244.221	112.907.171
Trạng thái tiền tệ	7.655.617	(974.904)	23.020	88.141	(7.652)	6.784.222

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 (Triệu VND)	VND	USD	EUR	Vàng	Tiền tệ khác	Tổng cộng
Tài sản						
Tiền mặt và vàng	357.288	110.692	158.049	160.869	12.504	799.402
Tiền gửi tại NHNNVN	1.219.665	153.002	-	-	-	1.372.667
Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác – gộp	22.110.109	4.115.921	570.868	-	18.688	26.815.586
Chứng khoán kinh doanh – gộp	1.366.615	-	-	-	-	1.366.615
Công cụ tài chính phái sinh và các công cụ tài chính khác	100.797	(1.241.243)	902.395	-	295.522	57.471
Cho vay khách hàng - gộp	35.091.419	1.807.114	4.772	-	-	36.903.305
Chứng khoán đầu tư – gộp	22.054.816	208.200	-	-	-	22.263.016
Góp vốn, đầu tư dài hạn – gộp	67.811	-	-	-	-	67.811
Tài sản tài chính khác – gộp	11.307.773	895.490	3.624	212.962	151	12.420.000
	93.676.293	6.049.176	1.639.708	373.831	326.865	102.065.873
Nợ phải trả						
Các khoản nợ Chính phủ và NHNNVN	1.371.572	-	-	-	-	1.371.572
Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác	20.750.060	4.631.447	274.210	-	-	25.655.717
Tiền gửi của khách hàng	56.266.945	1.565.341	1.362.786	-	319.069	59.514.141
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay tổ chức tín dụng chịu rủi ro	62.893	1.647	-	-	-	64.540
Phát hành giấy tờ có giá	4.766.100	-	-	-	-	4.766.100
Các khoản nợ phải trả tài chính khác	3.801.501	109.814	11.910	373.138	1.467	4.297.830
	87.019.071	6.308.249	1.648.906	373.138	320.536	95.669.900
Trạng thái tiền tệ	6.657.222	(259.073)	(9.198)	693	6.329	6.395.973

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Với giả định các biến số, đặc biệt là lãi suất, không thay đổi, bảng dưới đây phân tích mức độ ảnh hưởng tới báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 của VPBank trong trường hợp:

VND tăng giá 2% so với USD:

Mức độ ảnh hưởng tới báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế		
	31/12/2013 Triệu VND	31/12/2012 Triệu VND
USD	114.834	3.886

VND giảm giá 2% so với USD:

Mức độ ảnh hưởng tới báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế		
	31/12/2013 Triệu VND	31/12/2012 Triệu VND
USD	(114.834)	(3.886)

Rủi ro về giá chứng khoán

Rủi ro về giá chứng khoán phát sinh từ chứng khoán do VPBank nắm giữ. VPBank theo dõi các chứng khoán trong danh mục đầu tư dựa trên các chỉ số thị trường. Các khoản đầu tư trọng yếu trong danh mục đầu tư được quản lý riêng rẽ.

Chứng khoán kinh doanh và chứng khoán đầu tư của VPBank bị ảnh hưởng bởi rủi ro giá thị trường phát sinh từ sự không chắc chắn về những biến động của giá thị trường tương lai của các chứng khoán này. VPBank quản lý rủi ro giá chứng khoán vốn bằng việc đa dạng hóa danh mục đầu tư và thận trọng trong việc lựa chọn các chứng khoán để đầu tư trong hạn mức quy định.

(ii) Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro gây ra tác động tiêu cực đối với thu nhập, vốn của VPBank do những biến động bất lợi của lãi suất. Rủi ro lãi suất phát sinh khi có sự chênh lệch về thời hạn giữa tài sản có nhạy cảm lãi suất và tài sản nợ nhạy cảm lãi suất được huy động tài trợ cho các tài sản có đó. Các hoạt động chính của VPBank tạo ra rủi ro lãi suất gồm: các hoạt động cho vay, huy động, đầu tư.

Quản lý rủi ro lãi suất

Việc đánh giá rủi ro lãi suất được đo lường dựa trên mô hình tái định giá (Repricing Model) để phân tích và xem xét thông qua 2 cách thức chính:

- ♦ *Phân tích thay đổi về thu nhập lãi ròng*: dựa trên phương pháp tính lãi cộng dồn do thay đổi về lãi suất theo các kịch bản khác nhau. Cách thức phân tích thay đổi về thu nhập lãi ròng được xem xét tác động trong ngắn hạn.
- ♦ *Phân tích ảnh hưởng giá trị vốn kinh tế (EVE)*: giá trị này thể hiện tác động của các biến động về lãi suất lên giá trị kinh tế của tài sản có, tài sản nợ trong nội bảng và các tài sản trên bảng mục ngoại bảng. Cách thức phân tích ảnh hưởng giá trị vốn kinh tế được xem xét tác động trong dài hạn tới VPBank đối với những biến động của lãi suất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bảng dưới đây trình bày các tài sản và nợ phải trả của VPBank được phân loại theo kỳ hạn tính từ ngày kết thúc niên độ kế toán đến ngày xác định lại lãi suất gần nhất hoặc theo ngày đáo hạn của hợp đồng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 (Triệu VND)	Quá hạn	Không chịu lãi	Dưới 1 tháng	Từ 1 đến 3 tháng	Từ 3 đến 6 tháng	Từ 6 đến 12 tháng	Trên 1 năm	Tổng cộng
Tài sản								
Tiền mặt và vàng	-	1.549.351	-	-	-	-	-	1.549.351
Tiền gửi tại NHNNVN	-	-	1.523.596	-	-	-	-	1.523.596
Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác - gộp	5.720	-	4.154.375	5.460.826	2.495.187	-	-	12.116.108
Chứng khoán kinh doanh - gộp	33.407	8.476.933	-	-	-	-	-	8.510.340
Cho vay khách hàng - gộp	3.943.021	-	23.230.161	15.072.642	5.505.889	1.670.413	3.051.997	52.474.123
Chứng khoán đầu tư - gộp	-	735.095	303.345	678.769	1.451.670	8.848.094	17.150.516	29.167.489
Góp vốn, đầu tư dài hạn - gộp	-	72.304	-	-	-	-	-	72.304
Tài sản tài chính khác - gộp	581.813	12.946.119	-	-	-	-	750.150	14.278.082
	4.563.961	23.779.802	29.211.477	21.212.237	9.452.746	10.518.507	20.952.663	119.691.393
Nợ phải trả								
Các khoản nợ Chính phủ và NHNNVN	-	-	1.885.457	-	-	-	-	1.885.457
Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác	-	-	8.708.726	1.800.052	1.536.914	1.088.360	-	13.134.052
Tiền gửi của khách hàng	-	-	29.867.943	20.651.497	19.289.491	13.835.633	199.216	83.843.780
Công cụ tài chính phái sinh	-	50.851	-	-	-	-	-	50.851
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay tổ chức tín dụng chịu rủi ro	-	-	-	-	63.737	-	-	63.737
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	-	-	-	2.000.755	5.600.000	7.600.755
Các khoản nợ phải trả tài chính khác	-	6.328.539	-	-	-	-	-	6.328.539
	-	6.379.390	40.462.126	22.451.549	20.890.142	16.924.748	5.799.216	112.907.171
Mức chênh lệch cảm với lãi suất	4.563.961	17.400.412	(11.250.649)	(1.239.312)	(11.437.396)	(6.406.241)	15.153.447	6.784.222

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 (Triệu VND)	Quá hạn	Không chịu lãi	Dưới 1 tháng	Từ 1 đến 3 tháng	Từ 3 đến 6 tháng	Từ 6 đến 12 tháng	Trên 1 năm	Tổng cộng
Tài sản								
Tiền mặt và vàng	-	799.402	-	-	-	-	-	799.402
Tiền gửi tại NHNNVN	-	-	1.372.667	-	-	-	-	1.372.667
Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác - gộp	-	132.450	16.432.496	2.485.000	1.760.000	3.364.000	2.641.640	26.815.586
Chứng khoán kinh doanh - gộp	-	97.810	4.454	175.300	-	18.790	1.070.261	1.366.615
Công cụ tài chính phái sinh và các công cụ tài chính khác	-	57.471	-	-	-	-	-	57.471
Cho vay khách hàng - gộp	3.933.634	-	7.390.301	12.066.171	5.225.450	3.239.240	5.048.509	36.903.305
Chứng khoán đầu tư - gộp	-	90.000	821.784	1.600.196	1.540.000	1.200.000	17.011.036	22.263.016
Góp vốn, đầu tư dài hạn - gộp	-	67.811	-	-	-	-	-	67.811
Tài sản tài chính khác - gộp	26.354	3.689.399	546.266	1.928.465	2.056.786	3.097.000	1.075.730	12.420.000
	3.959.988	4.934.343	26.567.968	18.255.132	10.582.236	10.919.030	26.847.176	102.065.873
Nợ phải trả								
Các khoản nợ Chính phủ và NHNNVN	-	-	1.371.572	-	-	-	-	1.371.572
Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác	-	-	17.178.924	3.559.659	2.971.246	1.945.888	-	25.655.717
Tiền gửi của khách hàng	-	-	25.716.294	10.565.323	6.318.035	10.586.389	6.328.100	59.514.141
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay tổ chức tín dụng chịu rủi ro	-	-	-	-	64.540	-	-	64.540
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	-	166.100	-	2.000.000	2.600.000	4.766.100
Các khoản nợ phải trả tài chính khác	-	3.223.236	(14.625)	-	197.400	65.083	826.736	4.297.830
	-	3.223.236	44.252.165	14.291.082	9.551.221	14.597.360	9.754.836	95.669.900
Mức chênh lệch cảm với lãi suất	3.959.988	1.711.107	(17.684.197)	3.964.050	1.031.015	(3.678.330)	17.092.340	6.395.973

Bảng dưới đây phân tích tính độ mức độ ảnh hưởng tới báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và vốn chủ sở hữu của VPBank trong vòng 1 năm với giả định lãi suất huy động và cho vay tăng tại thời điểm ngày 31 tháng 12. Kết quả ngược lại nếu giả định lãi suất huy động và cho vay giảm.

	Mức tăng lãi suất giả định	Mức độ ảnh hưởng tới báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế Triệu VND	Mức độ ảnh hưởng tới vốn chủ sở hữu Triệu VND
<i>Năm kết thúc ngày 31/12/2013</i>			
VND	3%	(230.565)	(230.565)
USD	1,5%	(49.410)	(49.410)
<i>Năm kết thúc ngày 31/12/2012</i>			
VND	3%	120.459	120.459
USD	1,5%	9.804	9.804

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

(e) Thuyết minh về giá trị hợp lý

Thông tư 210/2012/TT-BTC ban hành ngày 6 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") yêu cầu thuyết minh về phương pháp xác định giá trị hợp lý và các thông tin về giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính để có thể so sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ.

Bảng sau trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính của VPBank tại ngày 31 tháng 12 năm 2013:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 (Triệu VND)	Giá trị ghi sổ						
	Giá trị hợp lý thông qua BCKQHĐKD (Triệu VND)	Giữ đến ngày đáo hạn (Triệu VND)	Cho vay và phải thu (Triệu VND)	Sẵn sàng để bán (Triệu VND)	Hạch toán theo giá trị phân bổ (Triệu VND)	Tổng cộng giá trị ghi sổ (Triệu VND)	Giá trị hợp lý (Triệu VND)
Tài sản tài chính							
Tiền mặt và vàng	-	-	1.549.351	-	-	1.549.351	1.549.351
Tiền gửi tại NHNNVN	-	-	1.523.596	-	-	1.523.596	*
Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác	-	-	12.055.421	-	-	12.055.421	*
Chứng khoán kinh doanh	8.508.797	-	-	-	-	8.508.797	*
Cho vay khách hàng	-	-	51.869.416	-	-	51.869.416	*
Chứng khoán đầu tư	-	636.695	-	28.530.794	-	29.167.489	*
Góp vốn, đầu tư dài hạn	-	-	-	71.831	-	71.831	*
Tài sản tài chính khác	-	-	13.671.522	-	-	13.671.522	*
	8.508.797	636.695	80.669.306	28.602.625	-	118.417.423	
Nợ phải trả tài chính							
Tiền gửi và vay từ NHNNVN	-	-	-	-	1.885.457	1.885.457	*
Tiền gửi và vay từ các tổ chức tín dụng khác	-	-	-	-	13.134.052	13.134.052	*
Tiền gửi của khách hàng	-	-	-	-	83.843.780	83.843.780	*
Các công cụ tài chính phái sinh	-	-	-	-	50.851	50.851	*
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay tổ chức tín dụng chịu rủi ro	-	-	-	-	63.737	63.737	*
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	-	-	7.600.755	7.600.755	*
Các khoản nợ phải trả tài chính khác	-	-	-	-	6.328.539	6.328.539	*
	-	-	-	-	112.907.171	112.907.171	

* VPBank chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất bởi vì không có giả niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 (Triệu VND)	Giá trị ghi số						
	Giá trị hợp lý thông qua BCKQHĐKD (Triệu VND)	Giữ đến ngày đáo hạn (Triệu VND)	Cho vay và phải thu (Triệu VND)	Sẵn sàng để bán (Triệu VND)	Hạch toán theo giá trị phân bổ (Triệu VND)	Tổng cộng giá trị ghi số (Triệu VND)	Giá trị hợp lý (Triệu VND)
Tài sản tài chính							
Tiền mặt và vàng	-	-	799.402	-	-	799.402	799.402
Tiền gửi tại NHNNVN	-	-	1.372.667	-	-	1.372.667	*
Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác	-	-	26.760.927	-	-	26.760.927	*
Chứng khoán kinh doanh	1.345.840	-	-	-	-	1.345.840	*
Các công cụ tài chính phải sinh	57.471	-	-	-	-	57.471	*
Cho vay khách hàng	-	-	36.523.123	-	-	36.523.123	*
Chứng khoán đầu tư	-	-	-	22.254.016	-	22.254.016	*
Góp vốn, đầu tư dài hạn	-	-	-	67.338	-	67.338	*
Tài sản tài chính khác	-	-	12.327.602	-	-	12.327.602	*
	1.403.311	-	77.783.721	22.321.354	-	101.508.386	
Nợ phải trả tài chính							
Tiền gửi của và vay từ NHNNVN và các tổ chức tín dụng khác	-	-	-	-	27.027.289	27.027.289	*
Tiền gửi của khách hàng	-	-	-	-	59.514.141	59.514.141	*
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay tổ chức tín dụng chịu rủi ro	-	-	-	-	64.540	64.540	*
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	-	-	4.766.100	4.766.100	*
Các khoản nợ phải trả tài chính khác	-	-	-	-	4.297.830	4.297.830	*
	-	-	-	-	95.669.900	95.669.900	

* VPBank chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất bởi vì không có giả niệm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi số.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

37. Số liệu so sánh

Thực hiện theo Biên bản thanh tra thuế năm 2012 của VPBank AMC ngày 31 tháng 7 năm 2013, VPBank điều chỉnh lại một số số liệu so sánh và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012. Bên cạnh đó, một số số liệu được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày năm hiện thời. Bảng so sánh số liệu đã trình bày trong năm trước và sau khi được điều chỉnh/ phân loại lại như sau:

	31/12/2012 Triệu VND (Điều chỉnh lại)	31/12/2012 Triệu VND (Điều chỉnh)	31/12/2012 Triệu VND (Phân loại lại)	31/12/2012 Triệu VND (Theo báo cáo trước đây)
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN				
Tài sản cố khác	13.034.109	96.815	-	12.937.294
Các khoản nợ khác	4.591.916	24.728	-	4.567.188
Lợi nhuận chưa phân phối	704.704	72.087	-	632.617
	2012 Triệu VND (Điều chỉnh lại)	2012 Triệu VND (Điều chỉnh)	2012 Triệu VND (Phân loại lại)	2012 Triệu VND (Theo báo cáo trước đây)
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Chi phí lãi và các chi phí tương tự	(7.277.906)	95.872	-	(7.373.778)
Thu nhập từ hoạt động khác	129.438	7.770	-	121.668
Chi phí hoạt động	(1.874.989)	(7.351)	13.138	(1.880.776)
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	(413.052)	-	(13.138)	(399.914)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	(239.137)	(24.204)	-	(214.933)
Lợi nhuận sau thuế	715.481	72.087	-	643.394
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	1.240	125	-	1.115
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ				
Những thay đổi về tài sản hoạt động				
Tài sản hoạt động khác	(4.366.854)	24.728	-	(4.342.126)
Những thay đổi về nợ hoạt động				
Các khoản nợ hoạt động khác	(1.145.637)	(24.728)	-	(1.170.365)

Người lập:

Nguyễn Thị Thu Hằng
Kế toán trưởng

Người duyệt:

Lưu Thị Thảo
Phó Tổng Giám đốc
kiêm Giám đốc Tài chính



Nguyễn Đức Vinh
Tổng Giám đốc

Ngày 5 tháng 3 năm 2014



BÁO CÁO
QUẢN TRỊ CÔNG TY

Tiếp tục các nỗ lực từ năm 2012 trong việc tăng cường, củng cố khuôn khổ quản trị công ty, trong năm 2013, các cơ chế then chốt cho sự vận hành của các cơ quan quản trị chính, các quyền cổ đông, việc thực hiện các hành động nhằm ngăn ngừa xung đột lợi ích và sự minh bạch thông tin của VPBank cũng tiếp tục được chú trọng hoàn thiện.

I. Hoàn chỉnh Điều lệ công ty

Các thông lệ tốt nhất về quản trị công ty yêu cầu một tổ chức phải thiết lập một khuôn khổ quản trị công ty, trước hết là thông qua Điều lệ và các văn bản nội bộ khác như Quy chế Hội đồng Quản trị (HDQT) và Quy chế Quản trị công ty v.v.

Điều lệ VPBank đã được xây dựng chi tiết và khá rõ ràng, thể hiện mục tiêu, lĩnh vực và phạm vi hoạt động của Ngân hàng. Điều lệ cung cấp lượng thông tin cần thiết liên quan đến cấu trúc quản trị, các quyền của cổ đông, việc công bố thông tin, chế độ kế toán, giải quyết xung đột và tái tổ chức công ty. Các nội dung của Điều lệ được xây dựng phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành và thể hiện tính tuân thủ cao.

Từ năm 2009 đến nay, định kỳ hàng năm, Ngân hàng đều tổ chức xem xét việc sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ cho phù hợp với các quy định hiện hành và trình Đại hội đồng Cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên thông qua. Tại phiên họp thường niên ngày 26/04/2013, ĐHCĐ VPBank đã thông qua việc sửa đổi, bổ sung 20 điểm lớn trong bản Điều lệ năm 2012 nhằm khắc phục tình trạng có một số nội dung trong Điều lệ đang dẫn chiếu đến các quy định của pháp luật, gây khó khăn trong việc sử dụng, theo dõi do phải tra cứu thêm các văn bản pháp luật; phân tách rõ các điều khoản quy định về quyền hạn và trách nhiệm của các đơn vị, cá nhân như: HDQT, Ban Kiểm soát (BKS), thành viên HDQT, thành viên BKS; quy định cụ thể hơn các nội dung về vấn đề thù lao của thành viên HDQT, BKS; quy định về cơ quan có thẩm quyền lựa chọn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán hoạt động của VPBank trong năm tài chính tiếp theo.

Bản Điều lệ của VPBank đã được đăng ký với Ngân hàng Nhà nước theo quy định và công bố rộng rãi với cổ đông và đối tác trên website của VPBank. Bản Điều lệ này sẽ tiếp tục được hoàn thiện hàng năm để đảm bảo thể hiện các nhu cầu hiện tại của Ngân hàng và phù hợp với các quy định và thông lệ tốt nhất.

II. Thông tin về Cổ đông và ĐHCĐ

Cổ đông là người sở hữu cổ phần của VPBank. Tại thời điểm 31/12/2013, Ngân hàng có 3.710 cổ đông, trong đó chủ yếu là cổ đông cá nhân. Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông được quy định cụ thể tại Điều lệ Ngân hàng và tất cả các cổ đông đều có quyền tra cứu Điều lệ này bất cứ lúc nào tại phần dành riêng cho cổ đông trên website của Ngân hàng.

Ngoài quyền lập nhóm cổ đông sở hữu từ 10% cổ phần phổ thông liên tục trong 6 tháng để đề cử, ứng cử người vào HDQT thì Điều lệ Ngân hàng cũng quy định về việc bầu đôn phiếu, cho phép các cổ đông thiểu số có quyền bầu người đại diện của mình tham gia vào HDQT.

Ngân hàng chỉ có cổ phần phổ thông và không có cổ phần ưu đãi. Ngân hàng luôn coi trọng quyền lợi của cổ đông và luôn nỗ lực để cung cấp cho cổ đông những thông tin quan trọng về quá trình phát triển của Ngân hàng. Việc quan hệ cổ đông và công bố thông tin cho cổ đông được thực hiện bởi Văn phòng HDQT. Các ý kiến đóng góp của cổ đông được Văn phòng HDQT tiếp nhận và xử lý hoặc chuyển cho người có thẩm quyền xử lý theo đúng quy định.

VPBank đã thực hiện xong dự án cải tiến website của Ngân hàng. Theo đó, kênh thông tin dành cho cổ đông đã được cấu trúc lại theo hướng cung cấp đầy đủ thông tin hơn, dễ tra cứu, đảm bảo phù hợp với các tiêu chuẩn quốc tế và tạo thuận lợi cho các cổ đông cũng như nhà đầu tư tiềm năng tiếp cận các thông tin về Ngân hàng.

ĐHCĐ gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của VPBank. ĐHCĐ đưa ra ý kiến và quyết định tại các cuộc họp ĐHCĐ thường niên và bất thường và bằng cách biểu quyết bằng văn bản. ĐHCĐ là cơ hội giúp cổ đông, ít nhất 1 lần/năm, trực tiếp trao đổi, thảo luận các vấn đề quan trọng với các thành viên HDQT, Ban Điều hành và quyết định những định hướng hoạt động cho năm tài chính tiếp theo của Ngân hàng.

Năm 2013, cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên được tổ chức sau khi tổ chức kiểm toán độc lập hoàn thiện việc kiểm toán báo cáo tài chính và Ngân hàng hoàn thiện các thủ tục bầu bổ sung thành viên HĐQT theo quy định của pháp luật. Thư mời họp được gửi cho tất cả các cổ đông kèm theo hướng dẫn về việc ủy quyền dự họp và các tài liệu đều được công bố đầy đủ trên website của Ngân hàng.

Trình tự, thủ tục triệu tập và biểu quyết tại ĐHĐCĐ đã được thực hiện đầy đủ theo quy định chi tiết tại Điều lệ Ngân hàng. Ngoài ra, tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên, Ngân hàng cũng lập các Quy chế tổ chức Đại hội, Quy chế biểu quyết các nghị quyết tại Đại hội và Quy chế bầu cử các thành viên HĐQT, BKS (nếu phải bầu) để các cổ đông thông qua làm căn cứ áp dụng tại cuộc họp. Các quy chế này đều được gửi kèm với tài liệu họp và công bố trên website của Ngân hàng tối thiểu 07 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp để các cổ đông có thời gian nghiên cứu và đóng góp ý kiến.

Tại ĐHĐCĐ thường niên 2013, các báo cáo quan trọng như Báo cáo hoạt động của HĐQT, Báo cáo hoạt động của BKS và Báo cáo tình hình hoạt động của Ngân hàng đều được trình bày và được các cổ đông thảo luận trước khi thông qua.

Ngân hàng đã áp dụng các công nghệ thông tin hiện đại để cổ đông có thể giám sát tốt nhất các kết quả kiểm tra tư cách đại biểu và kết quả biểu quyết các vấn đề tại cuộc họp cũng như rút ngắn thời gian thực hiện các công việc này.

Điều lệ Ngân hàng cho phép ĐHĐCĐ có thể biểu quyết thông qua việc lấy ý kiến bằng văn bản đối với những vấn đề thuộc thẩm quyền, trừ một số vấn đề bắt buộc phải biểu quyết tại cuộc họp ở bất cứ thời điểm nào nếu HĐQT thấy cần thiết cho lợi ích của Ngân hàng. Các tài liệu để lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản được đăng trên website của Ngân hàng. Cổ đông nào không nhận được thư xin ý kiến vẫn có thể tra cứu và in các tài liệu để biểu quyết tại đây. Thời gian để xin ý kiến cổ đông bằng văn bản thường từ 10-30 ngày, phù hợp với nội dung công việc và đủ để cổ đông có thể nghiên cứu và gửi lại ý kiến của mình. Việc kiểm phiếu biểu quyết được thực hiện dưới sự chứng kiến của thành viên BKS và Biên bản kiểm phiếu được công bố trên website của Ngân hàng trong vòng 24 giờ sau khi lập. Trong năm 2013, VPBank đã tiến hành lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản 01 lần để xin ý kiến về việc bầu bổ sung thêm thành viên HĐQT.

III. Hội đồng Quản trị

1. Vai trò và trách nhiệm của HĐQT

HĐQT VPBank được thiết lập trên cơ sở Điều lệ và Quy chế về tổ chức và hoạt động của HĐQT được ĐHĐCĐ VPBank thông qua. HĐQT VPBank có vai trò quan trọng trong việc đặt ra chiến lược cho Ngân hàng, định hướng hoạt động cho Ban Điều hành trong những giai đoạn cụ thể. Bên cạnh đó, HĐQT VPBank cũng có vai trò thực hiện chặt chẽ các trách nhiệm giám sát đối với Tổng Giám đốc thông qua việc tham gia các cuộc họp giao ban định kỳ của Ban Điều hành hàng tháng; xem xét các báo cáo hàng ngày, hàng tuần, các báo cáo theo chuyên đề về quản trị rủi ro; và yêu cầu báo cáo khi cần thiết. Ngoài ra, HĐQT còn thường xuyên giám sát thông qua việc xem xét và xử lý các thông tin từ các báo cáo của BKS và Kiểm toán Nội bộ đối với các đơn vị của Ngân hàng và thông qua hoạt động của các tiểu ban trực thuộc của HĐQT.

2. Cơ cấu của HĐQT

Năm 2013, ĐHĐCĐ đã bầu bổ sung 02 thành viên HĐQT, nâng tổng số thành viên HĐQT VPBank lên 06 thành viên, trong đó có 01 thành viên HĐQT độc lập. Số lượng thành viên như hiện nay có thể phát huy được ưu điểm về việc ra quyết định một cách hiệu quả, có hiệu lực nhanh, phù hợp với quy định hiện hành của pháp luật cũng như quy mô và mức độ tăng trưởng của Ngân hàng.

Nhiệm kỳ của HĐQT VPBank là 05 năm và các thành viên HĐQT có thể được bầu lại với số lần không hạn chế. Nhiệm kỳ 05 năm là hợp lý để các thành viên có tầm nhìn dài hạn hơn và nhìn thấy kết quả từ các nỗ lực của mình. Nhiệm kỳ hiện tại của HĐQT VPBank bắt đầu từ năm 2010 và sẽ kết thúc vào năm 2015.

Các thành viên HĐQT VPBank đáp ứng đầy đủ các quy định về tiêu chuẩn, điều kiện về năng lực, kinh nghiệm theo quy định của NHNN Việt Nam và VPBank. Các thành viên HĐQT hiện tại là những người có thể mạnh về kinh nghiệm quản lý điều hành các lĩnh vực kinh doanh và lĩnh vực ngân hàng, hiểu biết sâu sắc về các chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và nghĩa vụ của mình. Trong 06 thành viên HĐQT, có 01 thành viên HĐQT kiêm nhiệm chức danh Tổng Giám đốc của Ngân hàng. Các thành viên HĐQT VPBank cũng tuân thủ các quy định về không cùng đảm nhiệm chức vụ theo quy định của pháp luật:

Chủ tịch HĐQT VPBank không đồng thời là người điều hành của Ngân hàng và của tổ chức tín dụng khác;

Thành viên HĐQT VPBank không đồng thời là thành viên BKS của VPBank và là người quản lý của tổ chức tín dụng khác.

Các thành viên HĐQT VPBank bao gồm:

- Ông Ngô Chí Dũng: Chủ tịch HĐQT.
- Ông Bùi Hải Quân: Phó Chủ tịch HĐQT.
- Ông Lô Bằng Giang: Phó Chủ tịch HĐQT.
- Ông Phùng Khắc Kế: Thành viên HĐQT độc lập.
- Ông Lương Phan Sơn: Thành viên HĐQT, được bầu lại vào ngày 26/04/2013.
- Ông Nguyễn Đức Vinh: Thành viên HĐQT, được bầu bổ sung vào ngày 26/04/2013.

3. Việc đề cử, ứng cử và bầu cử

Việc bầu HĐQT được thực hiện khi HĐQT cũ hết nhiệm kỳ hoặc bầu bổ sung, thay thế thành viên khi có thành viên bị mất tư cách thành viên theo quy định của pháp luật, bị cách chức, miễn nhiệm hoặc vì một lý do nào đó không thể tiếp tục làm thành viên HĐQT.

ĐHĐCĐ thường niên năm 2013 đã bầu bổ sung 02 thành viên HĐQT. Trước thời gian tổ chức Đại hội, HĐQT đã lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản về số lượng thành viên dự kiến được bầu bổ sung vào HĐQT, BKS đồng thời thông báo các điều kiện, tiêu chuẩn phải đáp ứng đối với các chức danh được bầu để các cổ đông ứng cử hoặc đề cử người giữ chức danh này theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Ngân hàng. Thời hạn lấy ý kiến của các cổ đông về việc ứng cử, đề cử nhân sự dự kiến được ghi cụ thể tại văn bản lấy ý kiến và đảm bảo tối thiểu 30 ngày kể từ ngày gửi văn bản lấy ý kiến. Danh sách nhân sự dự kiến bầu làm thành viên HĐQT và hồ sơ của các ứng cử viên này đã được gửi tới NHNN thẩm định tiêu chuẩn, điều kiện và có văn bản chấp thuận trước khi ĐHĐCĐ bầu.

Việc bầu thành viên HĐQT, BKS được thực hiện theo nguyên tắc bầu dồn phiếu. Theo đó, mỗi cổ đông có tổng số phiếu bầu tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số lượng ứng cử viên vào vị trí thành viên HĐQT hoặc thành viên BKS. Cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu của mình cho một ứng cử viên hoặc phân chia phiếu cho một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên HĐQT và BKS phải có số phiếu bầu đạt trên 51% tổng số cổ phần hiện diện tại cuộc họp ở thời điểm trước khi tiến hành bầu cử. Trường hợp số ứng cử viên có tỷ lệ phiếu bầu đạt trên 51% trở lên nhiều hơn số lượng thành viên HĐQT và BKS theo quyết định của ĐHĐCĐ thì sẽ tiến hành lấy từ ứng cử viên có tỷ lệ phiếu bầu cao nhất xuống cho đến khi đủ số lượng thành viên HĐQT, BKS theo quyết định của ĐHĐCĐ. Các trường hợp đặc biệt khác theo quyết định của ĐHĐCĐ.

4. Thành viên HĐQT độc lập

Theo quy định tại Điều lệ VPBank, tiêu chuẩn thành viên HĐQT độc lập được xác định như sau:

- Đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện của một thành viên HĐQT về năng lực hành vi, đạo đức nghề nghiệp, năng lực, kinh nghiệm làm việc và không cùng đảm nhiệm chức vụ theo quy định của pháp luật liên quan;
- Thỏa mãn các tiêu chuẩn điều kiện bổ sung sau:
 - a) Không phải là người đang làm việc cho VPBank hoặc công ty con của VPBank hoặc đã làm việc cho VPBank hoặc công ty con của VPBank bất kỳ thời gian nào trong 3 năm liền kề trước đó;
 - b) Không phải là người đang hưởng lương, thù lao thường xuyên của VPBank ngoài những khoản được hưởng theo tiêu chuẩn thành viên HĐQT;
 - c) Không phải là người có vợ, chồng, cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh, chị, em ruột là cổ đông lớn của VPBank, người quản lý hoặc thành viên BKS của VPBank hoặc Công ty con của VPBank;
 - d) Không phải là người quản lý, thành viên BKS của VPBank tại bất kỳ thời điểm nào trong 5 năm liền kề trước đó;
 - e) Không trực tiếp, gián tiếp sở hữu hoặc đại diện sở hữu từ 1% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của VPBank;
 - f) Không cùng người có liên quan theo quy định tại Điểm p, Khoản 1, Điều 1 trong Điều lệ Ngân hàng sở hữu từ 5% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của VPBank.

Thành viên HĐQT độc lập hiện tại của VPBank được bầu vào Hội đồng Quản trị VPBank từ năm 2011. Ông là người đã có rất nhiều năm làm việc trong lĩnh vực điều hành, quản lý cấp cao trong hệ thống Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, đáp ứng đầy đủ các quy định của Ngân hàng và pháp luật hiện hành về tính độc lập và năng lực, kinh nghiệm theo quy định của pháp luật và của VPBank.

5. Các hoạt động của HĐQT năm 2013

HĐQT lên kế hoạch tổ chức các cuộc họp định kỳ từ đầu năm và trong năm 2013 đã tổ chức họp định kỳ mỗi quý 01 lần. Thư ký HĐQT đã gửi các thư mời họp của Chủ tịch HĐQT và tài liệu liên quan đến các cuộc họp HĐQT trước 5 ngày. Tất cả các thành viên HĐQT có quyền yêu cầu cung cấp thêm tài liệu hoặc đề xuất bổ sung nội dung các cuộc họp HĐQT. Các thành viên BKS và Tổng Giám đốc đều được mời tham dự các cuộc họp định kỳ của HĐQT và tùy từng nội dung họp, có thể triệu tập thêm Giám đốc Tài chính, Giám đốc Nhân sự hoặc các cán bộ lãnh đạo cao cấp khác cùng tham dự. Ngân hàng cũng chuẩn bị sẵn sàng các điều kiện về kỹ thuật và phiên dịch trong trường hợp cần thiết. Các cuộc họp đều được ghi biên bản họp và các Nghị quyết bằng văn bản, các thành viên tham dự họp xem xét và ký trên Biên bản và Nghị quyết cuộc họp. Các biên bản họp và các tài liệu họp được lưu trữ đầy đủ để phục vụ cho việc tra cứu của HĐQT và các bên liên quan khác.

Năm 2013, HĐQT đã tổ chức 04 phiên họp định kỳ vào 04 quý. Các cuộc họp định kỳ của HĐQT nhằm thảo luận với Tổng Giám đốc về kế hoạch hoạt động, vận hành của Ngân hàng theo các thay đổi trong chủ trương, định hướng của NHNN và Chính phủ; đánh giá kết quả hoạt động của quý trước và định hướng cho Ban Điều hành các hoạt động của quý tiếp theo; rà soát và theo dõi kết quả của việc thực hiện chiến lược và thảo luận những điều chỉnh cho phù hợp với tình hình thực tế; thông qua các kế hoạch ngân sách và phát triển kinh doanh của Ngân hàng và các công ty con của Ngân hàng (Công ty Chứng khoán, Công ty Quản lý Tài sản); điều chỉnh định hướng phát triển và cơ cấu tổ chức của Công ty Quản lý Tài sản VPBank cho phù hợp với định hướng là đơn vị cung cấp các dịch vụ chuyên sâu, hỗ trợ cho các mảng kinh doanh chính của Ngân hàng; thông qua kế hoạch phát hành trái phiếu dài hạn của Ngân hàng, v.v.

Bên cạnh những cuộc họp trực tiếp, HĐQT cũng thực hiện việc cho ý kiến bằng văn bản. Các thủ tục xin ý kiến bằng văn bản của HĐQT được thực hiện theo đúng quy định tại Điều lệ Ngân hàng và các quy định có liên quan. Trong năm 2013, HĐQT cũng đã thực hiện việc cho ý kiến bằng văn bản đối với các thay đổi về chính sách, quy chế lớn liên quan trực tiếp đến các hoạt động của Ngân hàng như chính sách tín dụng, chính sách quản lý rủi ro tín dụng, v.v; thông qua các chiến lược bộ phận như chiến lược công nghệ thông tin, chiến lược quản trị rủi ro, chiến lược E-banking, chiến lược phát hành thẻ tín dụng, các kế hoạch phát triển mạng lưới, các kênh phân phối mới của Ngân hàng; điều chỉnh cơ cấu nhân sự và chức năng nhiệm vụ của các Hội đồng, Ủy ban trực thuộc HĐQT và các Ủy ban điều hành... phù hợp với tình hình thực tế. HĐQT cũng thường xuyên thực hiện việc cho ý kiến đối với các đề xuất tín dụng có số dư lớn, vượt thẩm quyền của Hội đồng Tín dụng cấp cao của Ngân hàng.

IV. Hoạt động của các Hội đồng, Ủy ban trực thuộc

1. Các ủy ban trực thuộc HĐQT

1.1. Ủy ban Nhân sự

Ủy ban có nhiệm vụ tham mưu cho HĐQT về quy mô và cơ cấu HĐQT và BKS; tham mưu cho HĐQT xử lý các vấn đề nhân sự phát sinh trong quá trình tiến hành các thủ tục bầu, bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các thành viên HĐQT, BKS, người điều hành của VPBank; tham mưu, đề xuất mức lương thưởng và các lợi ích khác của các thành viên HĐQT, BKS, Tổng Giám đốc; xem xét kế hoạch ngân sách hàng năm chi cho nhân viên trình HĐQT phê duyệt; tư vấn cho HĐQT và quyết định theo thẩm quyền đối với các nhân sự cấp cao của Ngân hàng, các quyết định về chính sách, chế độ đối với nhân sự, các dự án về đào tạo, chiến lược nhân sự, các quy trình đánh giá nhân sự, tuyển dụng...; quyết định các vấn đề liên quan đến các kế hoạch phân chia cổ phiếu dành cho cán bộ nhân viên của Ngân hàng. Ủy ban Nhân sự họp định kỳ hàng tháng.

Thành phần của Ủy ban Nhân sự bao gồm:

1	Ông Ngô Chí Dũng	Chủ tịch HĐQT	Chủ tịch Ủy ban
2	Ông Bùi Hải Quân	Phó Chủ tịch	Thành viên
3	Ông Lô Bằng Giang	Phó Chủ tịch	Thành viên

1.2. Ủy ban Quản lý Rủi ro

Ủy ban có nhiệm vụ tham mưu cho HĐQT trong việc ban hành các chiến lược, quy trình, chính sách liên quan đến quản trị rủi ro trong hoạt động của Ngân hàng. Ủy ban Quản lý Rủi ro cũng có nhiệm vụ phân tích và đưa ra những cảnh báo về mức độ an toàn của VPBank trước những nguy cơ tiềm ẩn rủi ro và đề xuất những biện pháp phòng ngừa; phân tích quyết định mức độ rủi ro chung của Ngân hàng, thiết lập khẩu vị rủi ro và mức chịu đựng rủi ro của các mảng nghiệp vụ cũng như tổng thể hoạt động của Ngân hàng, đồng thời giám sát việc thực thi chính sách này trong Ngân hàng. Ủy ban Quản lý Rủi ro chịu trách nhiệm xem xét, quyết định việc thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý rủi ro của Ngân hàng để phù hợp với các yêu cầu về quản trị rủi ro của các cơ quan quản lý; phổ biến kiến thức và văn hóa quản lý rủi ro trong toàn bộ hệ thống ngân hàng... Ủy ban Quản lý Rủi ro tổ chức họp định kỳ 1- 2 lần/quý hoặc khi có vấn đề phát sinh thuộc phạm vi chức năng nhiệm vụ của Ủy ban cần phải xem xét.

Thành phần của Ủy ban Quản lý Rủi ro bao gồm:

1	Ông Bùi Hải Quân	Phó Chủ tịch HĐQT	Chủ tịch Ủy ban
2	Ông Ngô Chí Dũng	Chủ tịch HĐQT	Thành viên
3	Ông Lô Bằng Giang	Phó Chủ tịch HĐQT	Thành viên
4	Ông Phùng Khắc Kế	Thành viên HĐQT độc lập	Thành viên
5	Ông Lương Phan Sơn	Thành viên HĐQT	Thành viên
6	Ông Nguyễn Đức Vinh	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc	Thành viên
7	Bà Nguyễn Quỳnh Anh	Trưởng Ban Kiểm soát	Thành viên
8	Ông Wilhelmus Johannes Broekhuisen	Giám đốc Khối QTRR	Thành viên

2. Các Hội đồng, Ủy ban trực thuộc Ban Điều hành có sự tham gia của thành viên HĐQT

2.1. Hội đồng Tín dụng

Hội đồng có chức năng xét cấp tín dụng, phê duyệt hạn mức tín dụng vượt hạn mức quyết định của các Ban Tín dụng tại chi nhánh, xem xét tái cấu trúc lại khoản nợ theo đề xuất của các bộ phận chuyên môn; xem xét việc miễn giảm lãi, phí liên quan đến tín dụng theo Quy chế miễn giảm lãi, phí của VPBank; khuyến nghị HĐQT thay đổi chính sách tín dụng cho phù hợp với tình hình thực tế... và các nhiệm vụ khác liên quan đến các hoạt động tín dụng của Ngân hàng. Hiện nay, Hội đồng Tín dụng các cấp của VPBank đã gia tăng tần suất họp, tiến hành tổ chức họp hàng ngày để giải quyết kịp thời nhu cầu xét duyệt các khoản tín dụng theo thẩm quyền.

Thành phần của Hội đồng Tín dụng bao gồm các thành viên sau:

1	Ông Ngô Chí Dũng	Chủ tịch HĐQT	Chủ tịch Hội đồng
2	Ông Bùi Hải Quân	Phó Chủ tịch HĐQT	Phó Chủ tịch
3	Ông Lô Bằng Giang	Phó Chủ tịch HĐQT	Phó Chủ tịch
4	Ông Lương Phan Sơn	Thành viên HĐQT	Thành viên
5	Ông Nguyễn Đức Vinh	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc	Thành viên
6	Ông Nguyễn Thanh Bình	Phó TGD, GB Khối Tín dụng	Thành viên
7	Ông Đào Gia Hưng	Phó Giám đốc Khối QTRR	Thành viên
8	Bà Hồ Thúy Nga	Giám đốc Giám sát Tín dụng, Khối QTRR	Thành viên

2.2. Hội đồng Đầu tư

Hội đồng có chức năng xem xét, phê duyệt các dự án đầu tư của Ngân hàng và các công ty con của Ngân hàng có giá trị vượt hạn mức phê duyệt của Tổng Giám đốc, Hội đồng Thành viên 2 công ty con là Công ty Chứng khoán VPBank và Công ty Quản lý Tài sản và các hạn mức cụ thể khác theo quy định tại Quy chế tài chính của Ngân hàng. Hội đồng Đầu tư VPBank cũng có vai trò quyết

định các hạn mức kinh doanh đối với các tổ chức tín dụng và các đề xuất kinh doanh kỳ phiếu, trái phiếu và các giấy tờ có giá khác. Hội đồng Đầu tư họp định kỳ hàng quý và cho ý kiến phê duyệt đối với các đề xuất phát sinh của Ngân hàng bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

Thành phần của Hội đồng Đầu tư bao gồm các thành viên sau:

1	Ông Ngô Chí Dũng	Chủ tịch HĐQT	Chủ tịch Hội đồng
2	Ông Bùi Hải Quân	Phó Chủ tịch HĐQT	Thành viên
3	Ông Lô Bằng Giang	Phó Chủ tịch HĐQT	Thành viên
4	Ông Nguyễn Đức Vinh	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc	Thành viên

2.3. Hội đồng Quản lý Tài sản Nợ - Có (ALCO)

Hội đồng có chức năng nghiên cứu và đề ra các chiến lược đối với cơ cấu bảng tổng kết tài sản, quản lý cấu trúc bảng tổng kết tài sản của Ngân hàng nhằm tối đa hóa lợi nhuận và giảm thiểu rủi ro đối với Ngân hàng; xây dựng và giám sát các chỉ tiêu tài chính, tín dụng phù hợp với chiến lược kinh doanh của Ngân hàng; quản lý thanh khoản và rủi ro thanh khoản, rủi ro lãi suất do sự chênh lệch giữa Tài sản có và Tài sản nợ nhạy cảm với lãi suất; quản lý rủi ro thị trường đối với các biến động về tỷ giá và lãi suất; chỉ đạo việc xây dựng, phê duyệt và triển khai các chính sách, quy trình và hệ thống định giá điều chuyển vốn nội bộ đảm bảo hiệu quả kinh doanh cho các đơn vị; quản lý vốn chủ sở hữu đảm bảo sự tăng trưởng bền vững của Ngân hàng. Hội đồng Quản lý Tài sản Nợ - Có (ALCO) đã tiến hành họp định kỳ hàng tháng, thường xuyên đánh giá tình hình kinh tế vĩ mô, hoạt động của ngành ngân hàng và VPBank, đưa ra các quyết định phù hợp đảm bảo thanh khoản của Ngân hàng, các mức lãi suất và số lượng tương ứng cho các chương trình huy động vốn và sử dụng vốn; đảm bảo các tỷ lệ an toàn theo quy định của pháp luật.

Thành phần của Hội đồng Quản lý Tài sản Nợ - Có bao gồm các thành viên sau:

1	Ông Nguyễn Đức Vinh	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc	Chủ tịch ALCO
2	Ông Ngô Chí Dũng	Chủ tịch HĐQT	Thành viên
3	Ông Bùi Hải Quân	Phó Chủ tịch HĐQT	Thành viên
4	Ông Lô Bằng Giang	Phó Chủ tịch HĐQT	Thành viên
5	Ông Vũ Minh Trường	Phó TGD, GD Khối NV&TTTC	Thành viên
6	Ông Nguyễn Thanh Bình	Phó TGD, GD Khối Tín dụng	Thành viên
7	Bà Lưu Thị Thảo	Phó TGD, GD Khối Tài chính	Thành viên
8	Bà Lưu Thị Ánh Xuân	Phó TGD, GD Khối CMB	Thành viên
9	Ông Fung Kai Jin	GD Khối SME	Thành viên
10	Ông Kalidas Ghose	Phó TGD, GD Khối KHCN	Thành viên
11	Bà Phùng Thị Thu Hương	GD Khối CIB	Thành viên
12	Ông Wilhelmus Johannes Broekhuisen	GD Khối QTRR	Thành viên
13	Bà Dương Thị Thu Thủy	Phó TGD, GD Khối S&D	Thành viên

2.4. Ủy ban Điều hành

Ủy ban có chức năng xem xét, đề xuất HĐQT phê duyệt các chiến lược kinh doanh của Ngân hàng; thường xuyên cập nhật tình hình hoạt động kinh doanh, thực hiện kế hoạch hành động ngắn hạn và giải quyết những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình hoạt động của các đơn vị; đưa ra các đề xuất thay đổi về cơ cấu tổ chức, kế hoạch ngân sách, kế hoạch kinh doanh cho phù hợp với tình hình thực tế trình HĐQT phê duyệt; xem xét và thảo luận đối với các đề xuất triển khai dự án quan trọng của Ngân hàng. Ủy ban Điều hành tiến hành họp định kỳ 1 lần/tháng, có thể có sự tham gia của các thành viên HĐQT, BKS.

Thành phần của Ủy ban Điều hành bao gồm Chủ tịch HĐQT và có thể có các thành viên HĐQT khác theo quyết định của Chủ tịch HĐQT; các thành viên Ban Điều hành, Giám đốc các Khối, Giám đốc các Trung tâm độc lập. Tổng Giám đốc là Chủ tịch của Ủy ban Điều hành.

2.5. Ủy ban Quản trị Rủi ro Hoạt động

Ủy ban Quản trị Rủi ro Hoạt động (UB QTRRHĐ) có chức năng thực hiện quản trị các rủi ro hoạt động của Ngân hàng, đảm bảo tính hiệu quả của việc ban hành và giám sát thực hiện chính sách quản trị rủi ro hoạt động, chi đạo phổ biến kiến thức và văn hóa quản trị rủi ro hoạt động trong toàn hệ thống.

UB QTRRHĐ có nhiệm vụ xem xét và phê duyệt chiến lược tổng thể về Quản trị rủi ro hoạt động; Khung quản trị rủi ro hoạt động; Chính sách, quy định có liên quan đến rủi ro hoạt động, chiến lược về vốn cho Quản trị rủi ro hoạt động; giám sát các công tác triển khai, thực thi và quản trị rủi ro hoạt động; Báo cáo định kỳ và bất thường tới Hội đồng Quản trị và Ủy ban Quản lý Rủi ro những vấn đề phát sinh.

Nhân sự của Ủy ban Quản trị Rủi ro Hoạt động bao gồm:

1	Ông Bùi Hải Quân	Phó Chủ tịch HĐQT	Chủ tịch Ủy ban
2	Ông Nguyễn Đức Vinh	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc	Thành viên
3	Ông Wilhelmus Johannes Broekhuisen	GĐ Khối QTRR	Thành viên
4	Ông Peterjan Van Nieuwenhuizen	Phó TGD, GĐ Khối Vận hành	Thành viên
5	Ông Nguyễn Thanh Bình	Phó TGD, GĐ Khối Tín dụng	Thành viên
6	Bà Lưu Thị Thảo	Phó TGD, GĐ Khối Tài chính	Thành viên
7	Ông Võ Tấn Long	GĐ Khối CNTT	Thành viên
8	Bà Nguyễn Quỳnh Anh	Trưởng Ban Kiểm soát	Thành viên
9	Bà Kim Ly Huyền	Trưởng Kiểm toán Nội bộ	Thành viên

2.6. Ủy ban Tín dụng và Thu hồi nợ

Ủy ban Tín dụng và Thu hồi nợ có chức năng, nhiệm vụ đưa ra các quyết định liên quan đến tín dụng, bao gồm quản lý danh mục, thu hồi nợ, các công cụ phương pháp đo lường rủi ro tín dụng, xem xét và phê duyệt những chính sách, công cụ, quy trình liên quan đến hoạt động cấp tín dụng của ngân hàng, giám sát hiệu suất thu hồi nợ và xử lý nợ của các đơn vị theo KPIs, rà soát các báo cáo cập nhật chất lượng danh mục tín dụng theo các phân khúc của các khối kinh doanh, v.v.

Định kỳ hoặc khi cần thiết, Ủy ban Tín dụng và Thu hồi nợ báo cáo Ủy ban Quản lý Rủi ro và Tổng Giám đốc về những vấn đề trong phạm vi trách nhiệm và đưa ra các khuyến nghị giải quyết, đề xuất Ủy ban Quản lý Rủi ro và Tổng Giám đốc về chiến lược quản lý rủi ro tín dụng, báo cáo kết quả kiểm tra sức chịu đựng về rủi ro tín dụng, chiến lược thu hồi nợ xấu, v.v.

Nhân sự của Ủy ban Tín dụng và Thu hồi nợ bao gồm:

1	Ông Wilhelmus Johannes Broekhuisen	GĐ Khối QTRR	Chủ tịch Ủy ban
2	Ông Nguyễn Đức Vinh	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc	Thành viên
3	Ông Nguyễn Thanh Bình	Phó TGD, GĐ Khối Tín dụng	Thành viên
4	Ông Hoàng Anh Tuấn	TGD Công ty AMC	Thành viên
5	Ông Nguyễn Minh Hoàng	GĐ TT Quản lý & Thu hồi nợ	Thành viên

3. Các Nghị quyết/Quyết định của các Hội đồng/Ủy ban

STT	Hội đồng/Ủy ban	Số Nghị quyết/ Quyết định trong năm	Nội dung
1	Ủy ban Quản lý Rủi ro	Trong năm đã tổ chức 05 cuộc họp	<ul style="list-style-type: none"> ♦ Xem xét, đánh giá thực trạng hệ thống rủi ro của VPBank, tình hình triển khai các chính sách quản lý rủi ro và khẩu vị rủi ro của ngân hàng; ♦ Thống nhất cơ cấu quản trị rủi ro và nguồn nhân lực của Khối QTRR, xác định rõ chức năng nhiệm vụ của Khối QTRR và thành lập các ủy ban quản lý rủi ro chuyên trách như Ủy ban Quản trị Rủi ro Hoạt động, Ủy ban Tín dụng và Thu hồi nợ; ♦ Phê chuẩn Chiến lược Quản lý Rủi ro của Ngân hàng theo chuẩn mực Basel II, đồng thời cũng đã thông qua kế hoạch phát triển tổng thể và lộ trình triển khai Basel II của Ngân hàng dựa trên các đề xuất của công ty tư vấn; ♦ Giám sát và phê chuẩn các quy định, phương pháp quản lý rủi ro đối với các sản phẩm và dịch vụ của ngân hàng; ♦ Phê duyệt các sáng kiến quan trọng tăng cường hiệu quả quản lý rủi ro, bao gồm hệ thống cảnh báo sớm rủi ro tín dụng, hệ thống xếp hạng tín dụng, các biện pháp kiểm soát rủi ro hoạt động theo chuẩn mực quốc tế, hệ thống phòng chống gian lận trong hoạt động ngân hàng; ♦ Thảo luận và thông qua các nội dung liên quan đến chính sách tín dụng, chính sách khách hàng doanh nghiệp; các giải pháp quản lý rủi ro cho một số hạng mục rủi ro cụ thể của Ngân hàng.
2	Ủy ban Nhân sự	Trong năm đã tổ chức 08 cuộc họp	<ul style="list-style-type: none"> ♦ Thông qua Chiến lược Nhân sự và Kế hoạch hành động tổng thể 2013; ♦ Quyết định các chương trình chính sách liên quan đến KPI và chính sách thưởng kinh doanh, các nguyên tắc về thẩm quyền phán quyết nhân sự; ♦ Thông qua các nội dung đề xuất phát triển văn hóa doanh nghiệp năm 2013; ♦ Thông qua kế hoạch, phương pháp và lộ trình triển khai đào tạo theo khung năng lực; ♦ Rà soát, tư vấn cho HĐQT việc thành lập/điều chỉnh mô hình tổ chức của Trung tâm Truyền thông và Tiếp thị, Trung tâm Đào tạo, Khối Quản trị Rủi ro, Khối Khách hàng Doanh nghiệp lớn, Khối Nguồn vốn và Thị trường Tài chính, Trung tâm Đầu tư và Hỗ trợ Sản phẩm Doanh nghiệp, Trung tâm Pháp chế và Tuân thủ, Công ty Quản lý Tài sản VPBank; ♦ Xem xét điều chỉnh và phê duyệt cơ cấu thu nhập năm 2013 cho toàn bộ CBNV VPBank, phê duyệt đãi lương cho nhóm hỗ trợ kinh doanh, rà soát việc tăng lương trong năm 2013; ♦ Phê duyệt việc tuyển dụng, bổ nhiệm, sắp xếp lại hơn 700 cán bộ từ cấp Trưởng/ Phó phòng trở lên; ♦ Thực hiện việc đánh giá 360° các lãnh đạo cao cấp của Ngân hàng.

STT	Hội đồng/Ủy ban	Số Nghị quyết/ Quyết định trong năm	Nội dung
3	Ủy ban Điều hành	Trong năm đã thực hiện 12 phiên họp, thông qua khoảng hơn 200 nội dung	<ul style="list-style-type: none"> Ủy ban Điều hành, đã thảo luận, quyết định nhiều vấn đề phát sinh trong quá trình vận hành của Ngân hàng; Đánh giá kết quả kinh doanh năm 2012 và của các tháng trong năm 2013 so với kế hoạch đề ra, đưa ra các kế hoạch hành động ngắn hạn; Thảo luận các chính sách và kế hoạch ngân sách, kế hoạch hành động, chương trình công tác của năm 2013 và 2014; Thông qua các định hướng hoạt động, các phương án kinh doanh trong năm như: triển khai giao dịch vàng, xây dựng hệ thống chỉ tiêu cho đội ngũ bán hàng, các kế hoạch đẩy mạnh phát triển sản phẩm, triển khai chiến dịch bán thẻ, các kế hoạch tăng trưởng tín dụng, huy động, thu hồi nợ xấu, tăng trưởng số lượng khách hàng, quản lý chất lượng tín dụng... phù hợp với yêu cầu và tình hình hoạt động của Ngân hàng trong mỗi giai đoạn; Thống nhất triển khai các dự án: Hệ thống phê duyệt tín dụng, Kết nối phần mềm thẻ, Chuyển đổi mạng lưới chi nhánh, Cho vay hộ kinh doanh, v.v.
4	Hội đồng Tín dụng	Trong năm đã họp 120 phiên, phê duyệt gần 1.000 khoản cấp tín dụng	Hội đồng Tín dụng các cấp phê duyệt các khoản cấp tín dụng vượt hạn mức phê duyệt của các chuyên gia phê duyệt và các Trung tâm Xử lý Tín dụng tập trung của VPBank. Trong năm 2013, Hội đồng Tín dụng đã thảo luận, đánh giá và thông qua gần 1.000 khoản cấp tín dụng, thay đổi các điều kiện cấp tín dụng cho khách hàng.
5	Hội đồng Quản lý Tài sản Nợ - Có (ALCO)	Trong năm đã thực hiện 12 cuộc họp hàng tháng, thông qua khoảng 60 nội dung	Hội đồng Quản lý Tài sản Nợ - Có (ALCO) tiến hành họp định kỳ hàng tháng, nhằm thảo luận và quyết định các nội dung liên quan đến: Mục tiêu phát triển bảng cân đối kế toán của Ngân hàng, các thay đổi lãi suất, các hạn mức kinh doanh tiền tệ, hạn mức tồn quỹ, các định hướng tỷ trọng về kỳ hạn và phân khúc khách hàng trong việc huy động vốn, các dự kiến về tăng trưởng dư nợ, các chỉ số thanh khoản, mục tiêu tỷ lệ nợ xấu, trạng thái ngoại tệ, v.v.
6	Hội đồng Đầu tư	Thông qua khoảng gần 100 quyết định	Hội đồng phê duyệt các đề xuất đầu tư tài chính (các phương án mua bán trái phiếu Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp, kỳ phiếu, các hạn mức giao dịch tài chính với các định chế tài chính...) và một số nội dung phê duyệt chi phí lớn vượt thẩm quyền của các cấp quản lý do các bộ phận chuyên môn của Ngân hàng đề xuất (các khoản đầu tư mua hệ thống ATM, các trung tâm dữ liệu, máy chủ...).
7	Ủy ban Quản trị Rủi ro Hoạt động	Tiến hành 01 phiên họp, thông qua định hướng quản lý các mảng rủi ro hoạt động	Được thành lập cuối năm 2013, Ủy ban đã tiến hành 01 phiên họp thông qua các nội dung liên quan đến định hướng quản trị các mảng rủi ro hoạt động của Ngân hàng: theo dõi, đánh giá, thảo luận và thống nhất giải pháp đối với các phát hiện của Kiểm toán nội bộ và Kiểm toán độc lập và các sự kiện liên quan đến rủi ro hoạt động; thông qua dự thảo bộ chỉ số rủi ro chính (KRIs) cho các đơn vị kinh doanh và hỗ trợ; theo dõi kết quả xử lý khiếu nại của khách hàng, đề xuất cơ chế vận hành nội bộ về việc giải quyết khiếu nại; đồng ý thành lập Phòng Điều tra Nội bộ nhằm thu thập, theo dõi, giám sát các rủi ro phát sinh và các khuyến nghị từ các nguồn khác nhau.
8	Ủy ban Tín dụng và Thu hồi nợ	Thực hiện 04 phiên họp, tập trung vào các vấn đề có liên quan đến mảng thu hồi nợ và xử lý nợ	Được thành lập vào cuối năm 2013, Ủy ban đã theo dõi kết quả thu hồi nợ từ khâu thu hồi nợ sớm, cấu trúc lại nợ tới xử lý nợ muộn và đưa ra các kiến nghị, điều chỉnh kịp thời để cải thiện tình hình thu hồi nợ của toàn hệ thống. Ủy ban đã hoàn thiện việc đặt chỉ tiêu thu hồi nợ và đề xuất chiến lược xử lý nợ cho công ty AMC trong năm 2014 theo mô hình mới. Ủy ban đã đề xuất thay đổi quy trình cấu trúc lại nợ theo hướng tập trung hóa việc quản lý và thu nợ của phân khúc SME về 1 đầu mối; thảo luận và đưa ra các tiêu chí rõ ràng về phân luồng hồ sơ về các bộ phận quản lý.

V. Ban Kiểm soát

1. Giới thiệu chung

Ban Kiểm soát VPBank (BKS) có 03 thành viên, trong đó có 02 thành viên chuyên trách (bao gồm Trưởng Ban). Tất cả các thành viên của BKS đều có kiến thức đầy đủ về kế toán, tài chính, đáp ứng các yêu cầu về tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và VPBank. BKS đại diện cho ĐHĐCĐ VPBank giám sát hoạt động của HĐQT, đồng thời đóng vai trò của Ủy ban Kiểm toán theo thông lệ quốc tế, thực hiện việc kiểm soát các hoạt động tài chính và kinh doanh của Ngân hàng; kiểm tra các báo cáo tài chính thường niên và các hoạt động tài chính khác; giám sát tính tuân thủ các quy định của pháp luật và nội bộ Ngân hàng; giám sát chức năng kiểm toán nội bộ thông qua việc quản lý trực tiếp Khối Kiểm toán Nội bộ (KTNB) của Ngân hàng. BKS VPBank chịu trách nhiệm báo cáo, giải trình trước ĐHĐCĐ theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, BKS thường xuyên làm việc với HĐQT để trao đổi, tư vấn những rủi ro, những vấn đề chính được phát hiện trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ của mình.

Thành viên BKS hiện nay bao gồm:

1	Bà Nguyễn Quỳnh Anh	Trưởng Ban, chuyên trách
2	Bà Trịnh Thị Thanh Hằng	Thành viên, chuyên trách
3	Bà Nguyễn Thị Mai Trinh	Thành viên, kiêm nhiệm

Nhằm tăng cường nhân sự của BKS cho phù hợp với quy mô phát triển của Ngân hàng, đầu năm 2014, Ngân hàng thực hiện việc lấy ý kiến ĐHĐCĐ bằng văn bản về việc bầu bổ sung thêm 01 thành viên BKS và dự kiến sẽ bầu cử tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2014.

2. Hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2013

Năm 2013 vẫn là một năm ghi nhận nhiều thay đổi, tinh chỉnh trong cơ cấu tổ chức, mô hình hoạt động của VPBank, với sự tập trung hoá các hoạt động hỗ trợ kinh doanh về các Khối hỗ trợ tại Hội sở, thành lập các Trung tâm SME hoạt động độc lập, tập trung các khách hàng doanh nghiệp lớn về 2 Khối CMB và CIB, chuyển đổi hệ thống chi nhánh để tập trung bán lẻ v.v. Hoạt động kiểm toán tại Ngân hàng do vậy cũng liên tục được rà soát, chỉnh sửa kế hoạch phù hợp, đảm bảo kiểm soát tốt nhất những rủi ro có thể phát sinh trong các hoạt động nghiệp vụ của Ngân hàng. Sơ đồ tổ chức của Khối KTNB cũng được điều chỉnh cho phù hợp, giảm bớt 1 trung tâm, gộp 2 phòng Quy trình quy chế và Bộ phận IT, hỗ trợ thành Phòng Chính sách và Công cụ Kiểm toán, điều chỉnh 2 bộ phận kiểm toán Khối KHCN, SME và CF thành Phòng Kiểm toán KHCN & SME phía Bắc và Phòng Kiểm toán KHCN & SME phía Nam, tăng cường nhân sự và bổ sung kế hoạch kiểm toán cho Phòng Kiểm toán các đơn vị chức năng và công ty con, đảm bảo kế hoạch kiểm toán 2013 của Khối KTNB được thực hiện một cách hiệu quả nhất.

BKS với 2 thành viên chuyên trách làm việc trực tiếp tại Ngân hàng, đã chỉ đạo sát sao Khối KTNB trong việc thực hiện các kế hoạch công việc. Các phát hiện rủi ro trong quá trình kiểm toán trực tiếp và giám sát từ xa cũng được Ban Kiểm soát trao đổi và tư vấn thường xuyên với HĐQT và Ban Điều hành thông qua các cuộc họp định kỳ hàng tháng hoặc các cuộc họp đột xuất theo yêu cầu công việc.

Với vai trò kiểm soát các hoạt động tài chính và kinh doanh, kiểm tra các báo cáo tài chính và hoạt động tài chính khác của Ngân hàng, giám sát tính tuân thủ các quy định của pháp luật và ngân hàng, Ban Kiểm soát thường xuyên tham dự các cuộc họp của HĐQT và Ban Điều hành (Ủy ban Quản lý Rủi ro, Hội đồng Quản lý Tài sản Nợ - Có, Ủy ban Điều hành...) nhằm tiếp cận với đầy đủ thông tin liên quan đến các mảng hoạt động của Ngân hàng, các cơ chế và vấn đề nảy sinh trong quá trình vận hành của các đơn vị để có những đánh giá và xây dựng chương trình hành động phù hợp.

Trong năm 2013, công tác tuyển dụng các nhân sự có kinh nghiệm và công tác đào tạo cho nhân sự Khối KTNB tiếp tục được chú trọng, nhằm đảm bảo năng lực chuyên môn và hiệu quả kiểm toán. BKS cũng định hướng cho Khối KTNB thường xuyên phối hợp, rà soát các mảng công việc tương đồng với các Khối Quản trị Rủi ro, Khối Tài chính, Khối Vận hành... để phân bổ công việc hợp lý, tránh các cuộc kiểm tra, kiểm toán chồng chéo ảnh hưởng đến hoạt động của các đơn vị liên quan. Nhân sự cao cấp của Khối KTNB cũng được cử tham gia dự án tư vấn về Kế hoạch Quản trị Rủi ro tổng thể theo chuẩn Basel II.

BKS và Khối KTNB trong năm 2013 cũng đã tiếp tục triển khai và hoàn thiện dự án Phần mềm Kiểm toán Nội bộ (theo kế hoạch sẽ hoàn thiện vào cuối Quý 1 năm 2014), với mục đích quản lý việc xây dựng kế hoạch triển khai kiểm toán năm, quản lý các cuộc kiểm toán tại đơn vị, lưu trữ kết quả kiểm toán, tạo lập và duy trì các hồ sơ rủi ro cho từng quy trình nghiệp vụ, từng đơn vị được kiểm toán. Phần mềm này sẽ giúp nâng cao năng suất làm việc của kiểm toán nội bộ cũng như quản lý chặt chẽ hồ sơ kiểm toán.

Bên cạnh hoạt động giám sát, công tác theo dõi khắc phục được Khối KTNB phối hợp chặt chẽ với các bộ phận chuyên trách của Ban Điều hành như Kiểm soát Tuân thủ, Quản trị Rủi ro Hoạt động để xử lý các kết quả, kiến nghị kiểm toán. Cuộc họp với Ban Điều hành vẫn được duy trì thực hiện hàng tháng, thảo luận về những vấn đề được nêu trong các báo cáo kiểm toán trong tháng, trong các báo cáo giám sát từ xa hàng ngày và có thời hạn cụ thể cho việc khắc phục các rủi ro mang tính hệ thống, việc xử lý những vấn đề tuân thủ.

VI. Thù lao của HĐQT, Ban Kiểm soát

Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2013 đã phê duyệt mức tổng ngân sách thù lao cho HĐQT, BKS năm 2013 là bằng 1% lợi nhuận hợp nhất trước thuế (chính sách này không thay đổi từ năm 2012). Với kết quả hoạt động kinh doanh năm 2013 đạt lợi nhuận trước thuế là 1.355 tỷ đồng mức ngân sách chi thù lao cho HĐQT, BKS VPBank năm 2013 tương ứng khoảng hơn 13 tỷ đồng.

Nguyên tắc xác định thù lao cho các thành viên HĐQT, BKS đã được HĐQT xem xét và cùng thông qua và không thay đổi từ năm 2012, theo đó, đối với từng thành viên hàng tháng sẽ nhận mức thù lao bao gồm thù lao cố định đối với từng chức danh và thù lao nhiệm vụ khi các thành viên tham gia vào các Hội đồng, Ủy ban trực thuộc HĐQT.

Năm 2013, tổng mức thù lao chi thực tế cho các thành viên HĐQT và BKS về cơ bản không có thay đổi gì đáng kể so với năm 2012 là 6.855.000.000 đồng, trong đó ngân sách chi cho HĐQT là 4.560.000.000 đồng và cho BKS là 2.295.000.000 đồng.

VII. Ngăn ngừa xung đột lợi ích

Việc công khai lợi ích liên quan của các thành viên HĐQT, thành viên BKS và thành viên Ban Điều hành (Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc) và kê khai người có liên quan được thực hiện định kỳ hàng năm vào đầu năm và trong năm khi có phát sinh thay đổi so với bản đã công bố. Bộ phận Thư ký Công ty thuộc Văn phòng HĐQT gửi yêu cầu cho các thành viên và tập hợp các bản công bố để gửi cho các thành viên làm căn cứ xác định người có liên quan với Ngân hàng và thực hiện các thủ tục theo quy định khi ngân hàng có phát sinh giao dịch với những người này.

Các quy định nội bộ của Ngân hàng, các hợp đồng, giao dịch được phép giữa Ngân hàng với thành viên HĐQT, thành viên BKS, thành viên Ban Điều hành và người có liên quan của các thành viên này đều phải được HĐQT hoặc Hội đồng/Ủy ban trực thuộc HĐQT thông qua theo nguyên tắc đa số, thành viên có liên quan không được tham gia biểu quyết. Các giao dịch đều được ký kết hợp đồng hoặc có chứng từ rõ ràng theo đúng quy định của Ngân hàng trên nguyên tắc bình đẳng và tự nguyện.

Cũng theo quy định tại Luật các Tổ chức Tín dụng, Ngân hàng không được cấp tín dụng cho thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và các chức danh tương đương cũng như cha, mẹ, vợ, chồng, con của các thành viên này.

VIII. Báo cáo và công bố thông tin

Báo cáo

VPBank thực hiện chế độ báo cáo theo quy định của pháp luật về kế toán, thống kê và báo cáo hoạt động nghiệp vụ định kỳ theo quy định của NHNN. Các báo cáo Ngân hàng đã thực hiện bao gồm:

- Báo cáo tài chính định kỳ hàng tháng, hàng quý, sáu tháng và hàng năm cho NHNN;

- Trong thời hạn 120 ngày kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính, VPBank lập và gửi cho NHNN Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về kế toán. Ngoài báo cáo tài chính kiểm toán độc lập, VPBank cũng đã tiến hành lập và công bố báo cáo tài chính kiểm toán theo chuẩn IFRS;
- Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính, VPBank lập và gửi cho NHNN báo cáo tổng hợp về giao dịch mua, bán và giao dịch khác giữa VPBank với công ty con, công ty liên kết của Ngân hàng.

Công ty con, công ty liên kết của VPBank cũng thực hiện trách nhiệm gửi báo cáo tài chính, báo cáo hoạt động của mình cho NHNN khi được yêu cầu.

Ngoài các báo cáo nêu trên, VPBank cũng thực hiện trách nhiệm báo cáo kịp thời bằng văn bản với NHNN trong các trường hợp sau đây:

- Thay đổi về tổ chức, quản trị, điều hành, tình hình tài chính của cổ đông lớn trong năm;
- Các báo cáo theo mục tiêu giám sát, đánh giá... theo yêu cầu (định kỳ và đột xuất) của NHNN.

Ngân hàng đang thực hiện các dự án đầu tư vào công nghệ thông tin để nâng cao năng lực và chất lượng các báo cáo phục vụ việc báo cáo NHNN, các cơ quan chức năng, đồng thời phục vụ nhu cầu báo cáo cho các hoạt động quản trị ngân hàng.

Công bố thông tin

VPBank thực hiện chế độ công bố thông tin áp dụng đối với tổ chức tín dụng theo quy định của NHNN về chế độ công bố thông tin áp dụng đối với công ty đại chúng quy mô lớn theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05/04/2012 hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Các thông tin Ngân hàng được công bố trên website của Ngân hàng, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và các phương tiện thông tin đại chúng khác theo quy định, bao gồm:

- **Báo cáo tài chính:**
 - + Báo cáo tài chính năm, bao gồm báo cáo hợp nhất và báo cáo riêng của Ngân hàng, được kiểm toán bởi một tổ chức kiểm toán được chấp thuận, công bố trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính;
 - + Báo cáo tài chính bán niên, bao gồm báo cáo hợp nhất và báo cáo riêng của Ngân hàng, đã được soát xét bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận, trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày kết thúc sáu tháng đầu năm tài chính;
 - + Báo cáo tài chính quý, bao gồm báo cáo hợp nhất và báo cáo riêng của Ngân hàng, trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày kết thúc quý.
- **Báo cáo thường niên:** Ngoài việc công bố trên website của VPBank, Ngân hàng cũng đã xuất bản báo cáo này phục vụ cho các công việc của Ngân hàng;
- **Báo cáo quản trị công ty** được công bố định kỳ 6 tháng và hàng năm trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc kỳ báo cáo;
- **Các thông tin liên quan** của cổ đông lớn cũng được công bố theo quy định;
- **Các thông tin khác** được công bố định kỳ hoặc bất thường khi có phát sinh theo quy định.

Ngoài các thông tin công bố theo quy định của pháp luật, Ngân hàng cũng chủ động công bố các thông tin về chiến lược của Ngân hàng, các thông tin về sản phẩm mới, các chương trình khuyến mại, các sự kiện lớn ảnh hưởng tới hoạt động của Ngân hàng và các hoạt động an sinh, xã hội trên các phương tiện truyền thông và website của Ngân hàng.

Việc công bố thông tin được thực hiện theo quy chế nội bộ của Ngân hàng về phát ngôn và công bố thông tin, do Trung tâm Truyền thông & Tiếp thị và Văn phòng HĐQT làm đầu mối cung cấp sau khi đã được cấp có thẩm quyền của Ngân hàng phê duyệt.

IX. Đánh giá về việc thực hiện các quy định về quản trị công ty và các kế hoạch tăng cường năng lực quản trị công ty của HĐQT VPBank

Phát huy những kết quả của việc cải thiện và củng cố quản trị công ty đã được khởi động từ năm 2012 với dự án "Đánh giá việc Thực hiện các Quy định về Quản trị Công ty và Kế hoạch cải thiện Quản trị Công ty của VPBank" do Tổ chức Tài chính Quốc tế (IFC)

thực hiện, VPBank đã có cơ sở và kế hoạch, lộ trình cụ thể để cải thiện năng lực quản trị công ty của Ngân hàng, hướng đến một hệ thống Quản trị Công ty tiên tiến theo các thông lệ quốc tế tốt.

Trong năm 2013, IFC đã thực hiện những khảo sát, đánh giá bổ sung dựa trên kết quả tư vấn từ năm 2012. Theo đó, VPBank được đánh giá là có những nỗ lực trong việc thực hiện các kế hoạch tăng cường quản trị công ty. Trong năm 2013, VPBank đã triển khai được một số kế hoạch nhằm từng bước tăng cường vai trò và hiệu quả của quản trị công ty như sau:

- Tiến hành sửa đổi Điều lệ của VPBank và một số chính sách hiện hành thể hiện nhu cầu hiện tại của Ngân hàng trong việc cải thiện các quy định về quản trị công ty theo thông lệ tốt: liệt kê đầy đủ các quyền của cổ đông, trong đó có quyền được đối xử công bằng của các cổ đông của Ngân hàng; bổ sung thêm những quy định về việc bầu bổ sung thành viên HĐQT, BKS trong trường hợp có người từ nhiệm trước khi hết nhiệm kỳ; bổ sung thêm các quy định về người điều hành, các quy định về chế độ báo cáo, công bố và cung cấp thông tin, báo cáo thường niên. Bản Điều lệ đã được đăng ký với NHNN và cũng được dịch thuật sang tiếng Anh để các cổ đông, nhà đầu tư, đối tác nước ngoài tiện tra cứu;
- Xây dựng và áp dụng Quy chế quản trị Công ty; Quy tắc đạo đức, truyền thông và áp dụng rộng rãi trong toàn bộ Ngân hàng. Đã xây dựng và được ĐHĐCĐ thông qua Chính sách về cổ tức, nhằm cung cấp thông tin rõ ràng hơn cho các cổ đông và các nhà đầu tư tiềm năng của Ngân hàng;
- Đối với HĐQT: tiến hành bầu bổ sung nhân sự trong năm 2013, phân công phân nhiệm rõ ràng giữa các thành viên, tổ chức thực hiện tốt hơn các chức năng như giám sát quản lý, kiểm soát môi trường kiểm soát nội bộ bao gồm cả kiểm toán và quản trị rủi ro;
- Vai trò và nhiệm vụ của Ủy ban Quản lý Rủi ro đã được chú trọng; cải thiện chức năng quản lý rủi ro tập trung mới để xây dựng, đánh giá và giám sát các hệ thống, chính sách quản lý rủi ro hướng đến thông lệ tốt nhất;
- Về việc minh bạch thông tin: tiến hành chỉnh sửa nhằm nâng cao chất lượng và tăng cường các tính năng của website, cũng như cải thiện nội dung trong Báo cáo Thường niên - là kênh cung cấp thông tin chính thống của Ngân hàng tới khách hàng và các nhà đầu tư; ban hành quy định nội bộ về công bố thông tin để nâng cao vai trò và trách nhiệm của bộ phận thực hiện công bố thông tin; chủ động cung cấp thêm các thông tin về chiến lược chung của ngân hàng và các thông tin về thành viên của HĐQT và các Ủy ban trực thuộc;
- Thực hiện báo cáo tài chính theo chuẩn IFRS và tiến hành công bố các báo cáo tài chính kiểm toán này trên các phương tiện công bố thông tin.

Trong năm 2014, VPBank dự kiến tiếp tục cải thiện vai trò và hiệu quả của quản trị công ty thông qua việc liên tục đánh giá và điều chỉnh những tài liệu quản trị đã được xây dựng và tiến hành bổ sung những kế hoạch chưa triển khai xong trong năm 2013 như:

- Xây dựng cơ chế đánh giá hoạt động của HĐQT và các Hội đồng, Ủy ban chức năng; xây dựng và đề xuất ĐHĐCĐ xem xét các chính sách đãi ngộ cho các thành viên HĐQT, chính sách thù lao gắn với kết quả hoạt động hàng năm của Ngân hàng một cách rõ ràng hơn, công bằng và phù hợp với lợi ích dài hạn của Ngân hàng và cổ đông;
- Bổ sung thêm thành viên của BKS và tiến hành điều chỉnh bổ sung thêm các chức năng của Ủy ban Kiểm toán (theo thông lệ quốc tế) vào chức năng, nhiệm vụ của BKS;
- Đối với bộ máy giúp việc cho HĐQT và Thư ký Công ty: tiếp tục bổ sung những nhân sự có chuyên môn vững chắc về luật doanh nghiệp và các quy định về quản trị công ty; nâng cao vai trò hỗ trợ mạnh mẽ của nhóm nhân sự này đối với các hoạt động quản trị công ty cũng như cải thiện chức năng quan hệ với nhà đầu tư;
- Tập hợp và hoàn chỉnh lại các quy định và chính sách nội bộ về giao dịch với các bên liên quan để tăng cường sự rõ ràng, minh bạch và bổ sung thêm các quy định về giao dịch nội gián.

X. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

1. Cổ phần

Tổng số cổ phần của ngân hàng tại thời điểm ngày 31/12/2013 là 577.000.000 cổ phần (bằng chữ: năm trăm bảy mươi bảy triệu cổ phần). Toàn bộ số cổ phần này đều là loại cổ phần phổ thông và đang lưu hành. Việc quản lý số cổ đông của toàn bộ số cổ phần được thực hiện tại Công ty Chứng khoán VPBank theo Hợp đồng ủy quyền quản lý số cổ đông từ năm 2008.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật các Tổ chức Tín dụng số 47/2010/QH11: “Cổ đông là cá nhân, cổ đông là tổ chức có người đại diện là thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng Giám đốc (Giám đốc) của tổ chức tín dụng không được chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian đảm nhiệm chức vụ”.

Tại thời điểm 31/12/2013, sở hữu cổ phần của các thành viên HĐQT, thành viên BKS và Tổng Giám đốc của VPBank như sau:

STT	Họ và tên	Chức vụ đang nắm giữ tại VPBank	Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông
1	Ngô Chí Dũng	Chủ tịch HĐQT	25.872.404	4,48%
2	Bùi Hải Quân	Phó Chủ tịch HĐQT	8.936.112	1,55%
3	Lô Bằng Giang	Phó Chủ tịch HĐQT	817.490	0,14%
4	Phùng Khắc Kế	Thành viên HĐQT độc lập	-	không có
5	Luong Phan Son	Thành viên HĐQT	2.383.599	0,41%
6	Nguyễn Quỳnh Anh	Trưởng BKS	22.720.834	3,94%
7	Nguyễn Thị Mai Trinh	Thành viên BKS	28.349.194	4,91%
8	Trịnh Thị Thanh Hằng	Thành viên BKS chuyên trách	-	không có
9	Nguyễn Đức Vinh	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc	-	không có
Tổng cộng			89.079.633	

Tất cả số cổ phần của các thành viên có tên trong danh sách nêu trên đều là cổ phần hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật. Ngoài ra, ông Luong Phan Son là người đại diện cho phần vốn góp của 2 công ty nên số cổ phần của 2 công ty này cũng thuộc diện hạn chế chuyển nhượng theo quy định nêu trên. Do đó, tổng số cổ phần hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật là 115.925.028 cổ phần.

2. Cơ cấu cổ đông VPBank tại thời điểm 31/12/2013

STT	Loại cổ đông	Tổng số cổ đông	Tổng số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu cổ phần
1	Cổ đông cá nhân	3.675	521.192.063	90,33%
2	Cổ đông tổ chức	35	55.807.937	9,67%
3	Cổ đông nước ngoài	0	0	0%
Tổng cộng		3.710	577.000.000	100%

Trong năm 2013, VPBank có giao dịch chuyển nhượng của cổ đông lớn nước ngoài là Oversea-Chinese Banking Corporation Limited dẫn tới cơ cấu cổ đông của VPBank thay đổi từ tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài từ 14,88% vốn điều lệ ngân hàng xuống thành 0%, giải phóng giới hạn sở hữu cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài tại VPBank.

3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

ĐHĐCĐ thường niên VPBank đã thông qua nghị quyết về việc tăng vốn điều lệ thêm 577,410 tỷ đồng bằng hình thức chia cổ tức bằng cổ phiếu từ nguồn lợi nhuận để lại năm 2012 là 549,884 tỷ đồng và chia cổ phiếu thưởng từ nguồn quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ là 27,526 tỷ đồng.

VPBank đã làm thủ tục trình NHNN chấp thuận việc tăng vốn điều lệ, tuy nhiên các thủ tục xin phép NHNN chưa hoàn tất trong năm 2013 nên Ngân hàng chưa thực hiện phương án tăng vốn năm 2013 như dự kiến.

Giữa tháng 2/2014, NHNN đã có văn bản chính thức chấp thuận phương án tăng vốn điều lệ của VPBank từ 5.770 tỷ đồng lên mức vốn dự kiến là 6.347,410 tỷ đồng. Ngân hàng đang tiến hành các thủ tục cần thiết khác để hoàn thiện phương án tăng vốn này.

4. Giao dịch cổ phiếu quỹ

VPBank không có giao dịch cổ phiếu quỹ trong năm báo cáo.

5. Các chứng khoán khác

VPBank không có đợt phát hành nào khác trong năm.

6. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ

Theo quy định của pháp luật, Cổ đông là thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng Giám đốc không được chuyển nhượng cổ phần trong thời gian đương nhiệm, do đó trong năm không có phát sinh giao dịch chuyển nhượng cổ phiếu của cổ đông nội bộ là thành viên HĐQT, BKS và Tổng Giám đốc.

Các Phó Tổng Giám đốc được coi là các cán bộ quản lý của VPBank theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng. Thư ký công ty là các cán bộ thuộc Văn phòng HĐQT. Trong năm, Ngân hàng không có giao dịch chuyển nhượng của các cổ đông này.

7. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông chiến lược nước ngoài

Ngày 22/11/2013, cổ đông lớn của VPBank là Oversea-Chinese Banking Corporation Limited (OCBC) có trụ sở chính tại 65 Chulia, #09-00 OCBC Centre Singapore 049513 đã hoàn tất việc chuyển nhượng toàn bộ 85.830.457 cổ phần, chiếm tỷ lệ 14,88% trên tổng số cổ phần của VPBank. Bên nhận chuyển nhượng là các nhà đầu tư cá nhân trong nước. Việc chuyển nhượng cổ phiếu của cổ đông lớn đã thực hiện theo đúng các quy định hiện hành và được NHNN chấp thuận.

KẾ HOẠCH
KINH DOANH 2014



Nghị quyết 53/2013/QH13 ngày 11/11/2013 của Quốc hội đã nêu rõ mục tiêu tổng quát của Kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội năm 2014: Tiếp tục ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát; tăng trưởng hợp lý và nâng cao chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế trên cơ sở đẩy mạnh thực hiện ba đột phá chiến lược gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, tái cơ cấu nền kinh tế với các chỉ tiêu chủ yếu của năm 2014 như phần đầu đạt tốc độ tăng GDP khoảng 5,8%; kim ngạch xuất khẩu tăng khoảng 10%; tỷ lệ nhập siêu khoảng 6% kim ngạch xuất khẩu; tốc độ tăng giá tiêu dùng (CPI) khoảng 7%; tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội khoảng 30% GDP; tỷ lệ bội chi ngân sách nhà nước 5,3% GDP.

Trên cơ sở thực hiện Nghị quyết của Quốc hội, NHNN định hướng điều hành chính sách tiền tệ chủ động, linh hoạt, phối hợp chặt chẽ với chính sách tài khóa nhằm kiểm soát lạm phát theo mục tiêu đề ra, ổn định kinh tế vĩ mô, hỗ trợ tăng trưởng kinh tế ở mức hợp lý, đảm bảo thanh khoản của các tổ chức tín dụng và nền kinh tế. Năm 2014, phần đầu kiểm soát tổng phương tiện thanh toán tăng khoảng 16-18%, tín dụng tăng khoảng 12-14%. Đồng thời, NHNN tiếp tục triển khai đồng bộ, quyết liệt Đề án cơ cấu lại hệ thống các TCTD giai đoạn 2011-2015, triển khai đề án xử lý nợ xấu nhằm đảm bảo an toàn và phát triển bền vững hệ thống các TCTD.

Năm 2014 là năm thứ 2 VPBank triển khai chiến lược 5 năm giai đoạn 2012 – 2017 với tham vọng trở thành một trong những NHTMCP hàng đầu vào năm 2017. Sau hơn một năm thực hiện các chương trình chuyển đổi (2012-2013), với trọng tâm xây dựng các hệ thống nền tảng, một số cơ sở nền tảng quan trọng đã được thiết lập và bước đầu tạo ra các công cụ và phương tiện cần thiết để thúc đẩy tăng trưởng một cách vững chắc như hệ thống quản trị rủi ro, hệ thống vận hành tập trung các dịch vụ hỗ trợ (back-office, đặc biệt là vận hành tín dụng tập trung), tăng cường hệ thống công nghệ và quản trị nguồn nhân lực..., VPBank đã sẵn sàng cho việc mở rộng hoạt động kinh doanh và tạo ra những bước đột phá mới.

Trong điều kiện môi trường kinh doanh còn nhiều khó khăn và phức tạp, đồng thời kiên trì với định hướng chiến lược dài hạn, tiếp nối những công việc đang triển khai trong năm 2013, trong năm 2014 VPBank tiếp tục tập trung vào 2 mục tiêu cơ bản: (1) **Tận dụng các thành quả của các hệ thống nền tảng bước đầu được thiết lập, tập trung Phát triển kinh doanh đột phá trong các chiến lược trọng tâm;** và (2) **tiếp tục củng cố các hệ thống nền tảng đảm bảo kiểm soát được rủi ro cho một sự phát triển bền vững:**

- Tập trung trọng tâm kinh doanh vào việc thúc đẩy tăng trưởng tín dụng và cơ sở khách hàng của hai phân khúc khách hàng chủ chốt là Khách hàng Cá nhân (bao gồm mảng tín dụng tiêu dùng) và Khách hàng Doanh nghiệp Vừa và Nhỏ (SME). Tiếp tục mở rộng phát triển các phân khúc Khách hàng Doanh nghiệp (CMB) nhằm đảm bảo tính liên tục trong chuỗi dịch vụ và giá trị phục vụ các phân

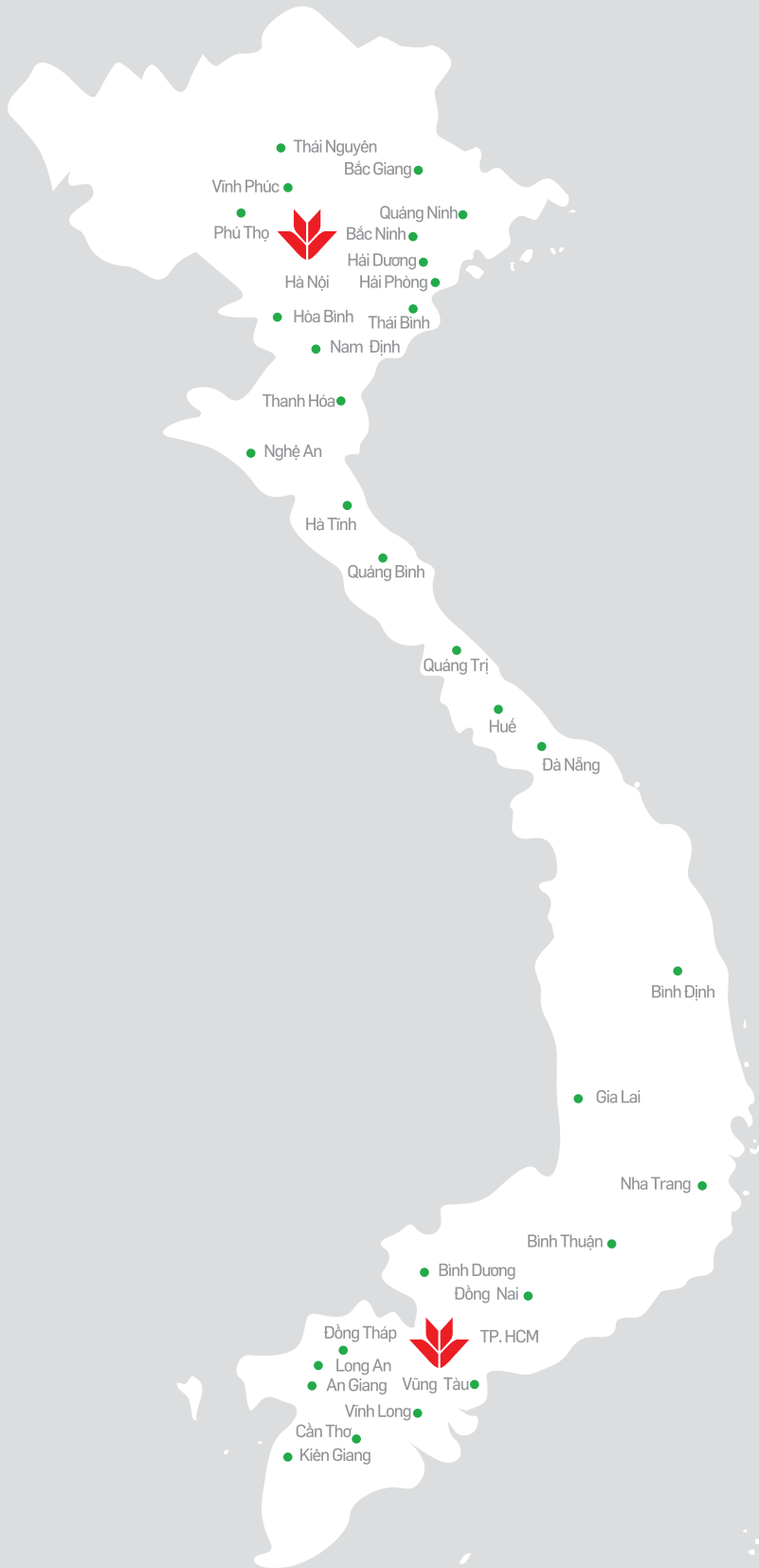
khúc khách hàng Upper-SME, đồng thời tận dụng cơ hội gia tăng thu nhập từ tín dụng và phí từ mảng khách hàng này trong nền kinh tế đang thay đổi của Việt Nam. Phát triển một cách có chọn lọc Phân khúc Khách hàng các tập đoàn và tổng công ty, doanh nghiệp quy mô lớn (CIB) tập trung vào việc tranh thủ cơ hội thị trường gia tăng quy mô tài sản và nguồn thu nhập thông qua việc cung cấp các dịch vụ ngân hàng. Các hoạt động kinh doanh ngoại tệ, trái phiếu tập trung bám sát các diễn biến thị trường nhằm tối đa hóa hiệu quả sử dụng nguồn;

- Tiếp tục củng cố và nâng cao chất lượng các hệ thống nền tảng với trọng tâm là hệ thống quản trị rủi ro (đặc biệt là hệ thống QTRR tín dụng và rủi ro vận hành), hệ thống phê duyệt tín dụng, triển khai đồng bộ theo hướng chuyên môn hóa và tập trung hóa các mô hình quản lý back-office (tiếp tục quá trình đã được bắt đầu từ 2013), mô hình quản lý bán hàng tập trung và mô hình dịch vụ tập trung nhằm nâng cao một bước hiệu quả bán hàng và chất lượng dịch vụ khách hàng của hệ thống các chi nhánh, phát triển nhân sự và hệ thống công nghệ tiên tiến đảm bảo phục vụ tốt quá trình phát triển nhanh của các hoạt động kinh doanh cũng như nâng cao chất lượng dịch vụ.

Một số mục tiêu tài chính hợp nhất năm 2014

STT	Chi tiêu (tỷ đồng/%)	Kế hoạch 2014
1	Tổng tài sản	155.000
2	Huy động khách hàng	106.603
3	Du nợ cấp tín dụng	84.454
	Trong đó: Cho vay khách hàng	72.712
4	Tỷ lệ nợ xấu	<3%
5	Lợi nhuận trước thuế hợp nhất	1.890
6	ROE	18%

MẠNG LƯỚI VPBANK



207

ĐIỂM GIAO DỊCH CỦA VPBANK TRÊN TOÀN QUỐC

AN GIANG	02
BẮC GIANG	04
BẮC NINH	02
BÌNH DƯƠNG	01
BÌNH ĐỊNH	02
BÌNH THUẬN	02
CẦN THƠ	04
ĐÀ NẴNG	10
ĐỒNG NAI	03
ĐỒNG THÁP	01
HÀ NỘI	63
HÀ TĨNH	05
HẢI DƯƠNG	03
HẢI PHÒNG	09
HÒA BÌNH	02
HỒ CHÍ MINH	38
HUẾ	06
GIA LAI	01
KIÊN GIANG	01
LONG AN	02
NAM ĐỊNH	05
NHA TRANG	02
NGHỆ AN	07
PHÚ THỌ	02
QUẢNG BÌNH	04
QUẢNG NAM	01
QUẢNG NINH	04
QUẢNG TRỊ	02
THANH HÓA	07
THÁI BÌNH	04
THÁI NGUYÊN	02
VĨNH LONG	01
VĨNH PHÚC	04
VŨNG TÀU	01

Ngân Hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng

Trụ sở chính: Số 72 Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: 043.9288869 / Fax: 043.9288867

Dịch vụ khách hàng: 043.9288880 hoặc 1900545415

www.vpb.com.vn